

ĐÌNH KHANG HOẠT

Tự Dục Khang

Sinh quán: Ninh Bình, VN

* Nguyên giảng-viên:

- Chính Trị tại Trung Tâm Biệt Chính/XDNT (1964-1967, Vũng Tàu)
- Ban Cao Đẳng Sư Phạm Nông - Lâm - Súc (1971-1973)
- Thanh Tra Nhà Học Vụ Nông Lâm Súc, Sài Gòn, (1971-1973),
- Chương trình GED thuộc Đại Học Cộng Đồng Portland (PCC - 1994)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Việt Sử Trường Ca (1994).
- Vấn Đề Văn Hóa Việt (Viết chung với Hoài Nguyễn, 1994).
- Tinh Hoa Sử Việt, (1999).
- Điểm Sách "Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam", 2002.
- Con Đường Cách Mạng Việt - I, (2003).
- Bàn về Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, (2004).
- Con Đường Cách Mạng Việt - II, 2006 (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt).
- Những Tinh Tối & Xấu của Người Việt (viết với Ts. Võ Quý Hân, (2005).
- Tim Hiếu Kinh Dịch, (2007).
- Hiếm Hoa Xâm Lăng & Đổng Hóa của Trung Quốc, (2008)
- Hai Dòng Văn Chương Việt: Bác Học & Bình Dân, (viết chung với Ts. Võ Quý Hân, (2009)
- Tết (viết chung với Đình K. Thanh Hà, (2009).
- Bản Sắc Việt Nam, (2010)
- Thời Cuộc Việt Nam & Thế Giới (Viết chung trong Nhóm Nghiên-Cứu Văn Hóa Việt), 2010.
- Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt, (2011)
- Vấn Đề Văn-Học Dân Gian (Viết chung với Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt), 2011.
- Vấn Đề Việt Ngữ, viết chung trong nhóm Quan Tâm Việt Ngữ, (2013).
- Nền Triết Học Việt Nam, (2013).
- Tương Quan Chúng Tộc với Ngôn Ngữ (Viết chung với nhóm quan tâm Việt Ngữ, (1916).
- Nền Triết Học Việt Nam (Triết Học Tổng Thê Lý Đông A (2017).
- Ngọn Cờ Vạn Thắng (Tu Tướng Lý Đông A Tuyển Tập) 2018.
- Làng Việt Nam (2019).
- Những khúc mắc về Lịch sử và văn-hóa Việt, (2020).
- Qua Luận Ngữ, để tìm một nền giáo dục tương -lai (2021)

BÁO CHÍ:

* Chủ Nhiệm:

- Nguyệt San LUỐNG CÀY (1963)
- Nguyệt San CHÍNH KHÍ (1984)

* Chủ Biên: Nguyệt San DÂN Ý (1995)

Một nền giáo-dục cho con người

2021 - Qua Luận Ngữ Đi tìm một nền giáo dục tương lai. Đình Khang Hoạt

Qua
Luận Ngữ
(Sứ học của nhà Nho)



Đi tìm
Một nền Giáo Dục tương lai
& Nhu cầu cải tiến Việt ngữ

2021

Đình Khang-Hoạt

*Dua sự học của nhà Nho
để làm*
**Một nền giáo-dục
tương-lai**
& Nhu-cầu cải tiến Việt ngữ.



2021

*Kính dâng thân phụ
Đình Duy-Phiên, để tưởng
nhở công ơn đã dạy cho con chú
Nho trong những năm kháng
chiến chống Pháp (1947-1952).*
Hoa-kỳ, ngày 6 tháng 12 năm 2020
Con Đình Khang-Hoạt.

Mục lục

Thay lời tựa	V
CHƯƠNG I: Cái học nhà Nho	1
I-1/ Luận-sử Khổng Tử	3
A- Thân-thể	3
B- Sự-nghiệp	5
I-2/ Tổng-quan	9
I-3/ Ý-nghĩa của Nho học	11
I-4/ Cách học	11
1- Học làm người con hiếu thảo	21
2- Học làm người công-dân tốt	30
3- Học làm người quân-tử (quan lại)	34
4- Học làm vua	40
5- Học làm thầy dạy	46
I-5/ Phương-cách học-tập	49
Trường học	49
Chương-trình học	61
I-6/ Hai thực-thể Việt - Tàu tại Trung Nguyên	65
I-7/ Định giá tư-tưởng của Khổng Tử và Nho học	72
I-8/ Bảng đối-chiếu hai nền văn-hóa nông nghiệp với du-mục	74
I-9/ Văn-hóa Việt khác với văn-hóa Tàu	77
I-10/Những điểm cần tu-bổ cho nội-dung của Luận-ngữ dùng trong việc học của nhà Nho	83
I-11/Những phiến-diện và nhập-nhàng giữa chính nho với nguy nho	89



Ngựa Hồ đem lấp dầu rồng.
Ngựa không ra ngựa, rồng không ra rồng!
Du-mục khóac áo nhà nông,
Khác gì về cú tỏ lòng phụng-hoàng!

Duy Khang.

CHƯƠNG II: Đi tìm một nền giáo-dục tương-lai	105
Văn-dề giáo-dục	107
II-1/ Vấn nạn	107
II-2/ Định nghĩa	108
II-3/ Mục-dích của giáo-dục	110
II-4/ Yêu-chỉ của giáo-dục	110
II-5/ Chu-trình giáo-dục	112
II-6/ Chính-sách giáo-dục	112
II-7/ Bốn khoa-mục căn-bản	114
II-8/ Hạch-tâm của giáo-dục	114
II-9/ Nội-dung kiến-thiết giáo-dục	116
II-10/Mô-phạm	117
II-11/Cách học	119
II-12/ Hệ -thống giáo-dục	120
II-13/ Hệ-thống học đường	121
II-14/ Sinh-hoạt giáo-dục	122
II-15/Những tai-hại của nền giáo-dục thiếu tâm đức	123
A- Các nòi giống bị linh-lạc	126
B- Các bộ-lạc bị áp-bức	108
C- Hậu-quả các cuộc chiến ác-sát	130
D- Kinh-tế bóc-lột	133
E- Các chế độ gây phân cách loài người	134
II-16/ Hình tượng sống cá nhân và đất-độc	141
CHƯƠNG III/ Tiếng Việt và nhu-cầu tu-chỉnh	157
III / Chủ Việt	157
III-1/ Giai-đoạn thời Bắc thuộc	157
A- Mẫu văn Mường	163
B- Mẫu văn Việt	163
III-2/ Chủ Nho	165
III-3/ Chủ Nôm	169
III-4/ Giai-đoạn chủ quốc ngữ	172

III-5/ Nhu-cầu cấp thiết tu-chỉnh tiếng Việt ngày nay	183
III-6/ Cái-tiến Việt ngữ	191
III-7/ Ý-kiến của 9 sử-gia và nhà nghiên-cứu về nguồn-gốc chữ Việt	197

CHƯƠNG IV: Một nền-tảng giáo-dục kiện-khang - hoàn thiện - nhân bản- tiến-bộ cho tương lai	215
IV/ Xuất-lộ cho Việt Nam	217
IV-1/ Tìm về đạo sống Việt	217
IV-2/ Đặc-thái tiếng Việt	225
* Khái quát	225
* Để học nhưng khó sử-dụng	225
* Đơn âm hay đa âm	225
* Đặc-thái:	226
IV-3/ Nước , nguyên-lý đã tạo nên tư-tưởng và nếp sống đặc-thù của dân Việt	237
Tóm kết	258
Phụ-lục:	265
Sách trichd-ấn và tham-khảo	267
Tham-khảo sách ngoại ngữ	268

*



Chữ Xuân

Thay Đời Tự

Biết thay đổi cách nhìn về cuộc sống và lịch-sử sẽ mang lại nhiều bài học, nhiều phong-cách tích-cực mới mẻ và khoáng-đạt.

Diễn biến phức-tạp lịch-sử và văn-hóa là mấu-chốt cho cuộc thăng tiến của loài người. Vì điều này mà người ta đưa ra nhiều cách nhìn, nhiều diễn giảng về văn-hóa, lịch-sử, dẫn đến những chướng-ngại, xung-đột kéo dài có khi hàng thế-kỷ, cùng hàng triệu người gục ngã; lịch-sử loài người đã và đang trải-nghịệm.

Lắng tâm suy-nghiệm là cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan, đúng-dẫn. Đây là phương-cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm-hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác về quá-khứ, hiện-tại và tương-lai, tránh được hời-hợt, hồ-đổ, theo thời.

Lắng tâm suy-nghiệm về cách làm sáng cái tâm, biết cách mở lòng mình còn gọi là **thức tâm**. Suy-nghiệm không hẳn là suy-tư, vì suy-tư nhiều khi ngã về cái lý xa-rời thực-tế, quên mất cuộc sống đang sinh-động trước mắt, khi suy-nghiệm phải nhìn vào thực-tại, vào vấn-đề truy tìm về quá-khứ để rút ra kết-luận cho tương-lai

Đình Khang-Hoạt V

Một nền giáo-dục cho con người VIII

Lắng tâm suy-nghiệm là cách suy-nghĩ lấy mục đích làm sự thức tâm để không bị lừa-gạt, phỉnh-nịnh. Cuộc đời này có lắm việc, thoạt nhìn thấy tối đẹp, nhưng khi có thời-gian suy-nghiệm, đối-chiếu vào thực-tế thì lại hoàn-toàn không như ta tưởng-tượng.

Người xưa còn đưa ra cách nhìn những việc và người của quá-khứ để rồi suy-nghiệm cho hiện-tại. Đây cũng là cách giúp ta tránh được những lầm-lẫn.

Khi nói đến sai-lầm, chúng ta lại thấy có những sai-lầm nhẹ-nhàng thoáng qua, song cũng có những sai lầm mà đi hại lâu-dài, và nặng-nề nhất là những sai lầm về văn-hóa, lịch-sử.

Cứ lấy ngay cuối thế-kỷ 19, và thời-kỳ đầu thế-kỷ 20, chúng ta đã thấy có biết bao nhiêu là những sai-lầm về lịch-sử, về văn-hóa dẫn đến những hậu-quả tai hại cho thế-giới. Ngoài ra, cho rằng nếu như ta mất tự-chủ về kinh-tế thì chỉ vài ba kế-hoạch ngũ niên là có thể đổi mới; nếu mất tự-chủ về chính-trị thì chỉ vài ba cuộc đảo chính là phục-hồi, nhưng nếu mất tự chủ về văn-hóa thì điều này phải mất nhiều đời, nhiều trăm năm chưa chắc. Cho nên nhà tư tưởng Việt, Lý Đông A đã cảnh-giác trong tác-phẩm "Huyết Hoa": "**Nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài, nuôi thân sinh nô tài**"...

Nội-dung và kết-cấu của văn-hóa, tự thân nó là tổng nghiệp của toàn-thể loài người trong dòng sống lịch sử xã-hội và thời-đại. Cũng trong dòng suy-nghĩ đó, người đã quảng-diễn lịch-sử văn-hóa của loài người có đặc-trưng là "**Viết bằng máu**", sự tiến-triển của xã-hội loài người được thể-hiện qua biện-chứng khoa-học, từ quy-luật kinh-tế của xã-hội phát-triển không ngừng ảnh-hưởng tới những suy-tư của thời-đại, đó chính là nhân của tương-lai.

Việc "**thay cũ đổi mới**" diễn-tiến theo chu-kỳ vòng xoay tròn ốc có núi tít. Từ hạt nhân của thời-đại để diễn tiến theo đường vòng đi lên mở ra một xã hội mới,

Một nền giáo-dục cho con người VI

"Xuất lộ cho dân-tộc, quốc-gia, xã-hội..." Như thế, ta thấy những bế-tắc của xã-hội sẽ là "**xuất lộ**" cho một xã-hội thăng tiến hơn.

"Lịch-sử cuộc cách mạng 1789 ở thế-kỷ 18 tại Pháp đủ bất-dẫu nảy mầm từ những thế-kỷ trước với các nhà tư tưởng, các triết-gia như Diderot, Montesquieu, J. J. Rousseau,... Những cuộc cải-tổ vươn lên đó phải là tiền trình tư-tưởng quan-niệm của người dân phối-hợp với những điều-kiện bên ngoài xã-hội gồm cả chủ-quan lẫn khách-quan dẫn tới cuộc bùng nổ, rửa sạch cõi đời cũ đầy mục nát, thối rữa của những tề-đoan, "chọc thủng màn đen bằng đấu-tranh, hy-sinh và vun-bồi mà đưa lại những hương thơm, ánh sáng và gió thoảng... Ảnh sương mai đã thấm-nhuần những tia sáng bình-minh lóng-lánh, sóng tân sinh đang đạt-dào khắp trong lòng người."

Trần đầy hy-vọng,

"Tinh sương nguyệt ánh điểm hương thì." ¹

Mục-dịch của tập khảo-luận này không ngoài việc mong muốn được góp phần nhỏ bé trong mục-dịch và chương-trình giáo-dục mai sau cho một nước Việt Nam sáng-lạn tương-lai.

Kính cẩn,
Hoa Kỳ, Lập Xuân Tân Sửu, 2021.

Đình Khang-Hoạt

1- (Trích trong Huyết Hoa của nhà Tư Tưởng Việt, Lý Đông A)

Đình Khang-Hoạt VII



Di ảnh Khổng Tử

Chương I

Cái học NHA NHO

*

(Nho học trong thời xưa.)

Đôi điều cần suy xét về Khổng Tử:

1- **Tử viết:** Duy nữ tử dữ tiểu nhân vi nan đường dã, cận chi tắc bất tôn, viễn chi tắc oán. (Chỉ có phụ-nữ và tiểu-nhân là khó dạy nhất, gần thì họ thiếu tôn-kính, cách xa thì họ oán-giận)

(Luận Ngữ/Thiên 17, bài 24)

2- **‘Khổng tử nói:** Đạo quân tử có ba điều mà ta chẳng làm được một, người nhân không lo buồn, kẻ tri chưa làm được; phận làm em phải kính nhường anh, ta chưa làm được; Cho đến phận bằng hữu, trước phải ra giúp bạn, ta cũng chưa làm trọn...).

Chính Khổng Tử cũng chưa dám nhận là bậc thánh, thì tại sao lại tôn ông làm thánh? – **Tử viết:** “Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm.” (Nếu làm bậc thánh và bậc nhân thì ta há dám (Luận Ngữ – Thuật Nhi).

I-1/ *Lược-sử Khổng tử*

A/ **Thân-thế :**

Khổng Tử (551-474 trc C.N.) tên thật là Khổng Khâu, tự Trọng Ni, người quận Xương Bình nước Lỗ, nay thuộc miền Sơn Đông phía bắc nước Tàu, thân phụ là Thúc Lương Ngột, mẹ là Nhan Thị;

Khổng Khâu mồ-côi cha khi lên ba tuổi. Thiểu thời thích chơi trò cúng tế.

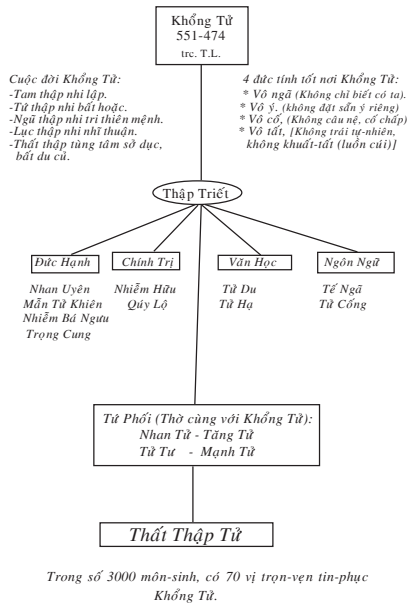
Khổng Tử nhà nghèo, năm 19 tuổi mới thành gia thất (sau bỏ vợ!), nhận chức ủy-lai, coi việc thóc lúa trong kho, lại coi việc nuôi bò để dùng vào việc cúng tế. Năm 29 tuổi đến học ở Lạc ấp, kinh sư nhà Chu, Khổng Tử đã xem-xét và khảo-cứ tường-tận về chế-độ nơi miếu đường, cùng những nơi tế giao, tế xã. Tục truyền, Khổng Tử cũng đến hỏi Lão Tử về lễ, và hỏi Tráng Hoành về nhạc.

Sau trở về nước Lỗ, học-trò theo học càng ngày càng đông. Tuy vậy, vua nước Lỗ vẫn không dùng ông.

Năm 35 tuổi (517 trc. C.N.), vì nước Lỗ loạn lạc, Khổng Tử bỏ sang Tề. Ở đây, bắt đầu học nhạc Thiệu, và bị quan đại phu là Án Anh dèm-pha, vua Tề không dùng Khổng Tử.

Cho đến năm 50 tuổi, vua Lỗ mời Khổng Tử giữ chức Trung Đò Tể ví như kinh thành thủ doãn, sau một năm lên chức đại tư khấu (*hành-bộ thượng thư*). Được 4 năm, lại được cử làm nhiếp tướng sự, quyền nhiếp việc chính-trị trong nước.

Sau vua Lỗ bị kế phản-gián của nước Tề, bỏ bê việc triều chính, nên thầy trò Khổng Tử rủ nhau bỏ Lỗ sang Vệ, rồi sang Trần, sang Tống, tiếp lang-thang sang nước Trịnh (*phía bắc Hồ Nam bây giờ*). Sau lại trở về Vệ



B/ Sự nghiệp:

Trong sách Luận Ngữ có ghi: “Một người ở làng Đạt Hạng nói: Khổng Tử thật là vĩ-dại, người học rộng, nhưng rất tiếc chẳng có chức danh gì! Khổng Tử nghe được, nói với học-trò: Ta làm được cái gì ư? Ta đánh xe hay là bán cung? Thôi, ta làm nghề đánh xe vậy ”? ¹

Đối với chính mình, Khổng Tử không bao giờ mắc 4 sai lầm: Chỉ dựa vào ý riêng, áp-đặt phán-đoán, cố chấp, tự cho mình là đúng, ² và theo Khổng Tử: Bậc quân tử ăn chẳng cầu no, chỗ ở không cần an-toàn quá mức, làm việc thì minh-mẫn, mà lời nói thì thận-trọng, là kẻ chính-dáng, có thể gọi là người hiểu học. ³

Về giáo-dục, Khổng Tử không bàn đến chuyện kỳ-quái, bạo lực, phân loạn, qui thần, ⁴ và lấy bốn điều để dạy: Văn học, đức-hạnh, trung-thành, và tín-nghĩa. ⁵

Khổng Tử lấy ngay điều cụ-thể để giáo-dục môn đệ, như câu nói: ba người cùng bộ hành đều là thầy ta. ⁶

1- (Đạt Hạng đáng nhân viết: Đại tại Khổng tử! Bậc học nhi vô sở thành danh. Tử văn chi vị môn đệ.; Ngộ hà chấp, chấp ngữ hồ? chấp xạ hồ? Ngộ chấp ngữ hi. Không có danh. Làm nghề đánh xe ? Làm nghề bán cung? -Ta làm nghề dẫn đường cho thiên hạ.
2- Tử tuyệt từ: vô ý, vô tử, vô cố, vô ngã.

(Luận Ngữ, Thiên 9 , bài 1)
3- Quân tử thực vô cầu báo, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thân ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên - khả vị hiểu học dã dĩ.
(Luận Ngữ, thiên 1 bài 14)

4- Tử bất ngữ: quái, lực, loạn, thần. (Luận Ngữ/Thiên 7-bài 21)
5- Tử dĩ tứ giáo: văn, hành, trung, tín. (Luận Ngữ/ Thiên 7 bài 25)
6- Tử viết: Tam nhân hành, tất hữu ngã sự yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi. kỳ bất thiện giả nhi cai chi.

(Luận ngữ /Thiên 7-22)

Học mà không thấy tức-tử, vì chưa hiểu ra được điều đã học; cũng như hậm-hực vì chưa nói ra được điều mình đã học, và khi học không biết suy từ điểm này ra điểm nọ, thì Khổng Tử không còn cảm-hứng để chỉ bảo tiếp. ¹

Khi giảng-dạy, hay đối-thoại với môn sinh, Khổng Tử tùy theo tâm-lý hay trình-độ của mỗi môn-sinh mà chỉ bảo, nên cùng một vấn-đề mà ta thấy có nhiều câu trả-lời khác nhau.

Khổng Tử nêu rõ 5 mục -tiêu của giáo-dục: Dạy làm người, dạy làm công-dân, chỉ cách làm quan (quân-tử), đức làm vua, và đạo làm thầy.

Chữ ‘Lễ’ được chú-trọng ở khắp nơi, mọi lúc, “Giữ lễ mà đạt được quý ở sự hài-hòa. Đạo trị nước của vua chúa thời trước, việc lớn nhỏ đều thuận theo sự hài-hòa. Nhưng nếu chỉ biết hài-hòa, mà không lấy chữ ‘lễ’ để ràng-buộc thì không lấy gì bền chặt.” ²

Theo Khổng Tử: Người xưa học cho mình, đời nay học vì người. ³

Nói cách khác: Người xưa đi học là tu thân, rồi ra giúp nước để thực-hành tri-thức. Nay thiên-hạ đi học để lấy bằng cấp, cho người ta biết mình. Học vì danh lợi.

1- Tử viết: Bất phân bất khái, bất phi bất phát, cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phân, tắc bất phục dã. Tử nói: Kể nào chưa uất-ức vì chưa hiểu được thì ta không gợi mở cho. Kể đã được ta chỉ cho một góc mà chẳng biết tự xét ra ba góc kia thì ta chẳng dạy cho nó nữa.
(Luận Ngữ/ Thiên 7- bài 8)

2- Hữu tử viết : Lễ chi dụng, dĩ hòa vi quý. Tiên vương chi đạo, tư vi mi, tiểu đại do chí, hữu sở bất hành. Tri hòa nhi hòa, bất dĩ ‘lễ’ tiết chi, đức bất khả hành dã. (Luận Ngữ, thiên 1, bài 12)

3- Tử viết: Cổ chi học giả vi kỳ, kim chi học giả vi nhân.
(Luận Ngữ/ Thiên 14-24)

Khổng Tử rất tự-hào về vai-trò giáo-dục của mình. Trong khi bị vây khốn ở đất Khuông, Khổng Tử đã hùng-hồn và đông-dạc: Vua Văn vương đã mất đi, chẳng phải Lễ nhạc văn-hóa đều còn ở nơi ta cả ư? Nếu trời muốn hủy-diệt nền văn-hóa này, thì sao vua Văn vương mất đi lại ủy-thác ta nắm lấy làm chi? Còn nếu trời không muốn mất nền văn-hóa này thì người Khuông làm gì được ta. ¹

Khổng Tử qua đời vào năm 474 trc. C.N., thọ 77 tuổi.



1- “Tử uly ư Khuông, viết: Văn vương kỳ một. Văn bất tại tu hồ? Tu văn dã. Thiên chi vị táng ư văn dãthiên chi tang thường tu văn dã, hậu tu dã bất đắc dĩ ư tu văn dã. Thiên chi vị táng ư văn dã. Khuông nhân kỳ như dư hà? (Luận Ngữ/Thiên 17, bài 24)

-“**Minh Tâm Bửu Giám**”: Tấm gương báu soi sáng cõi lòng. Nội-dung sưu-tập các câu cách-ngôn của các bậc thánh hiền. Sách chia làm 20 thiên.

Thí dụ trích mấy câu trong thiên thứ nhất: “*Ké Thiện*”:

Âm: *Từ viết*: “ *Vì thiện giả, thiên báo chi dĩ phúc; vì bất thiện giả, thiên báo chi dĩ họa.*” (*Đức Khổng tử nói: “Người làm điều thiện thì trời giáng phúc - Làm điều chẳng lành thì trời giáng tai-va.*)

- “**Minh Đạo Gia Huấn**”: Nhan sách có nghĩa là “*Sách dạy trong nhà của Minh Đạo*” (*Minh Đạo là danh hiệu của Trình Hiệu đậu tiến-sĩ, làm quan đời Tống Thần Tôn (1068-1086)*). Sách gồm 500 câu thơ. Đầu là những lời khuyên-răn về luân-thường đạo-lý, và chỉ bảo về cách tu thân xử thế.

Thí dụ: “*Khai quyển hữu ích, chí giả cánh thành (Mở sách có ích, người có chí thì nên)*
Hay: Giáo phụ sơ lai; giáo tử anh hài (Dạy vợ lúc mới về; dạy con từ lúc còn thơ.)
Hoặc: Hàm huyết phun nhân, tiên ô ngã khẩu (Ngậm máu phun người, trước bẩn miệng mình)...

“**Tam Tự Kinh**”: *Sách ba chữ, vì các câu trong sách đều có ba chữ. Các chữ cuối câu chẵn đều có vần, và cứ hai vần trước lại đổi sang vần bằng. Sách truyền rằng do Vương Ứng Lân đời nhà Tống soạn ra.*

- “**Hiếu Kinh**” của Tăng Tử, trong đó chép lời của Khổng Tử dạy về đạo hiếu; thông-dụng hơn là cuốn, “**Minh Đạo Gia Huấn**” và **Tam Tự Kinh**. Toàn sách gồm 358 câu, bảy đoạn:

* Đoạn 1 : Nói về tính người.

i-2/ **Tổng Quan:**

Đào hậu bán thế-kỷ XIX, nhà thơ Trần Tế Xương đã than-thở:

*Cái học nhà Nho đã hỏng rồi!
Mười người đi học, chín người thôi.*

Cho đến năm 1918, thi-cử bằng chữ Nho bị chấm dứt, và được thay thế bằng lối học chữ “*Quốc ngữ*”, Tây học, rồi đến cái học Mác-xít, Lênin, Mao Trạch-Đông, cái học “*trông người*” theo kiểu Hồ Chí Minh, và tập-đoàn “*đỉnh cao trí tuệ*”, cái học thị-trường theo định hướng Xã-hội chủ-nghĩa... tưởng đã thỏa-mãn theo thời-đại, nhưng tiếc thay: *dân tình ngày một điêu-đùng, thanh-niên thời-đại ngày càng mất hướng đi, xã-hội thêm loạn-lý, tình người càng sa-sút,...! tiếng thờ-dài não-nuốt đầu-dầu cũng nghe thấy, mắt người ngo-ngác, mặt người thần-thờ, ai cũng lắc đầu khi hỏi về “*tương-lai dân-tộc*”!*

Trong chiều hướng “*tìm về nguồn*” để tìm hiểu những “*cái hay*”, “*cái dở*” mong bổ-túc cho cái nhìn về *tương-lai*, nay chúng ta thử tìm hiểu “*Cái Học Nhà Nho*” xưa như thế nào, mà trong quá-trình lịch-sử Việt đã không thiếu những trang sử oai-hùng và sáng chói. Nhờ vậy, dù trải nhiều năm Bắc thuộc, nhiều năm Trịnh - Nguyễn phân tranh, trăm năm bị Pháp đô-hộ, nhiều chục năm đất nước tan hoang, thế mà nước Việt vẫn trường-tồn, dân Việt vẫn hào-hãnh còn là người Việt Nam, không bị ngoại-hóa, dù kẻ thù đã dùng mọi manh tâm để đồng hóa.

Riêng lãnh-vực văn-học, ta thấy ảnh-hưởng tam giáo đã lưu lại trong thơ văn qua các triều-đại. Bắt đầu có quy-cử từ Lý qua Trần, và đã nở hoa thời Hậu Lê với “*Nhị thập bát tú*” của Tao Đàn

Lê Thánh Tôn, với “*Quyển Uyển Cừu Ca*” tạo ra nền thơ văn Hồng Đức độc-lập về ngôn từ.

- Nho học qua thơ văn của Lý Thường Kiệt, “*Nam quốc sơn hà Nam đế cư...*”

hay

*Chú Đáo xóm Đình lên với tớ,
Ông Từ trong xóm lại cùng ta...*

của Tam Nguyên Yên Đổ thật là chững-chạc, hòa-nhã, đượm hương-vị dân-tộc.

Còn câu nào “*trung-chính*”, “*đôn-hậu*” tỏ sáng như đoạn “*Việc nhân nghĩa cốt ở an dân - Quán điều phạt chỉ vì khừ bạo...*” trong Bình Ngô Đại Cáo...?

-Tinh-thần Lão - Trang cũng bàng-bạc ở Bạch Vân cư-sĩ, ý lời thật là thanh-nhã, tiếu-dao.

- Đậm nét Phật giáo, chấn-ngán trần ai ở “*Cung Oán Ngâm Khúc*”. Phật giáo đã đi vào đời, tể-độ chúng sinh:

*Khi trống gục, lúc chuông dồn,
Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tới ngày...*

(*Truyện Quan Âm Thị Kính*)

- Đầy đủ phong-vị Việt hòa với Tam Giáo rõ hoa ở Chinh Phụ Ngâm.

- Vút lên đỉnh cao ở *Đoạn Trường Tân Thanh* tổng-hợp cả Phật - Lão - Khổng.

Ở phần “*hình nhi hạ*”, thì ai cũng thấy tinh-thần “*Vạn vật đồng nhất thể*” được bình-dân-hóa thành “*Đĩ hòa vi quý*” nơi mọi người dân.

Vậy chúng ta thử tìm xem những gì là tinh-hoa trong Nho học?

*

I-3/ **Ý Nghĩa của Nho Học:**

Chữ “*Nho*” thông-thường có ba nghĩa, và mỗi nghĩa tùy theo cách viết:

- Chữ “*nho*” viết với bộ “*nhân đứng*” bên chử “*nhu*” là người học-trò, như nho sĩ, nho sinh, nho phong, nho giáo, nho thuật, v.v...

- Chử “*Nho*” không có “*nhân đứng*” ở bên trái (*chỉ người*) đọc là “*nhu*” nghĩa là cần dùng, nhu-yếu, quãn nhu.

- Chử “*nhu*” (gồm chữ “*mâu*” (cái giáo) với bộ “*mộc*” ở dưới, có nghĩa là mềm-mại, nhu-nhuuyễn, nhu-thuận, nhu-nhược.



I-4/ **Sách học:**

Nho học truyền vào Việt Nam đi đôi với chính sách đô-hộ của người Tầu. Năm 1070, vua Lý Thánh Tông đã cho xây văn miếu để tôn thờ Khổng Phu tử, lập quốc-tử-giám cho con em trong nước học-tập kinh điển Nho giáo. Tư-tưởng của Nho giáo nằm trong các kinh sách:

Xưa nay, đa số các nhà Nho đã dùng Kinh Dịch như là sách tham-khảo về “*bối-toán*”, coi địa-lý, và y học. Ngoài ra Kinh Dịch không những là cổ thư Kinh Dịch tuy đã biểu dạng thành văn-tự, nhưng ý-nghĩa sâu-xa khó hiểu, Khổng Tử (?) mới thích nghĩa thêm, gồm 10 truyện, gọi là “*thập dục*”.

Xưa nay, đa số các nhà Nho đã dùng Kinh Dịch như là sách tham-khảo về “*bối-toán*”, coi địa-lý, và y học. Ngoài ra Kinh Dịch không những là cổ thư lâu đời nhất ở Á Đông, mà còn là một kho-tàng chứa chất nhiều tư-tưởng thâm sâu về triết-học cũng như xã-hội học.

“**Kinh Lễ**” (Lễ ký): Sách chép các lễ nghi trong gia-đình, hướng đảng và triều-đình.

- “**Kinh Xuân Thu**”: Nguyên là sử ký nước Lỗ do Khổng tử san định lại. Sách chép công việc theo thể biên niên (*ghi theo năm*) từ năm đầu đời Lỗ Ân Công đến năm thứ 15 đời Lỗ Ai Công (622 đến 481 trc. T.L.).

Sau khi học hết “*Tứ Thư*”, “*Ngũ Kinh*” học thêm sách “*Chư Tử*” như: Tuân Tử, Dương Hùng, Lão Tử, Trang Tử cùng Phật học. Tóm lại có 3 hệ thống giáo-dưỡng và nhân-sinh:

- Nhập thế, lập thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ thì có “*Khổng học*”.

- Xuất thế: Lập đức, lập học, lập ngôn thì có Lão học, Trang Tử và Phật học.

Thật là khá phóng-khoảng, thu-thập nhiều luồng tư-tưởng.

Tứ Thư (*Bốn sách*), gồm: Đại Học, Trung Dung, Mạnh Tử, Luận Ngữ,..

- **Đại Học**: Sách này cốt dạy đạo của người

* Đoạn 2 : Bốn-phận con trẻ.

* Đoạn 3 : Các điều thường-thức.

* Đoạn 4 : Nói về các sách học: Hiếu Kinh, Tứ Thư, Ngũ Kinh, Ngũ tử, chư sử.

* Đoạn 5 : Kể các triều từ đầu đến Nam - Bắc triều.

* Đoạn 6 : Kể gương các người chăm học.

* Đoạn 7 : Mấy lời khuyên chăm học.

Thí dụ: *Dưỡng bất giáo, phụ chi quá.*

Giáo bất nghiêm, sư chi nọa.

Tử bất học, phi sở nghi;

Áu bất học, lão hà vi...

(Nuôi mà chẳng dạy, lỗi người cha. Dạy mà chẳng nghiêm, do sự lười của thầy. Người con mà không học là lỗi đạo làm con. Trẻ mà không học, già làm gì ?...)

* **Ngũ Kinh** (Năm Kinh): Gồm các Kinh: Kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Lễ và kinh Xuân Thu.

- “**Kinh Thi**” vốn là những bài ca-đao nơi thôn quê và nhạc chương ở triều miếu đem hát khi có yến tiệc và tế lễ về đời thượng-cổ.

Nguyên trước có đến ba ngàn thiên, sau Khổng Tử lựa lấy hơn ba trăm (305) thiên, sắp đặt thành bốn phần: Quốc phong, Tiểu nhã, Đại nhã và Tụng.

. Quốc phong: Những bài ca-đao của các chư hầu đã được nhạc quan triều-đình sưu-tập. Quốc phong gồm tám cũng như ở phía cảnh tức là “*múa gậy thân*”. Bởi vậy hiện-tượng “*Giáng Long phục hổ*” là nếp sống sinh-hoạt hợp lý, hợp sự, dung-hòa tình-cảnh, nên được gọi là “*Hòa Hợp Tiên Long*”....

Đại nhã: Chỉ những bài hát dùng trong những trường-hợp quan-trọng như khi thiên-tử (vua trung-ương) họp các chư-hầu, hoặc tế lễ.

Chính phong *gồm những bài tự trong cung điện thiên-tử truyền ra ngoài, và Biện phong gồm những bài hát của 13 nước chư-hầu.*

. Tiểu nhã: Nhã nghĩa là chính-đính, gồm những bài hát nơi triều-đình. Tiểu nhã chỉ những bài dùng trong trường-hợp thường khi có yến tiệc.

. Tụng: Nghĩa là khen (ca-tụng), gồm các bài ngợi khen các đời vua trước, dùng để hát nơi miếu đường.

Thế văn trong Kinh Thi viết theo lối thơ bốn (4) chữ, thỉnh-thoảng có câu 3 hoặc 5 chữ, và theo ba thể: *Hưng* (nhân cảm-xúc ngoại vật mà phát ra), *phú* (phô bày, mô-tả) và *tỷ* (so-sánh, muốn nói ý gì không nói thẳng mà mượn sự vật ở ngoài làm tỷ ngữ).

Tổng-quan về Kinh Thi, như Khổng Tử đã nói: “*Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chí, viết: Tứ vô tà*” (Cả ba trăm thiên kinh Thi, chỉ một câu có thể bao gồm: Không nghĩ bậy.) và ích-lợi của Kinh Thi ở chỗ là xem Kinh Thi có thể làm phấn-khởi được ý chí, xem xét được việc hay, dở, hòa-hợp với người, bày-tỏ nỗi sầu oán, gần thì học việc thờ cha, xa thì học việc thờ vua, lại biết được nhiều tên của chim muông, cỏ cây. (*Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân, da thức ư diêu thú, thảo mộc chi danh.*).

“**Kinh Thư**” (*nghĩa đen là ghi chép*) do Khổng tử sưu-tập các điển (*phép tắc*), mô (*mẫu-lược, kẻ-sách*), huấn (*dạy-dỗ*), cáo (*lời truyền báo*), thệ (*lời răn bảo tướng sĩ*), mệnh (*mệnh lệnh*) từ thời Nghiêu Thuấn đến Đông Chu.

- “**Kinh Dịch**”: Theo truyền-thuyết, Kinh Dịch là do các vị Phục Hy (4477- 4363 trc. T.L.), Đại I Vũ

(nhà Hạ 2205-1776 trc. T.L.) ,Văn vương (nhà Chu 1122 - 770 trc. T.L.), Chu Công (con văn vương), và Khổng Tử (551-479 trc. T.L.) hoàn thành. Lúc đầu chưa có chữ viết, họ Bào Hy (Phục Hy) ngừng xem tượng trời, cúi xem lý đất, quan-sát dấu vết chim muông cũng những thổ nghi ở đất - Gần thì lấy thân mình, xa thì lấy các vật mà vạch ra bát quái. (*Cổ giả, Phục Hy thị chi vương thiên hạ dã, ngưỡng tắc quan tượng ư thiên, phủ tắc quan pháp ư địa, quan diêu thú chi văn, dữ địa chi nghi, cận thủ chư thân, viễn thủ chư vật, ư thị tác “bát quái” ...*(*Dịch Kinh - Hệ Từ hạ, chương II*)

Phục Hy đã dùng gạch liền ___ chỉ dương (+) và vạch đứt __ __ chỉ âm (-).

Đến đời Hạ, Đại Vũ đi trị thủy sông Lạc Thủy bắt được con rùa thần, trên mai có ghi đồ hình. Đại Vũ chép lại gọi là “*Lạc thư*”. Tựa vào “*lạc thư*”, Đại Vũ lập ra Hồng Phạm Cửu Trù (9 phép trong khuôn mẫu tổ-chức xã-hội).

Tiếp theo là Văn vương (1185 - 1135 trc. T.L.) khi bị vua Trụ (*nhà Ân*) cầm tù tại ngục Dữu Lý, ông đã điều-chỉnh “*Tiên Thiên Bát Quái*” thành “*Hậu Thiên Bát Quái*”, ông làm thêm lời “*soán*” dưới sáu mươi tư quẻ.

Tiếp theo là Chu Công làm hào từ (*lời cho mỗi hào, mỗi nét trong một quái gọi là hào, tổng-cộng 64 quẻ x 6 = 384 hào*).¹

Kinh Dịch tuy đã biểu dạng thành văn-tự, nhưng ý nghĩa sâu xa khó hiểu. Khổng Tử (?) mới thích nghĩa thêm, gồm 10 truyện, gọi là “*thập dục*”.

¹ Dương Quảng Hàm, “*Việt Nam Văn Học Sử Yếu*”, *Bộ Giáo Dục/Trung Tâm Học Liệu* xuất bản, in lần thứ mười 1968.

bánh dày và bánh chưng, cũng quan-niệm biến dịch nơi “*gậy thần*” chín đốt của đức thánh Tản Viên. Vũ-trụ-quan hiện-tượng là đem dịch lý vào vật sự, hay vật sự ứng dịch lý. Dịch lý là phần tinh-thần “TIÊN”. Song nơi vũ-trụ, hiện-tượng (*hiện sự, hiện vật*) mà rõ ra được thành chân sự, chân lý thì có quyển “*Sách Ước ba tờ*” của Tổ Việt. Đem lý vào sự, đưa sự để chứng-minh và làm sáng tỏ lý, ứng đối với ngoại cảnh, hóa giải các trở-ngại ở nội tâm.

- **Luận ngữ** : “*Cuốn sách **tiêu-biểu đường hướng giáo-dục của Nho học**. Luận ngữ là sưu tóm-lược những bài giảng, các buổi học, và thuật lại nhiều sự việc, nét sinh-hoạt của thầy trò Khổng Tử.*

Luận: bản-bạc. - Ngữ: *dáp lại, thuật lại.* Luận ngữ là Lời nói có ý-nghĩa để bàn luận,

“Sách gồm 20 thiên, mỗi thiên gồm nhiều bài, mỗi bài chỉ là một câu nói, một đối thoại hay một câu chuyện ngắn.

“Toàn bộ Luận ngữ có 511 bài. Nội-dung bao gồm về: Lễ, nhân đức, trung nghĩa, trí tín, dũng liêm, âm nhạc, văn-chương,...những tình-hướng đối nhân xử thế đa dạng trong cuộc sống.

“*Đọc qua Luận ngữ, tưởng như rời-rạc, nhưng thực-sự vai-trò quân-tử là sợi chỉ xuyên suốt tập sách. Phẩm-chất của quân tử, khái-niệm mở ra từ hẹp đến rộng, đến vô cùng. Luận ngữ trình-bày đạo quân tử qua những chuyện sinh-động, rất ấn-tượng dễ hiểu.*

Ngọc bất trác, bất thành khí - Nhân bất học bất trí lý. (Ngọc không đũa không thành vật quý, người mà không học thì không biết lý lẽ. Cho nên Tử viết: Học nhi thời tập chí, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? (Khổng tử nói: Học có tập luyện, chẳng vui lắm sao? Có bằng hữu từ phương xa

quán tử. Sách gồm hai phần: Phần trên có 1 chương, gọi là kinh (*ghi lời của Khổng Tử*), phần dưới là truyện ghi lời giảng-giải của Tăng Tử (*môn đệ của Khổng Tử*) có 10 chương.

Thí dụ: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện*” (Đường học của bậc đại học là làm sáng cái đức sáng (đức tốt) của mình, cốt làm mới (cải hóa) cho người dân, và chỉ dừng lại khi đã đến chí thiện.).

Muốn đạt được đích trên thì “*Tự thiên từ dĩ chí u thư dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*” (Từ ông vua đến người thường dân, ai nấy đều lấy việc sửa mình làm gốc.)

Và muốn sửa mình, trước hết phải thấu lẽ mọi sự vật, hiểu biết cho đến cùng cực, ý phải thành-thực, tâm phải ngay chính, sau đến thân được tu, nhà được tề, nước được trị, cả thiên hạ được bình... (Cách vật, trí chí, thành ý, chính tâm, Tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ...)

* **Trung Dung**: Chủ-đích của sách nói về đạo của thánh nhân. Suy từ lễ “Trời” đến “nhân, nghĩa” khiến thiên-hạ được thái-hòa. Sách gồm những lời tâm pháp của đức Khổng Tử, tổng-cộng 33 chương.

Mệnh, Tinh, Đạo với Trung, Hòa.

“*Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo.*”

Văn-chương trong “Trung Dung có một nghĩa khác là chỉ hành-vi của thánh nhân, công-nghiệp trị quốc, bình thiên-hạ. Tính = nguyên-lý tự-nhiên mà người ta nắm-thu. Lý tự-nhiên = thiên mệnh. “*Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chí giả thiên dã, thành chí giả tính giả*” .

“*Trí Trung Hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.*” (Công dụng của đức Trung, đức Hòa là trời đất an hòa, vạn vật phồn vinh.).

Mạnh Tử: Tên sách chính là tên của tác-giả. Sách gồm có 7 thiên: Bàn về tính người (*tính thiện*), tôn tâm dưỡng khí, vương đạo trên đường chính-trị (chủ-trương nhân nghĩa), kinh-tế (bình sản).

Thí dụ: *Lương Huệ Vương, Chương thượng.*

“*Mạnh Tử kiến Lương Huệ vương. Vương viết:*

Tấu bất viễn thiên lý nhi lai, diệc tương hữu dĩ lợi ngô quốc hồ ? Mạnh Tử đối viết: “Vương hà tất viết lợi? Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hỹ.”

Vương viết: Hà dĩ lợi ngô quốc ? Đại phu viết: Hà dĩ lợi ngô gia ? Sĩ, thứ nhân viết: Hà dĩ lợi ngô thân? Thượng hạ giao chinh lợi, tất quốc nguy hỹ.

Vạn thặng chi quốc, thí kỳ quân giả, tất thiên thặng chi gia. Thiên thặng chi quốc, thí kỳ quân giả tất bách thừa chi gia. Vạn thủ thiên yên, thiên thủ bá yên, bất vì bất đa hỹ. Cấu vi hậu nghĩa nhi tiền lợi, bất đoạt bất yếm!

Vị hữu nhân nhi dĩ kỳ thân giả dã. Vị hữu nghĩa nhi hậu kỳ quân giả dã. Vương diệc viết nhân nghĩa nhi dĩ hỹ. Hà tất viết lợi ?”

Nghĩa: *Mạnh tử yết-kiến vua Huệ vương nước*

Lương. Vua hỏi: “Cụ chẳng ngại đường xa mà đến đây, ắt có phương-pháp chi để làm ích-lợi (phú cường) cho nước tôi chứ ?

Thầy Mạnh thưa: “Nhà vua hà tất nói đến lợi, chỉ nên nói đến nhân nghĩa mà thôi. Nếu ở trên bậc quốc vương nói rằng: “Có cách gì để làm lợi cho nước tôi ? Thờ các quan đại phu cũng bất chức mà nói “làm thế nào lợi cho nhà ta ?” Sau đó hạng sĩ và

hạng thứ dân nói: “có cách gì làm lợi cho thân mình ?” Từ trên xuống dưới đều tranh nhau vì mối lợi,

Một vị chư-hầu, hay khanh tướng chủ một gia tộc có một ngàn chiến xa, tất giết vua mình là bậc thiên-tử có 10 ngàn chiến xa. Một vị đại-phu chủ một gia tộc có trăm cỗ binh xa chẳng khỏi giết vua mình là vị chủ chư-hầu có một ngàn cỗ binh xa. (Khi xưa, đứng tiền vương chia đất) Trong phần vạn, quan Công, Khanh được phần ngàn; trong phần ngàn, quan đại phu được phần trăm; được thế mà còn chê là ít ! Vì mọi người đều nghĩ đến điều lợi trước, điều nghĩa sau thì người này quyết đoạt của kẻ kia mới vừa lòng!

Xưa nay, chưa hề có người “nhân” mà bỏ bê cha mẹ, bà con mình - Chưa hề có người trọng điều nghĩa mà lại coi việc vua, việc nước nhẹ hơn việc riêng tư. Vậy xin vua nói điều nhân nghĩa mà thôi.

Lợi và hại thường đi đôi với nhau. Có lợi tất có hại. Tương tự âm và dương đối lập. Nhiều người tưởng đối lập là tiêu diệtnnhau, nhưng đối lập nhiều khi lại hỗ tương thống nhất như thời nam châm, hai đầu đối lập lại thống nhất trên một trục.

Âm dương tương khắc mà cũng là tương sinh. âm chủ sự, nuôi-nấng, nên tục-ngữ Việt mới có câu “Cha sinh, mẹ dưỡng”). “ Âm - dương tiêu trưởng, phần phục tuần hoàn”, đó cũng là lý vận hành của trời đất; hoặc “âm thịnh dương suy, dương thịnh âm suy” nên nhà nông mới có các câu: “*Chắc quá hóa lép*”, “*Sương lắm khổ nhiều*”Âm - dương cùng trục hai đầu hay nói cách khác “*Âm Dương đối lập thống nhất*”, mâu-thuẫn để tương sinh chứ không phải để tiêu-diệt. Đây chính là nguyên-tắc bao-quát và căn-bản trong Dịch lý.

Tổ tiên Việt đã cụ-thể hóa dịch lý nơi cặp

tử tuổi của bố không đủ nuôi mẹ con tôi. Vốn liếng của mẹ thì ít. Mãi người mới xoay xở làm nghề bán bánh mì đầu xóm. Từ sáng sớm tinh sương cho đến khuya, mẹ đầu tắt mặt tối kiếm miếng ăn cho gia-đình. “Hàng bánh mì của mẹ chẳng đẹp gì cho lắm. Chỉ là cái xe nhỏ. Bốn cạnh phủ bằng bốn mảnh ván gỗ. Khi mẹ mở cửa hàng, mẹ chống bốn cạnh lên. Bên trong ba cạnh là mặt kiếng. Nhìn bên ngoài vào, những khoanh thịt ba chỉ, cuộn tròn bằng giấy lạt đỏ uơm. Vài đĩa xiu mại viên tròn-tròn. Bên cạnh tô nước sốt, hũ đồ chua cà-rốt, củ cải. Những trái cà chua mong đỏ, những cọng hành xanh mơn-mởn, những quả ớt thoảng nhìn đã thấy cay đầu lưỡi.

“Mỗi khi mẹ bán hàng, mẹ lấy miếng bánh mì thơm ròn, hằm nóng từ lò than hồng đặt ngăn bên dưới. Mẹ xẻ giữa ra. Ruột bánh mì trắng phau, bốc khói mờ-mờ. Thịt ba chỉ xắt mỏng sắp đều trong ruột bánh. Những miếng thịt ngô-nghĩnh hấp-dẫn có sợi bì đỏ đỏ, xen lẫn viên mỡ, viên thịt ngà-ngà. Chua ăn đã thêm nhỏ rãi. Mẹ rưới tí nước sốt, chưa nếm đã biết ngọt từ vị thịt. Tí đồ chua tăng phần tê-tê vị giác. Nếu khách hàng thích, mẹ bỏ thêm tí ớt. Ăn ngon lắm sao!

“Tuy mẹ bán hàng đấy, nhưng mẹ chẳng bao giờ dám ăn cả, sợ lỏ vốn. Cùng lắm người chỉ ngậm miếng bánh mì không, rưới chút nước sốt cầm lòng. Chị em tôi còn bé quá, sao biết được điều ấy. Mỗi sớm khi đi học và những lúc bụng đói, chị em tôi thường vòi mẹ làm cho khúc bánh mì đặc-biệt. Đặc-biệt có nghĩa là nhiều thịt, nhiều nước sốt, nhiều đồ chua và cả nhiều tình mẹ. Mẹ chẳng bao giờ tiếc cả.

“Lớn lên chút nữa, chị em tôi bắt đầu biết giúp đỡ mẹ. Khi tan học về, gia-đình tôi ăn trưa bằng bánh mì. Sau bữa ăn trưa chị em tôi trông cửa hàng cho mẹ. Mẹ đi chợ mua sắm thức ăn. Đi chợ ban trưa bao giờ cũng rẻ

đến thăm, chẳng mừng vui lắm sao?

Có bạn từ phương xa đến thăm, vui lắm thay thì việc học cũng vậy, mỗi học một thêm hiểu biết há chẳng thích-thứ sao?
(Luận ngữ, thiên 1/bài 1)

Luận ngữ nêu năm mục-tiêu giáo-dục: Học làm con hiếu thảo trong gia-đình, học làm người công-dân tốt, học làm quan, học làm vua, học làm thầy giáo”.

1- Học làm người con hiếu thảo trong gia-đình:

“ Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ, kính cha.
Cho tròn chữ hiếu, mới là đạo con.
(Ca dao)

Ân nuôi-nấng của mẹ cha bao-la biết chừng nào! Mẹ là người ban cho một sinh mệnh, lòng mẹ bao-dung, thương con không kể bất cứ điều-kiện nào. Mẹ nhọc-nhàn chín tháng mười ngày, mang nặng đẻ đau...Cha mẹ đã cho ta sự sống, cho ta tiếng khóc chào đời, dắt ta qua những bước đi chập-chững để có được nụ cười, bập-bẹ từng chữ, từng câu,...

Bởi vậy, là con cháu, không thể nào không tôn kính tổ tiên, ông bà và cha mẹ. Hiếu thảo vốn là ý-nghĩ và hành-động yêu-thương, chăm-sóc, phụng-đường. Hiếu thảo vốn là trung-tâm trong hệ-thống đạo đức của Nho gtiáo.

Tử viết: “Đệ tử nhập tấc hiếu, xuất tấc lễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữ dư lực tấc dĩ học văn” (Khi ở trong nhà có nghĩa vụ đối với cha mẹ mình cần phải có hiếu.).
(Luận ngữ/thiên 1, bài 6)

*Khi cha mẹ còn sống, quan-sát chỉ hướng của cha, khi cha mất, suy-ngẫm các hành sử của cha. Trong

vòng ba năm sau khi cha qua đời, người con không thay đổi lời dạy của cha thì gọi là có hiếu. (Tử viết: Phụ tại quan kỳ chí, phụ một quan kỳ hành. Tam niên vô cải ư phụ chí đạo, khả vị hiếu hi.).
(Luận Ngữ thiên1/11)

Không những thế, con cái cần tránh cho cha mẹ buồn phiền vì sự chê-trách của người ngoài do con cái mình làm điều sai trái. Do đó khi Mạnh Ý-Tử vấn hiếu: Không Tử trả lời: ‘vô vi’. Không làm gì sai trái (vi = phạm điều lễ nghĩa).
(Luận Ngữ thiên 2/ bài 5)

Làm con cái phải thấu hiểu lòng cha mẹ. Suốt cuộc đời, cha mẹ mong cho con cháu vui khoẻ, tránh bệnh hoạn, tật nguyền. Khi Mạnh vũ Bá vấn hiếu, Tử viết: ‘Phụ mẫu duy kỳ tạt vi ưu’ (Con phải giữ thân thể khoẻ mạnh, mới là có hiếu.).
(Luận Ngữ thiên 2/ bài 6)

Ngày nay, điều đáng buồn, nhiều người cứ tưởng cung-phụng đầy đủ vật-chất là có hiếu, Tử Du vấn hiếu, Tử viết: Kim chi hiếu giả vi năng dưỡng - Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng , bất kính, hà dĩ biệt hồ? (Đến như chó, ngựa, người ta vẫn nuôi -nếu không có sự kính trọng cha mẹ trong khi nuôi dưỡng thì có khác gì nuôi chó ngựa? (Luận Ngữ, thiên 2/ bài 7)

Về giao-tế, người ta thường nói “Cách cho hơn của cho”. Cho nên, việc phụng-đường cha mẹ, điều quan-trọng là giữ được vẻ hòa vui.

Tử Hạ vấn hiếu, tử viết: Sác nan. Hữu sự, đệ tử phục kỳ lao,...(Khó nhất là con cái có giữ được vẻ hòa vui thường-xuyên lúc phụng-đường. Khi có việc cực nhọc, con cái chủ-động làm thay, có gì ngon dâng lên cho cha mẹ.
(Luận Ngữ thiên 2/ bài 8)

Tử viết: Sự phụ mẫu kỳ gian, kiến chí bất tòng, hựu kính bất vi, lao nhi bất oán. Phụng-đường cha mẹ phải can-ngân khuyển-giải, nếu can không được vẫn phải tôn-kính, không làm trái, dù lao khổ không oán

hận. (Luận Ngữ thiên 5/ bài 18)

Sự phụng-đường cha mẹ phải lưu tâm từng giờ từng ngày. Khi cha mẹ còn sống, con có việc phải xa nhà thì phải kính báo cho cha mẹ về thời-gian và nơi chốn để cha mẹ yên lòng. Tử viết: Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phượng.
(Luận Ngữ thiên 4/ bài 19)

Khi chăm lo, phải biết tình-trạng sức khoẻ của cha mẹ ra sao. Biết là để vui mừng hay lo sợ. Tử viết: Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dã. Nhất tặc dĩ hi, nhất tặc dĩ cụ.
(Luận Ngữ thiên 4/ bài 19) . . .

Để thăm-thía ân tình mẫu tử ở Việt Nam, xin đọc bài

Tình Thương Yêu Trong Gia Đình

“Tôi mồ-côi cha lúc còn trong bụng mẹ. Từ khi khóc oe-oe chào đời cho đến ngày khôn lớn. Tôi sống trong tình thương của mẹ. Nghĩa mẹ mang nặng đẻ đau. Nghĩa mẹ nuôi con nên người. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Và nghĩa mẹ là tất cả của đời tôi.

“Những gia-đình không có cha thường nghèo-khó. Như thế, có nghĩa tôi đã hiểu thế nào là thiếu-thốn eo hẹp. Và tôi càng thương mẹ khi người tần-tảo nuôi chị em tôi. Tôi vẫn còn nhớ cái xóm nghèo trong hẻm Nguyễn Hiềnh Đức, Gia Định. Cái xóm lụp-xụp những mái nhà tôn, rác-rưởi, sinh lây. Nhưng chẳng bao giờ tôi ân-hận, tôi ra đời nhằm ngôi sao xấu. Bởi vì tôi còn có mẹ, có chị.

“Theo lời mẹ kể, bố tôi khi còn sống, người ao-ước có đata con trai. Nhà một trai, một gái thế mới vui. Mãi đến khi chị tôi ba tuổi thì mẹ tôi mới mang thai tôi. Nhưng bố chẳng được bé, bảo-bọc, và hướng-dẫn tôi khi chào đời. Đáng tiếc thế nào mà nói!

“Bố tôi nghề lính, mất khi thi-hành công-vụ. Tiền

của hàng. Chị em tôi ngơ-ngàng. Thức ăn ngon hết, còn sót lại vài bánh chưng xanh. Chị em tôi đem chiên lên. Ăn ngon ra phết.

“Trong năm có lúc mẹ bị ốm, chị tôi phải nghỉ học ở nhà trông hàng cho mẹ. Vừa bán hàng, chị thỉnh thoảng vẩy tay chúng bạn đi học ngang qua thềm thường. Mẹ vì làm việc quá sức, bị chứng tê thấp nhức mỏi chân tay. Khi tôi đi học về, cất sách vở, tôi kiểm lọ dẫu con hổ bóp chân tay cho mẹ. Những ngày mẹ bệnh, nhà im lặng buồn hẳn. Về đêm, dưới ánh đèn mù-mờ, chị em tôi nhặt tóc bạc cho mẹ. Khi lòng bàn tay mẹ đầy tóc bạc, mẹ cầm từng sợi tóc thâm-thì. Tóc này cho con gái của mẹ. Đây cho con trai của mẹ. Đây vì mẹ mong cho các con có cái ăn cái mặc... Lúc ấy chị em tôi dựa sát đầu vào vai mẹ ôm chặt người. Chị em tôi bám-vít, cần tình thương mẹ hơn bao giờ hết.

“Theo năm tháng, chị em tôi lớn như thổi. May mắn trời không phá vỡ tổ ấm gia đình tôi. Chị em tôi có đủ thời thơ ấu đầy kỷ-niệm, tình thương. Cho đến ngày hỗn loạn tháng tư 75. Cậu tôi, em ruột mẹ, là quân-nhân theo đơn-vị đi-tấn từ miền Trung về. Tôi cậu thường ghé qua mẹ, bàn chuyện. Lớp lõm nghe được dăm ba tiếng. Cậu hỏi miền Nam mất, mẹ có muốn cho tôi theo cậu không?

“Mẹ buồn thù người, có lẽ mẹ thương nhớ lại những ngày tháng xa-xôi. Di cư từ Bắc vô Nam. Thoảng đã hai chục năm trời. Chiến tranh chẳng có dịp mơ tưởng về thăm họ hàng quê cũ. Quê hương, phần mộ của bố giữ chân mẹ, mẹ không thể ra đi lần nữa. Bây giờ tôi ra đi, có nghĩa mẹ sẽ mất tôi. Tôi ở lại, sẽ giúp mẹ được gì trong chế-độ cộng sản. Những người nhận tâm mang đi mất người chống thân yếu của mẹ. Trần mẹ tôi hẳn ưu tư.

hơn. Chiều chiều học bài xong, chị em tôi cùng nhau nấu cơm. Nấu xong, tôi ra mời mẹ về. Bữa cơm chiều đủ cả ba mẹ con, vui biết mấy. Mâm cơm chẳng có gì, thường là rau muống hoặc rau cải luộc vắt chút chanh, đậu hũ chiên. Hôm nào sang, có thêm vài con cá hay tô thịt kho. Nấu cũng chẳng khó. Con nhà nghèo hay có tài vật.

“Mẹ thường ăn rất chậm. Người ưa ăn cơm với muối vừng hơn là thức ăn. Người tẩm-tắc khen thế ngon chán, và nhường cả cho chị em tôi phần đậu, phần thịt. Sau học sách giáo khoa thư, chị em tôi mới biết thế nào là “ăn trông nôi, ngồi trông hường”. Chị em tôi bắt chước mẹ, tập tành ăn cơm muối vừng, nhường phần ăn cho mẹ, nhưng mẹ bao năm trời đã thành thói quen. Người bắt chúng tôi ăn nhiều cơm, nhiều thức ăn. Người mong chúng tôi chóng lớn, có sức học.

“Ngày tôi lên mười, mẹ mua cho tôi cái xe đạp cũ. Yên sau có hai cái rọ. Sáng sớm trời tờ-mờ, tôi thúc dẩy trong khi mẹ tôi lui húi dọn hàng ra đầu ngõ. Tôi đạp xe ra hàng bánh mì. Mẹ gọi cho tôi việc ấy, tôi hành diện lắm. Bánh mì mới từ lò ra, nóng bỏng tay, phủ miếng vải bố lên giữ cho ấm hơi. Từ thứ hai đến chủ nhật, ngày ngày tôi lãnh bánh mì về cho mẹ. Mỗi lần tôi ngừng xe, chất bánh mì xuống hàng cho mẹ, bao giờ mẹ cũng xoa đầu tôi cười khen con của mẹ ngoan.

“Biết phận con nhà nghèo, chị tôi ham học. Mẹ dạy chỉ có học, đỗ đạt cao mới khỏi kiếp nghèo. Nên chị em tôi quý từng giọt mực, quý từng trang sách vở, nắn nót từng chữ viết. Khi tập viết, chị tôi thích ngồi bút lá tre. Nét viết mong-mỏng nhẹ tay hợp với con gái. Tôi thích ngồi bút lá bầu, hoặc ngồi bút hình con thoi. Nét viết mạnh hơn, hợp tính con trai.

“Cuối tháng, mỗi lần lãnh bảng danh dự đầu lớp,

tâm hồn chị em tôi như mở hội, tung-tăng về khoe với mẹ. Mẹ cười dịu-dàng ôm chúng tôi vào lòng. Cho bố những lúc mẹ thức khuya dạy sớm. Chắc hẳn mẹ quên đi tất cả những nhọc-nhằn. Niềm vui độc nhất của mẹ tôi đấy.

“Có bạn trong lớp, có đứa theo ghẹo tôi mãi. Tôi ghét nó lắm. Ra về tôi rù nó đánh tay đôi. Trưa đó, mặt mũi tôi lấm lem, áo quần rách bươm. Mẹ vừa thấy tôi về, trong người đang mệt, mẹ bực mình cho tôi mấy cái roi vào mông, rồi bắt tôi quỳ úp mặt vào tường. Khi người giận, mẹ tôi bắt tôi đứng khoanh tay nghe người khuyên nhủ, phải tập nhường-nhịn...

“Tết đến, túng thiếu đến mấy, bao giờ mẹ cũng rán dành dùm chút tiền may quần áo mới cho chị em chúng tôi. Một hai bó giò lụa, vài con gà, sửa soạn những món ăn ngon đầu năm, để cho đúng câu:

Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

“Mẹ tôi muối vài hũ dưa hành. Nấu một nồi bánh chưng, gói trong lá giông. Đặc biệt không bao giờ mẹ thiếu nồi thịt kho. Mẹ kể đó là món ăn bổ thích nhất trong ngày tết. Mẹ cắt những miếng gừng nhỏ cỡ ngón tay út. Một miếng thịt mỡ ba chỉ quấn quanh miếng gừng. Bên ngoài cùng thêm một lớp thịt bò. Mẹ dùng chỉ quấn lại cho chắc. Rải dưới đáy nồi một lớp mía. Mẹ cho thịt vào kho mặn. Ăn thịt kho với bánh chưng. Vị thịt béo-béo, gây gây mùi gừng cay, ngon ngọt vị thịt bò. Chị em tôi vừa ăn vừa khen lấy khen để, cho bố tôi là người sành ăn.

“Niềm vui sướng nhất của chị em tôi. Mẹ nghĩ ba ngày tết, ở nhà với chúng tôi. Sớm mừng một tết, chị em tôi háo-hức dẩy. Mẹ đã để sẵn bộ quần áo mới đầu giường. Ngày chị em tôi còn bé bỏng, mẹ thường mặc cho chúng tôi mỗi người một bộ quần áo mới. Mãi những năm về

sau như trở thành lệ, tôi luôn đem chiếc áo của tôi nhờ mẹ mặc cho ngày đầu năm.

“Sau đó, mẹ đưa chị em tôi ra bàn thờ bố cúng vái tưởng niệm. Nhớ đến bố, nước mắt mẹ rưng-rưng. Sau cùng nghe mẹ kể chuyện bố... Thời ông Diệm hay có những tranh ảnh triển lãm chống cộng. Bố được đặc-cách đứng canh trước phòng triển lãm. Lần cuối cùng, một trái lựu đạn của phe bên kia tung vào phá rối. Dân chúng xem triển lãm đông như hội. Bố ôm trái lựu đạn vào lòng. Bố chết, bố mẹ, chị em tôi bơ-vơ. Tâm-hồn bố cao-thượng, đẹp như hoa hướng dương, nên đời mẹ đơn chiếc, chị em tôi lạc-loài. Nhắc đến bố, chị em tôi đứng thẳng người hãnh-diện.

“Lẽ bố xong, mẹ đốt phong pháo trước nhà mừng năm mới. Mẹ lì-xì nhẩn nhủ chị em tôi năm mới ngoan-ngoãn, học hành tấn tới không phụ lòng mẹ. Chị em tôi khoanh tay cảm ơn mẹ. Có tiền, chị em tôi xin phép mẹ đi xi-nê. Mẹ không thích đi xem. Mẹ ở nhà nấu ăn, hoặc đi thăm họ hàng...

“Hết tết, đếm lại tiền lì-xì họ hàng cho. Chị em tôi thăm bảo nhau nhiều tiền lắm chẳng làm gì, đưa mẹ giữ hết. Nuôi chị em ăn học. Giao tiền cho mẹ, chị em tôi nuôi hy vọng mẹ năm mới buôn bán phát tài mua cho chúng tôi đủ thứ. “Nào lá máy truyền hình cho chị em tôi xem chương-trình “Đố Vui Đẻ Học”. Cho mẹ xem những tuồng cải-lương do Bạch Tuyết Hùng Cường đóng. Có thể, chị em tôi khỏi phải đi xem nhờ nhà hàng xóm. Chị em tôi thêm áo mới, giày mới, ăn ngon mặc lành quanh năm. Nhưng chẳng bao giờ nói ra sợ mẹ buồn vì không lo đủ cho con. Chị em tôi ráng giữ nề-nếp của con nhà nghèo “đói cho sạch, rách cho thơm.”

“Những ngày vui thường ngắn. Mừng bốn mẹ mở

Thương người như thể thương thân,
(Tục-ngữ)
hay: Thương người, người lại thương ta,
Ghét người, người lại hóa ra ghét mình.
(Ca Dao)

mà sẵn-sàng: Gặp người dối rách tả-tơi,
Mở lòng dùm-bọc, giúp người sa cơ.
(Ca Dao)

Nhân trong Khổng-giáo đi đôi với lý trí; bác-ái trong Thiên Chúa giáo đi đôi với làm đẹp lòng Chúa, hay muốn được ban ơn phước, giáo-dân phải thờ-lạy Thượng đế, và con người chỉ là những tôi tớ hèn-mọn của Thượng đế! Từ-bi trong Phật giáo đi rộng đến chúng-sinh (vạn vật)...

* Lòng tín-nghĩa: Sống ở đời muốn thành-công giao-dịch phải có tín nghĩa. Không có tín nghĩa lấy gì làm tin-tưởng? Tử viết: Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã...Người không có chữ tín chẳng biết sẽ làm được gì?...
(Luận ngữ, thiên 2/bài 22)

Hữu Tử viết: Lễ chi dụng dụng hòa và quý... (Giữ lễ mà đạt được điều hòa là quý,...)

Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã, cung cận ư lễ viễn si nhục dã Nhân bất thất kỳ thân diệc khả tòng dã....
(Hữu Tử nói: Giữ được chữ tín là gần với nghĩa, lời hứa có thể thực-hiện được. Cung kính gần với chữ lễ, vậy tránh xa được điều si-nhục vì không mất đi sự thân cận lễ nghĩa nên giữ được tông-pháp).
(Luận-ngữ, thiên 1/bài 12 & 13)

* Trí và dũng: Mọi hành-động phải cần suy-nghi kỹ-càng, có vậy mới là người trí- Thấy điều phải lại rụt-rè thì sao gọi là dũng!

Tử viết: Phi kỳ quý nhi tế chi, siểm dã. Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã.= Không phải tỏ-tiền mình mà

“Tôi không muốn là con bất hiếu. Tôi thưa với mẹ với cậu tôi thích sống nơi quê hương, được ở gần mẹ. Cậu tôi khuyên mẹ bắt tôi đi. Tôi cãi lý lại. Mẹ gắt lên, tôi mới im.

“Trưa 30-4-75, miền Nam mất. Nghe tin bến Sài Gòn có tàu, cậu tôi lái chiếc xe Honda ngang nhà giục mẹ tôi bắt tôi đi. Tôi bỏ ra sau nhà. Một chốc chị tôi kiếm, khoe vai bảo tôi lên gặp mẹ. Mắt chị rơm-rớm nước mắt. Hai chị em nhìn nhau buồn-bã.

“Lên đến nhà trên, thấy mẹ ngồi thân-thờ trước bàn thờ bố. Nước mắt mẹ dàn-giụa. Người chẳng nói gì cả. Tôi cũng vậy, một lúc lâu sau, mẹ kéo tôi vào lòng, vuốt mái tóc tôi. Mẹ mở cái rương gần đó lấy ra một chiếc áo xanh mới, không biết mẹ may từ khi nào. Mẹ úm vào người tôi, mặc cho tôi như những ngày còn bé bỏng. Mẹ hôn lên trán tôi. Tôi ứa nước mắt vì tôi biết tôi sắp phải xa mẹ và xa chị. Mẹ nói nhẹ như hơi: “Nhớ đến mẹ và chị luôn nhé”. Rồi mẹ khoe lên vai tôi gói quần áo nhỏ, đẩy tôi ra cửa. Tôi không cưỡng lại vì đời tôi chưa làm mẹ buồn bao giờ...”

(Trích “Bông Hồng Cho Mẹ” của Đức Chính trong Tạp Chí Truyền Thông).



2- Học làm người công-dân tốt.

Sao cho yêu-thương được chế-độ hóa và thực tiễn hóa. Sao cho loài người được hưởng hưởng thơm của hoa nhân-ái?

Trong vườn hoa nhân-loại, từ lâu đã thiếu những đóa hoa “nhân-ái” (Ái Hoa). Biết bao nhiêu trang sử “phi nhân” đã nói lên những thảm cảnh của loài người!

* Trong lịch-sử nhân-loại:

- Đầu thế-kỷ 16, thực-dân Bồ còn mua người da đen bị bắt làm nô-lệ về làm việc trong những đồn-diễn mía tại Brazil.

- Năm 1804, Đan Mạch bãi bỏ buôn nô-lệ.

- Năm 1807 đến lượt Anh.

- Năm 1808 Hoa Kỳ.

- Năm 1810 Venezuela và Mỹ Tây Cơ.

- Năm 1811 Chilê.

- Năm 1812 Á Căn Đình.

- Năm 1813 Thụy Điển.

- Năm 1818 Pháp.

Qua các sự kiện trên, ta thấy “Tình người” ở Âu Tây tiến-triển rất chậm-chạp! Trái lại, ở Á Đông, nơi phát-sinh “văn minh trồng lúa nước” , tinh-thần “nhân bản”, “nhân trị”, xã-hội đẩy ép tình người đã có từ nhiều ngàn năm trước Công nguyên.

“Quan-niệm cố hữu của người Việt, “Con người là cái tâm của trời đất”, tư-tưởng này cũng tìm thấy ở trong Kinh Dịch “Nhân giả kỳ thiên địa chi đức” (người ta là cái đức của Trời Đất), hoặc trong Tượng truyện của quẻ “Thái”: “Thiên địa giao thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tượng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân” (Công việc của trời đất là tạo

thiết ra vạn vật, nhờ con người chấn-chỉnh cho thỏa đáng (tân thiên địa chi hóa dục).

Yêu người chính là lòng nhân trong Nho học.

Tử viết: “Duy nhân giả năng yếu nhân, năng ố nhân. Khổng-tử nói: Chỉ có người nhân mới biết yêu và ghét rõ-ràng”.
(Luận ngữ, thiên 4/bài 3)

“Chỉ ư nhân dã, vô ố dã. Khổng tử nói: Nếu quyết chí thực hành điều nhân thì không làm điều ác”.
(Luận ngữ, thiên 4/bài 4)

Nếu dựa vào nhân tính, thì “**nhân**” có thể hiểu một cách cụ-thể hơn:

- “Kỷ dục lập nhi lập nhân” = Cái gì mình muốn tốt cho mình thì cũng mong cho người khác đạt được.

- “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối-đãi với người.

Xã-hội Việt là xã-hội nông nghiệp, đời-hỏi hòa với thiên nhiên, hòa với làng xóm, v.v... Hòa để cuộc sống an lành. Bởi vậy, ở Việt Nam không có giai-cấp, mà “Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rồng, nhất nông nhì sĩ”...

Yêu thương là huyết tính của nhân-loại, ví như “nước” là vật có thể thu nhận tất-cả, bất-cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi vị hay màu sắc nào cũng mặc, đều chấp-nhận cả.

Tinh-thần này, theo Phật giáo nói là “từ-bi, hỉ xả” , đạo Thiên Chúa gọi là “bác-ái” , với Nho học là “lòng nhân”...

Nhờ thực-chứng tính-chất dung-nạp không phân-biệt (vô lượng thụ biệ), cùng sức nuôi-dưỡng vạn vật của **nước** mà người Việt nêu cao lượng bao-dung.

Chọn việc đáng làm vào lúc thích hợp, đúng mùa vụ, thời tiết dón đón dần làm việc khó-nhọc, như thế thì có ai lại oán ghét mình? Ham muốn việc làm nhân đức mà được điều nhân sao gọi là tham lam? Quân tử làm việc không kể việc lớn nhỏ đều không dám coi thường, vậy là trang trọng mà không ngạo mạn. Quân-tử áo mũ chỉnh-tề, ánh mắt nghiêm-túc khiến người khác nhìn thấy nể sợ, đó là uy-nghiêm mà không hung-bạo.

(Luận ngữ/Thiên 20-4)

4- Đạo làm vua, hay tài lãnh-đạo quốc-gia.

Đạo vua tôi được duy-trì là ở cương-vị nào làm đúng theo cương-vị đó. Thời Chu loạn lạc, các vua chư hầu lấn-át quyền thiên-tử (quyền trung-ương), đại phu lột quyền vua chư-hầu - Khổng Tử buồn mà than-thở: Các dân-tộc chung quanh còn có vua, chẳng như ở Hoa Hạ cứ như thế không có vua vậy. (Tủ viết Di dịch chi hữu quân, bất như chư Hạ như vong d ă.)

(Luận ngữ, thiên 3/bài 5)

-Núi Thái Sơn ở nước Lỗ, tỉnh Sơn Đông ngày nay, rất linh-thiêng. Thiên tử ủy-nhiệm vua Lỗ đi cúng tế. Quý Thị đại phu nước Lỗ vượt lễ đi cúng, Khổng Tử trách thần núi sao lại nhận lễ của Quý thị vì Quý thị vượt lễ, không đúng vai chủ lễ.).

(Quý thị Lữ ư **Thái Sơn**, Tủ vj **Nhiệm Hữu** viết: *Nhữ phát năng cứu dự?* *Đời viết: Bất năng* . Tủ viết ‘m Ô hó Tàng vj Thái Sơn, bất như lam Phóng hồ?’)

(Luận-ngữ, thiên 3/bài 6)

Trong chương (thiên) **Bát dật**: Theo quy-định lễ nhạc thời Chu, hoàng-đế (vua trung-ương) được dùng 8 đội bát dật (8 x 8 - 64 vũ công), vua chư-hầu được dùng 6 đội, quan đại-phu 4 đội, quân-sĩ dùng 2 đội).

Khổng-tử nói về Quý thị: Mùa điệu *bát dật* ở sân đình, sự ấy mà chấp-nhận được thì việc gì chẳng dám

kỳ dư tác quả hối. Ngôn quả vu, hành quả hối, tác lộc kỳ trung hỹ).

(Luận ngữ, thiên 2/bài 18)

Quý Khang Tử hỏi: Làm thế nào để dân kính, trung-thành với ta, và tự khuyên bảo nhau? Khổng Tử đáp: Đối xử mọi việc trang-trọng, dân sẽ kính-trọng, hiếu-thảo với cha mẹ, hiền từ với mọi người thì dân sẽ trung-thành. Sử-dụng người tốt, và giáo-dục người kém, dân-chúng sẽ tự khuyên bảo nhau. (Quý Khang Tử vấn: Sử dân kính, trung dĩ khuyến - như chi hà? Khổng Tử viết: Lâm chi dĩ trang, tác kính. Hiếu tử tác trung. Cử thiện nhi giáo bất năng, tất khuyến).

(Luận-ngữ, thiên 2/bài 20)

-Thầy Khổng có làm chính-trị không?

Khổng-tử tin rằng mình khuyên dạy các nhà chính-trị, như vậy cũng là làm chính-trị.

(Tủ viết: *Thư vân : Hiếu hồ duy hiếu, hữu ư huynh đệ. Thi ư hữu chính, thị diệc vi chính, hề kỳ vi gvị chính?)*

(Luận ngữ, thiên 2/bài 21)

-Kẻ sĩ lập chí vì đạo nhân mà cảm thấy xấu-hổ vì ăn dối, mặc rách - chưa thể cùng bàn luận (về đạo nhân) được. (Tủ viết: Sĩ chi ư đạo nhi sĩ ở ỷ ở nhục giá, vj tức dữ nghị dã.)

(Luận-ngữ, thiên 4/bài 9)

Quân-tử nghĩ đến đạo đức, tiểu-nhân nghĩ đến đất-đại. Quân-tử coi trọng hình-thức phép-tắc, tiểu-nhân chỉ mong ăn huệ. (Tủ viết: *Quân-tử thoái nhân, tiểu nhân thoái thổ.*)

(Luận-ngữ, thiên 4/bài 11)

-Khổng-tử nói: Quân-tử không cần tranh-dua. Có thể tranh-dua khi bán cung thời. Vái chào khi bước lên bần, xong ngồi uống rượu mừng nhau. Đó mới chính là lối tranh-dua của người quân-tử. (Tủ viết: ‘*Quân tử vô sở tranh, tất dã xạ hồ! Ấp nhượng nhi thăng, hạ nhi ẩm, kỳ tranh dã quân-tử.*)

(Luận-ngữ, thiên 3/bài 7)

Người quân-tử thận-trọng khi nói ra vì sợ xấu hổ không thực-hiện được lời nói). (Tủ viết: *Cổn giả ngôn chi bất xuất, sĩ cung chi bất đãi dã.*)

(Luận-ngữ, thiên 4/bài 22)

Khổng Tử nói: Người biết tự kiểm-chế mà phạm sai lầm là rất ít. (Tủ viết: *Đĩ ước thất chi giả tiển hĩ.*)

(Luận-ngữ, thiên 4/bài 23)

Khổng Tử nói: Quân-tử nói-nâng chậm-rãi, thực hành thì nhanh-nhẹn. (Tủ viết: *Quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành).*

(Luận-ngữ, thiên 4/bài 24)

Khổng-tử nói: Người có đức không bao-giờ bị cô-lập, ắt có bạn hữu gần-gũi. (Tủ viết: *Đức bất cô tất hữu lân).*

(Luận ngữ, thiên 4/bài 25)

Tủ Du viết: Sự quân sắc, tự thực hi. Bằng hữu sắc, tự sơ hĩ. (Tủ Du nói: *Thở vua mà luôn kể sai-làm của vua là chuốc lấy phiền-toái, lãng-nhục - kết giao bạn-bè mà luôn góp ý sai lầm của bạn, để bị xa lánh).*

(Luận-ngữ, thiên 4/bài 26)

Khổng Tử nói về Tử Tiện: Người này quả đáng là người quân tử. Nếu nói nước Lỗ không có người quân tử thì Tử Tiện học từ đâu được những phẩm chất như vậy. (Tủ vj *Tử Tiện: Quân tử tại nhục nhân. Lỗ vô quân tử giả, tự yển thủ tư).*

(Luận ngữ, thiên 5/bài 3)

Khổng Tử nói: Quân-tử có 9 điều lo nghĩ: 1-Khi nhìn phải xem cho kỹ. 2- Khi nghe phải biết chắc là nghe thông tỏ. 3- Khi chưa rõ việc gì, cần tìm người hỏi. 4- Sắc mặt khi giao tiếp có ôn-hòa không? -5- Thái-độ giao-tiếp với người đã cung kính chưa? 6/ Nói chuyện với người có trung-thực không? 7- Làm việc với người đã nghiêm-túc chưa? 8-Khi giận-dữ phải nghĩ đến hậu họa, khó-khăn về sau. 9-Khi thấy mối lợi, nghĩ xem có phạm vào điều bất-nghĩa không?

(*Khổng-tử viết:Quân-tử hữu cửu tư: Thị tự minh,*

thính tự thông,sắc tự ôn, mạo tự cung, ngôn tự trung, sự tự kính, , nghĩ tự vấn, phần tự nan, kiến đắc tự nghĩa.

(Luận-ngữ/Thiên 16-10)

Tủ Trương vấn Khổng-tử viết: *Hà như tư khả dĩ tông chính hĩ?*

Tủ viết: *Tôn ngũ mỹ, binh tử ố kỳ khả dĩ tông chính hĩ.*

Tủ Trương viết: *Hà vj ngũ mỹ? Tủ viết: Quân-tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, uy nhi bất mãnh.*

Tủ Trương viết: *Khả vj huệ nhi bất phí? Tủ viết: Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi, tự bất diệc huệ nhi bất phí hồ?Trạch khả lao nhi lao chi hựu thủy oán? Dục nhân nhi đắc nhân, hựu yên tham? Quân-tử vô chung quả, vô đại tiểu, vô cảm mạn, tự bất diệc thái nhi kiêu hồ? Quân-tử chính kỳ ý quan, tôn kỳ ciêm thị, nghiêm nhiên nhân vọng nhi kỳ chi, tự bất diệc uy nhi bất mãnh hồ?*

Tủ Trương viết *Hà ư tử ở?*

Tủ viết: *Bất Bất giáo nhi sát vj chi ngưng, bất giới thị thành vj chi bạo. mạn lệnh trị kỳ vj chi tặc, do chi dự nhân dã, xuất nạp chi, lện vj chi hữu tu.*

Tủ Trương hỏi Khổng-tử: *Như thế nào mới làm được quan chính-trực?*

Khổng-tử nói : *Biết tôn-trọng 5 việc tốt, loại trừ 4 việc xấu, có thể làm quan chính-trực.*

Tủ Trương hỏi tiếp: *Thế nào là 5 việc tốt?*

Khổng-tử đáp: *Quân-tử làm ăn huệ cho dân mà không hao-tốn tiền-bạc, bảo dân làm việc khó-nhọc mà dân chẳng oán ghét, ham muốn mà không tham-lam, trang-trọng mà không kiêu-ngạo, uy-nghiêm không hung-bạo.*

Tủ Trương lại hỏi: *Thế nào là làm ăn huệ mà không hao tiền-bạc?*

Khổng-tử nói: *Thuận theo lợi của dân mà hướng dẫn làm lợi, như thế là ăn huệ cho dân mà không tổn tiền.*

Đình Khang-Hoạt 39

Một nền giáo-dục cho con người 40

Đình Khang-Hoạt 37

Một nền giáo-dục cho con người 38

“7- Đến cuối đời Trần, Hồ Quý Ly gây nội loạn trong nước, bên Tàu lúc ấy nhà Minh đã đuổi được Mông Cổ, thế-lực đương mạnh. Lợi-dụng tình-thế rồi-ren ở nước ta, đã tràn sang xâm-chiếm. Trong 20 năm trời vừa giết chóc, vừa Hán hóa ta, và tiêu-hủy văn-hóa ta một cách triệt-đề, thì lịch-sử nước ta xuất-hiện vị anh-hùng Lê Lợi. Sau 10 năm phấn-đấu khôi-phục nền độc-lập cho nòi-giống...”

Lịch-sử loài người là một diễn-tiến đấu-tranh không dứt để sống, còn, tiến, nới, hóa; sao cho sinh-mệnh “*người*” được sống cho ra sống... Người ngày một tiến lên để giải-phóng “*người*” trước ác lực của thiên-nhiên, nhân-giới và sự cần-lao. Toàn bộ cuộc sống “*người*” được chuyển-hóa nhịp-nhàng theo bước tiến của thời-gian vô tận, khiến vận-hành của “*nhân-dạ*” sớm đến bước ổn-định.

-Hậu-quả tai-hại của các cuộc Thế Chiến I, Thế Chiến II, và Chiến Tranh Ủy Nhiệm tại Việt Nam:

-Thế-giới chiến-tranh I (1914-1918):

- * 1,298,293 các quốc-gia khác.
- * 364,800 Hoa Kỳ.
- * 975,000 Thổ Nhĩ Kỳ.
- * 2,197,900 Ý.
- * 3,189,235 Anh.
- * 9,150,000 Nga.
- * 6,160,000 Pháp.
- * 7,020,000 Hung

1- Lý Đông A, Việt Sử Thông Luận, viết vào năm 1943 (tài liệu đánh máy).

làm? (Khổng-tử vị Quý thị: Bất dật vũ u đình, thị khả nhân - thực bất khả nhân dã.)

(Luận-ngũ, thiên 3/bài 1)

-Ba đại gia tấu bài nhạc ‘Ung,’ nghe sau khi cúng lễ. Khổng-tử nói: ‘Trợ tế là vua chư-hầu, hoặc thiên-tử chủ lễ uy-nghiêm. Bây-giờ ba nhà làm thế là có ý gì? (phạm nghịch?).’

(Tam gia giả dị ‘Ung’ triết. Tử viết: Tướng tụy tịch công, thiên tử mục mục hề thú u tam gia chi đường?).

(Luận ngữ, thiên 3/bài 2)

-Khổng tử nói: Mọi người bắt nhân coi chủ lễ ra gì? Một người không có lòng nhân, sao có thể tấu nhạc?.

(Tử viết: ‘Nhân nhi bất nhân, Như lễ hà? Nhân nhi bất nhân, nhu nhạc hà?’) (Luận ngữ, thiên 3/bài 3)

Lỗ Ai-Công (vua nước Lỗ) hỏi làm sao cho dân phục? Khổng Tử đáp: Bổ-nhiệm người ngay thẳng trên kẻ ác, ắt dân phục, xếp kẻ ác trên người ngay thẳng thì dân không phục.

(Lỗ Ai Công vấn viết: Hà vi dắc dân phục? Khổng tử đối viết: ‘Cử trực thố chư uông. tác dân phục... (Bổ nhiệm người ngay thẳng trên kẻ ác thì dân phục.)’

(Luận ngữ, thiên 2/bài 19)

-Lễ, nói chung mà đi kèm với xa-hoa không bằng tiết-kiệm - Đám tang mà cầu-kỳ phô-trương chẳng bằng đau buồn trong lòng. (Lâm Phong vấn lễ chi bốn, Tử viết: Đại tai vấn ! Lễ dự kỳ xa, năng kiệm. Tang dự kỳ dị dã, ning thích.) (Luận-ngũ, thiên 3/bài 4)

-Điều quan-trọng là người cầm quyền phải có lòng nhân đức. Có quyền chính-trị càng dễ làm nhân. Nếu ta sử dụng thiên-hạ mà hay làm được năm điều: **Cung** là kính-cẩn mà có ý nghiêm-trang. **Khoan** là độ-lượng mà làm-việc một cách khoan-thai. **Tín** là lấy tấm

lòng thiết-tha mà ra hiệu lệnh cho chắc-chắn. **Mẫn** siêng-năng, cần-mẫn mà dụng lấy việc gì thời làm cho lanh-chóng. **Huệ** là suy tẩm lòng nhân-ái mà ở với nhân-dân phải lưu-ý về mặt ân huệ. Làm đủ được 5 điều ấy, chẳng những không tổn-hại đến nhân-dân, mà đem lại công-hiệu to lớn.

(Tử Trương vấn nhân ư Khổng Tử. Khổng Tử viết: “Năng hành ngũ giả u thiên hạ, vi nhân hĩ. Thỉnh vấn chi. Viết: cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tức bất vũ, khoan tức dắc chúng, tín tức nhân nhiệm yên, mẫn tức hữu công, huệ tức tức dĩ sử nhân.”)

-Nhân theo Khổng học là **tâm đức**; Nhân là bác ái, lòng “*nhân*” nơi con người được ví như “*thiên lý*”?

Nhân có thể hiểu một cách cụ-thể hơn:

Phân Trì vấn nhân. Tử viết: “ái nhân.”

-Trong lịch-sử dân-tộc Việt, từ sau Hồng Bàng cho tới nay, vì thiếu nhân đức mà các bạo chúa Tàu gây rất nhiều thống-khổ cho dân Việt:

“1- Lúc nhà Tần thống-nhất Trung Nguyên, sai Đồ Thư với Nhâm Ngao cùng Triệu Đà sang xâm lấn nước Việt. Dân tộc Việt đã cương-đứng chống lại, mà người Tàu gọi là Cường Lương hay Lục Lương (bọn dân cứng cổ). Đại-biểu cho Cường Lương là Cao Lỗ và Thục Phán An Dương vương.

“2- Khi nhà Hán đã diệt nước Nam Việt của Triệu Đà, liền sáp-nhập Nam Việt vào bản đồ của họ, rồi cắt quan cai-trị. (Tuy vậy lối chiếm lãnh của Hán tộc thời ấy chỉ là lối “**thực quan**” (cho quan cai-trị) chứ không phải thử thực-dân gắn dấy, vì vậy dân-tộc Việt vẫn được tổ-chức đời sống riêng. Nhưng về sau, sự áp-bức của các quan lại nhà Hán càng ngày càng

tàn-bạo nên ông Thi Sách đứng lên vận-dộng chống lại. Việc bị lộ, ông bị tử hình - Vợ và em vợ là Hai Bà Trưng đã thay ông đem lực-lượng dân-tộc mà chống lại. Chỉ trong thời-gian rất ngắn, hai Bà thu được toàn quốc khiến Mã Viện chật-vật trong 3 năm mới đánh tan được sức đối-chọi của ta.

“3- Sau cuộc thất-bại của hai Bà Trưng, dân-tộc chia làm hai xu-hướng: Một phe yên giữ đất cũ, lấy năng-lực dân tộc ngấm-ngấm, vừa chịu đựng dưới sự đê-ep của nòi Hán, vừa chờ-đợi thời-cơ mà quật-khởi. Một phe khác, đại-biểu là ông Khu Liêm, tự đem thế lực riêng vào phía Nam, lập ra nước Lâm Ấp tự trị.

“4- Đời Ngũ Quí nước Tàu loạn-lạc, chia-rẽ, dân-tộc Việt đã biết lợi-dụng cơ-hội thuận-tiện đem lực-lượng tranh-đấu, từ ông Khúc Hạo, Kiều Công Tiễn, v.v... Hàng mấy chục năm vừa khôn-khéo ngoại giao, vừa cương-quyết đối phó cho đến hết đời ông Ngô Quyền, một lực-lượng Vạn Thắng của Đinh Tiên Hoàng xuất-hiện để thống-tg-nhất tất cả, đánh dấu một thời-đại hoàn-toàn độc-lập của dân-tộc ta.

“5- Hết đời Đinh rồi đến đời Lê, rồi đến đời Lý, nhờ vị anh-hùng thao-lược Lý Thường Kiệt xuất-hiện. Nhân lúc bất lực của nhà Tống đem quân đánh thẳng sang đất Lương Quảng để tòa-triệt tham-vọng của nhà Tống qua chính-sách của Vương An Thạch.

“6- Qua thế kỷ 13, quân Mông Cổ rất mạnh đã xâm-chiếm nước Tàu và chinh-phục gần hết thế-giới, tới sát cực bắc của Âu Châu (Tiệp Khắc). Trước nguy-cơ vong quốc này, dân-tộc ta đã xếp hàng-ngũ sau vị anh-hùng Trần Hưng-Đạo.

là một hình-thức quét dọn ở triều-dinh; người viết lịch rân tướng sĩ là quét-tước rác-rưởi trong quân-ngũ, trong xã-hội quốc-gia . Nho gia tập lau quét từ nhỏ cho đến chết, từ nội tâm đến xã-hội , lúc thờ hát ra hơi thờ cuối cùng mới an-toàn là đã không mắc thêm lỗi-lầm nữa.

Tập bốn tuổi, săn-sóc cây cảnh, con chim con gà ấy là tập nuôi năng sự sống còn, tập bảo-vệ cái tươi-tốt, phong-phú,nhất là tập biết nâng-niêu, yêu quý cái đẹp, cái tốt, Do đó đối đàn em thì săn-sóc, cố giúp cho hậu sinh tiến-thủ, mà uốn-nắn chỉ bảo cho kịp thể thuận thời , đối với bậc trưởng-thượng thì yêu kính, phụng dưỡng cho vui tươi cuộc sống; giữa gia-đình và xã-hội đem hết dạ yêu thương, lòng bao-dung trải ra mọi vật để tân tạo môi sinh cho vui lành cuộc sống. Thế là lúc nào nhà Nho cũng tự đôn-đốc ý chí, khí-phách, tình-cảm cho đôn hậu.... và đến khi có cơ-hội gánh-vác biệc đời thì tự nhiên tìm cách mưu ích-lợi cho dân cho nước, cho thế nhân, cho muôn loài ...

Ồi! Xem ra có biết bao vấn-đề cần xây-dựng một nền giáo-ục thật nhân-bản hướng thượng và toàn-diện. Không thể chỉ chú-trọng tâm đức mà coi nhẹ khoa-học và phát-triển mọi ngành (toàn-diện, triệ-t-đế và hướng thượng). Thiếu khoa-học thì đời sống khó tiến-bộ, sa sút về kinh-tế thì lấy gì bảo-đảm tư-thế con người thiếu tâm đức như ngày nay dù khoa-học tiến-bộ tột bậc cũng chỉ mang lại nỗi lo-âu có ngày tận diệt!

Ước mong nền giáo-ục tương-lai phải là nền giáo-ục toàn-diện, thống-nhất khoa-học, xã-hội, sử-học và đạo học.



- *7,142,000 Đức.
- Thế-giới chiến-tranh II (1945-1954):**
- * 62,000 Ba Lan.
- * 300,000 Đức.
- *1,013,000 Sôviết.
- * 470,000 Tiệp.
- *1,400,000 Pháp.
- *10,000,000 Tàu.
- *2,710,000 Nhật
- *6,000,000 Anh,
- và ***7,700,000** các quốc-gia khác. ...!

Cho nên ở địa-vị lãnh-đạo quốc-gia mà độc-ác thì gây ra tai-họa biết chừng nào!

Muốn là một lãnh-tự giỏi phải có ý-nguyện là phục-vụ dân-chúng chứ không phải sai-khiến dân-chúng, muốn làm gì thì làm "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh." (Dân làm quý, đất nước thứ nhì, ngôi vua làm nhẹ) hay "Thang chỉ bản minh viết: Nhật nhật tân, hựu nhật tân " (Chậu rửa mặt của vua Thang có khắc câu: = "ngày một mới, mỗi ngày một mới,"

(Luận ngữ, thiên 3/bài 3)



1- Trích theo tài-liệu của Ủy ban Tư Pháp, Thượng viện Hoa Kỳ). January, 27, 1975).

5- Học làm thầy dạy.

Cái học nhà Nho là cái học trau-dồi tâm đức. Học là hành. Để "**Tri hành hợp nhất**", nho học cũng như Phật học và Lão học có cái học tâm truyền do gương mẫu của thầy tạo ra, học-trò ở gần luôn, mặc-nhiên ý-thức được điều tinh-túy mà nuôi tâm dưỡng tính theo ảnh-hưởng của thầy, dần-dần ngộ được cái lý rốt-ráo của lẽ Đạo.

Dạy về thực-hành cũng như lý-thuyết, thầy đồ đều dùng phép "lấy tre đẽ măng , cùng nhau đồng tiến. Nếu ở trường, trò lớn kèm trò em nhỏ-đại, thì ở nhà anh lớn chỉ bảo em bé. Trò giỏi, anh lớn vừa chỉ dạy vừa cùng-cố, vừa quảng-bá thêm điều đã học vào trí nhớ và sức hiểu biết, vừa phát-triển thêm tâm đức, thêm hạnh lên mãi do việc cần làm gương làm mẫu.

Thầy dạy hoặc cha mẹ vừa được nhân-nhã trong việc giáo-ục , vừa giúp trò gạt-hái được kết-quả tốt đa. Ký ức được vững-chắc do bài học cứ nhắc đi nhắc lại hoài, hiểu biết được khơi rộng theo công-việc thực-tiễn bất phải suy-xét đến cùng kỳ lý. Do đó nhiều khi trò lớn được phép bàn-bạc với thầy và bạn của thầy về nghĩa sách., về một biến cố.

1- Phút giáo-lu truyền không ít giai-thoại về đốn ngộ hay giác ngộ. Nào khi thầy chỉ thét lên một tiếng hỏi làm chi, hoặc có thầy ra lệnh đem tượng bụt ra chẻ củi sưởi ấm lúc trời rét công, thế là trò bừng giác-ngộ... Còn theo đạo giáo thì trò cùng theo thầy vân du lên rừng, lên núi ra biển, ra khơi. Đi đến đâu, thầy thấy tiện thì dẫn dụ đến đấy, tùy theo điều gặp-gỡ dọc đường hành tu... Trong kho giai thoại Việt Nam nói về tiền đạo, có truyện Phạm Tử Hư đất bò lên núi được ăn đào tiên, nhưng vì vương nặng lòng trần nên cứ quanh-quẩn trong núi!, truyện hiếu tử Chử Đồng Tử cùng công chúa Tiên Dung cùng thành tiên, dự vào hàng tứ bất tử . Rất nhiều truyền-thuyết và huyền-thoại có làm thí dụ của cách dạy và học do tâm truyền.

Khổng nho truyền đức hạnh cho học-trò trước, "Tiên học lễ, hậu học văn.", truyền dần-dà bằng nhiều cách cụ-thể. Một nho sinh có khi phải thực-hành suốt đời , từ trẻ đến già để trau-dồi đức hạnh và khả-năng, đi từ kỹ-thuật đến nghệ-thuật, nghệ-thuật sống.. Mới đi học, điều cần là thực-tập ngay điều phải, điều tốt để lập hạnh. Học lễ bằng thực-hành, hàng ngày lập đi nhắc lại mới thấm-nhuần nào tở, mới bền-chặt để đi thẳng vào sinh-hoạt, ảnh-hưởng mặc-nhiên mãi về sau., suốt cả đời. Các điều tinh-túy của học tập lan dần vào tiềm-thức mà xây-đáp trực-giác của vô-thức, để sau này khi ra hành đạo ở đời sẽ được thăng-hoa, ¹

Tỷ như việc quét dọn (Sái, tảo) không chỉ là việc của trò nhỏ, mà là việc của mọi người : hết thầy trò lớn, đến cả thầy nữa. Hễ thấy bẩn mắt là mặc-nhiên tự-động làm lấy để nhắc nhủ đàn em theo gương thanh sạch... Ấy vậy, khi con người ta thấy ngoại cảnh đơ-bẩn thì đã vội làm cho sạch-sẽ gọn-gàng ngay, lại được dẫn-du rõ ràng, sẽ tự-động phân-tinh, quay vào nội tâm mà thấy một ý-tưởng kém về thanh-tạo, át liền cố sức dẹp đi ngay. Theo nho gia Vương Dương Minh lập thuyết "Tri hành hợp nhất " thì coi một ý nghĩ mới manh-nha. dù xấu hay tốt, cũng đã là một động-tác của hành-sử rồi. Kết-quả người nho-sĩ thường đối bóng đèn khuya nhìn nhật nguyệt dò hỏi, soi tỏ ngọc-gách râm-tư minh mà tự vấn, tự hỏi, để "không hổ công đèn sách ".

Người viết số tau vào xin chêm đầu lộng thần

1- Điều này về lý-thuyết giáo-ục, nhiều người cho là áp-đặt, không-chế rư-tưởng, làm mất tự-do cá-nhân, làm lụi tri tưởng tượng, óc lý-luận của trẻ cùn nhụt đi. Ấu cũng là một quan-điểm mà chúng ta cần quan-tâm đến vấn-đề tâm-lý giáo-ục.

Bởi thế trong xã-hội cũ, người ta mở trường rất tự-do, chẳng cần giấy phép của chính quyền.

- **Cách học:**

Điểm chủ-chốt của sự học: Theo Nho học, chữ “*học*” có ba (3) nghĩa: Học là *bất-chước*, học cho biết (*tri*), học để mà làm (*học-hành*).

“*Cổ chi học giả vị kỳ - Kim chi học giả vị nhân.*”

(*Người xưa đi học là vì chính mình - Người nay đi học là vì người*). Vì mình là do sự học-vấn, tài-năng nơi mình còn thấp kém, cho nên nói “*vị kỳ*”. Trái lại, vì người (*vị nhân*) là do quyền lợi, danh vị nơi người, thành ra cái học biến thân mình làm nô-lệ cho đồng tiền, tùy-thuộc vì danh lợi,... Cái học “*vị nhân*”, có thể mượn mấy câu thơ của Chu Thần thi-sĩ (Cao Bá Quát) để diễn-tả:

“*Ngán nhĩ kẻ tham bẻ khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên nhà tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn.*”

“*Quần bao kẻ mang cái giùm danh, áo giới-lân trùm dưới cơ phu, mỗi gói quỳ môn sân tướng phủ.*” (*Tài Tử đa cùng phú*).

Ngày xưa coi việc học là vừa dạy bảo, vừa uốn-nắn để tâm trí được phát-triển theo một chiều hướng tốt đẹp. Học là vì mình, để trau-luyện tâm đức nên “*Học nhi thời tập chi, bất diệc lạc duyệt hồ!*” *Hữu bằng từ viễn phương lai, bất diệc lạc duyệt hồ!* *Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân từ hồ!*”

(*Hễ những đạo lý nào, công việc gì mà học được, tất mỗi ngày một tấm-nhuân, mà sinh thú-vị. Như vậy, há trong lòng chẳng vui-thích sao?*)

Việc học là cốt chăm lo cho mình trở thành

I-5/ Phương-cách học tập :

- **Trường học:**

Ngày đến “*chữ Nho*” thường bị ngộ-nhận là thứ chữ do người Hoa (Tàu) sáng-chế ra. Thực ra là văn-tự quốc-tế, văn-tự chính-thức của liên-bang Á Đông thời xưa, như những văn-tự Âu Châu chẳng hạn, cho nên dùng ở quốc-gia nào thì phát âm theo tiếng nói địa-phương ấy; người Á Đông xưa không nghe được tiếng nói của nhau, nhưng hiểu qua những “*bút dầm*”. Người Á Đông chung nhau rất nhiều từ-ngữ viết, bởi cùng chung chữ Nho từ thời “*Phong Kiến truyền hiền*”. Cho nên tiếng Việt giàu những từ-ngữ “*Nho - Việt*”.

Xưa kia, Tam giáo “Khổng - Phật - Lão” được phổ-biến rộng-rãi trong nước Việt.

- Lão học và Phật học đều đã được giảng dạy ở bất-cứ nơi nào, hễ có đền, chùa là có việc truyền dạy. Riêng Khổng học thì ở làng, xã nào cũng có “*thầy đồ*”. Vàì ba tổng hay huyện có lớp “*đại tập*”, có giáo-thụ do nhà nước bố về hay do các bậc đại khoa mở trường giảng dạy.

Trường sở có thể là ngôi nhà thờ tiên tổ. Nếu lấy nhà thờ tiên tổ làm trường dạy học, thì thầy ngồi ngay ở cái sập kê trước bàn thờ, hay ở cái ghê cao nơi gian kế. Học-trò ngồi vòng quanh thầy. Trường-hợp vì đông, lấy chiếu giải ra hàng hiên hay sân trước, khi viết có thể để sách trên chõng tre, nếu không cứ nằm khom trên chiếu, chẳng có sự phàn-nàn, đôi-hỏi phương-tiện, cũng không hề có sự ganh-tỵ với bạn hữu.

Trường sở cũng có khi do sẵn cơ-nghiệp tổ tiên để lại, hoặc do dân-chúng địa-phương quy trọng mà góp của, hoặc do môn sinh giúp trợ mà dựng lên

một ngôi nhà dài, rộng làm nơi dạy học cho con em.

Ở cấp “*đại tập*” (*người cầu học đều đã lớn, có khi đã đỗ hai ba kỳ tú-tài đến xin nghe giảng tập làm văn để đợi kỳ thi “Hương*”). Tuy là như vậy, nhưng ở trường “*đại tập*” vẫn có những trò nhỏ. Trẻ nào được học ở trường này coi như có sự may-mắn lớn (*đại hạnh*) vì *thầy giỏi, trò xuất-sắc*.

Dù trường nhỏ hay lớn đều trang-hoàng hoành phi, câu đối, tranh vẽ. Tất cả đều là những câu cách ngôn nổi tiếng, các bài thơ hay, tạo không-khí trang-trọng, ấm-cúng, thanh-cao nơi ngồi học. Sân trường luôn-luôn là vườn cảnh, trồng hoa thơm, cỏ lạ, cây quý. Đôi khi, gần trường có vườn rau, ao cá dùng vào việc học tập, mà cũng là nguồn sống của ông thầy.

-**Thầy dạy (Ông đồ):**

Đa số là các thầy khóa, hoặc các vị đã đỗ nhất, nhị trường, có nơi là các vị tú-tài, cử nhân nghĩa là có khoa (*thi đỗ*) mà không có hoạn (*không làm quan*). Không ra làm quan hoặc vì nhà nước (*chính quyền*) chưa trọng dụng, hoặc vì hoàn-cảnh gia-đình như phải phụng-dưỡng cha mẹ già yếu, hay vì tang chế cha mẹ. Cũng có thể vì không ưa chế-độ, nhất là chế-độ do ngoại nhân áp đặt, cho nên chẳng ra làm quan mà làm sư.

Ông thầy ở nhà làng xã là khuôn-thước, gương mẫu cho “*quan trên trông xuống, người dân trông vào*”, giúp cho cuộc sống cả dân nước được đều hòa, ổn-định. Ngoài việc dạy học, thầy đồ nào cũng là mẫu-mực về đạo hạnh, và hiểu biết về nghi-lễ giao tế trong xã thôn và thường là nguồn phê-phán dư-luận trong khu-vực.

Thầy đồ thường được hỏi ý về nghi lễ cưới

hỏi, tang ma, hay tế lễ nơi đình chùa, miếu đền, hoặc đại-diện cho dân khi đón tiếp các quan. Nhiều bậc thầy có uy-tín đến nỗi các vị quan đến nhậm chức phải thân hành tới thăm viếng, chào hỏi trước, và khi hồi hưu cũng đến chào tạm biệt.

Ngoài việc dạy học, ông đồ thường kèm thêm các tài nghệ tay trái, như làm thầy thuốc, thầy địa lý, có khi khu xử những vụ bói-rối cho êm vui, đều được dân chúng đến ơn trả nghĩa mà có thêm bổng-lộc. Ông thầy cũng lấy việc canh nông làm gốc. Ông thầy cũng thường góp sức với vợ con vào lúc mùa màng, bận-rộn thường đóng cửa trường ít lâu, có khi cả tháng. Lúc đó thầy cũng như trò ra ruộng giúp gia-đình gico trồng, gặt hái.

Mối tình giao-lưu giữa thầy trò thật thắm-thiết. Thầy lo cho trò mình như lo cho con ruột đẻ ra, khi thi cử chấm-sóc, đón-đốc, đến khi lập gia-đình đều có công sức của ông thầy chỉ dẫn mọi đường cho phải phép. Đối lại, trò lo cho thầy như phụng-dưỡng song thân. Như vậy chẳng một ai tự hạ mình xuống mà buồn tình bán nghĩa. Xã-hội tình nghĩa ân-ái theo đó mà tự phát. Trường-hợp học trò cũ vẫn bị thầy Chu Văn An cấm cửa để trừng-phạt, vì lúc làm quan đã phạm lầm-lỗi.

Một ông em đậu tiến-sĩ làm quan tổng-đốc, võng long ngựa xe về làng để giỗ bố, ông nghề này đạ bị ông anh cho lệnh dừng xe từ đầu làng, bắt tự lột mũ, phẩm phục mà nằm dài trước giường thờ để chịu đòn về tội ăn hối-lộ làm nhục đến gia-phong, Cái hình-ảnh “*quyền huynh thế phụ*” này trong phong-cách đức hạnh nhà nho thật cao đẹp! ¹

^[1] Mai Chi, “ Cái Học Nhà Nho”, Bản thảo 3/1995 - Saigon.

hư hỏng cho khỏi lây lan, v.v...

Ấy vậy tập cho con người thấy ở ngoại cảnh đờ đáy, bẩn-thiu thì đã ưa làm cho sạch-sẽ, gọn-gàng. *Sự tự-động phân-tinh quay vào nội tâm mà thấy một ý-tưởng kém thanh-tao, ắt liền cố-gắng dẹp đi ngay như quét bụi, hốt rác.*

Thời Trần, nhà Nho Chu Văn An viết sớ tâu vua xin chém đầu lộng thần là một hình-thức quét dọn ở triều-đình để giữ cho guồng máy chính-trị được ngay chính.

- o Sái: Tươi bón.

Rảnh tay quét dọn đến tươi bón để tập *nuôi dưỡng*. Nhà Nho đem phong-cách tự rửa tẩm thân, từ ở nhà ra làng, xã đến triều-đình. Thấy gì ngang tai, chướng mắt, trái lẽ công-bằng là thu quét cho sạch. Như vậy, con vẫn có thể khuyến can cha mẹ, em nhũ anh chị, bày tói can gián vua trên. Đem tâm tình ấy làm việc đời, giúp dân giúp nước cho nhịp điệu cộng sinh được an hòa.

Khi vườn hoa, vườn rau được quét nhặt lá khô úa, bắt sâu nhặt cỏ, rồi có lớp học-trò tiếp theo để tưới, là làm cái việc *nuôi-nấng cho các mầm sống được tốt tươi*. Tươi cũng phải biết cách. Trước khi tưới cũng cần phải xem xét cây sẽ được tưới như thế nào? Cây này chỉ cần tưới ít nước vào gốc, tránh làm ướt hoa, nhẫu nhụy. Cây kia cần rửa sạch lá cho hết trứng trùng, đỡ họ rầy, cho bay bụi bẩn, nếu cần lại tể hất nước, là tưới từ dưới lên trên chứ chẳng dội từ trên xuống dưới. Có cây yếu lại phải hớp nước mà phun cho đều. Có thứ phải trang mỏng ít tia nước nhỏ cho rau đỡ héo lúc nắng gắt. Tươi còn hàm nghĩa cả “bón”. Bón bằng gì? Bón thế nào, lúc nào cho hợp với cây? Thứ cây, cành có đáng-dắp cổ thụ

người quân-tử. Khi đạt rồi, tất muốn cho bạn bè cùng thấy điều hay, điều tốt. Bạn mình cũng nhờ vậy mà được lợi-ích chung; mình cũng nhờ bạn mà trí-thức thêm mới. Hai bên tương thành cả tinh-thần lẫn vật-chất, sung-sướng biết chừng nào! *(Bất diệp lạc hồ?)*.

Như vậy mục-dích của sự học đã thành-tựu, hà-tất lưu tâm đến thiển-hạ biết mình hay không *(Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệp quân tử hồ?)*.

Để vun-trồng cái cội gốc bằng đức hạnh, các đệ-tử trong Khổng môn cần trau-giổi: *hiếu, đễ, cần, tín, phiếm ái, và thân nhân*.

-Từ viết: “*Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực tắc dĩ học văn*” (Khi ở trong nhà có nghĩa-vụ đối với cha mẹ mình cần phải có *hiếu* - Khi tiếp xúc với xã-hội có nghĩa-vụ đối với đồng-bào mình cần phải *đễ* - Khi xử-sự tiếp vật tất phải lưu tâm cần thận, như tiếp một người nào o tất cung kính, dịu-dàng như thế gọi là “*cần*”. Xong sự cần đó, không phải chỉ bề ngoài, mà cần có chân tình, thật ý nên gọi là “*tín*”. Cần và tín vốn đã tránh được những điều lầm lỗi, nhưng đạo làm người cốt yếu phải có chữ “*nhân*”.

Do đó, đối với quân-chúng phải có tấm lòng chung, thế là “*phiếm ái*” . Phiếm ái là lòng thương yêu một cách phổ-thông (*thân nhân*).

Trên đây mới chỉ về mặt tinh-thần. Nếu chỉ có mặt tinh-thần mà không luyện tài-nghệ, e thiếu mặt thực-dụng, nên tiếp “*Hành hữu dư lực tắc dĩ học văn*.” nghĩa là “*lực nghệ*” (*Xạ, ngự, thư, số, lễ,*

^[1] Phan Bội Châu Toàn Tập, “Tập 9/Chữ Học của Khổng Giáo”, nhà xuất bản Thuận Hóa, 1990.

nhạc), và “*thi thư*” (*văn*) cần học-tập.

Như trên đã trình-bày Nho học chú-trọng tâm đức, nên dạy đức-hạnh trước, “*Tiên học lễ, hậu học văn*”, truyền dần-dà bằng nhiều cách từ cụ-thể đến thực-hành cùng lúc học chữ, đọc sách.

“Dạy về thực-hành cũng như về lý-thuyết, thầy đồ dùng phép “*lấy tre đờ măng*”, cùng nhau đồng tiến. Nếu ở trường, trò lớn kèm trò nhỏ. Trò lớn vừa chỉ dạy cho trò nhỏ, vừa củng-cố và quảng-bác thêm điều đã học, vừa phát-triển thêm hạnh, thêm đức qua việc làm gương, làm mẫu. Khổng những thầy dạy vừa được nhân-nhã trong việc giáo-duc, vừa giúp cho trò gặt hái được kết-quả tối đa, kỳ-cực được vững-chắc do bài học cứ nhắc đi nhắc lại, hiểu biết được khởi rộng theo công việc thực-tiến, bắt phải suy-xét đến cùng kỳ lý.

Học về thực-tập, một nho sinh có khi phải thực hành suốt đời. Các điều: *Táo, sái, ứng, đối, xạ, ngự, thư, số, lễ, nhạc* để trau-giổi đức hạnh và khả-năng đi từ kỹ-thuật đến kỹ-nghệ, đến nghệ-thuật, đến nghệ thuật sống.

Mới đi học, điều cần thực-tập ngay điều phải, điều tốt để lập hạnh cho hợp lễ đạo.

Tập lễ độ, trẻ nhỏ được dạy cách thưa gửi, chào hỏi. Chào thầy, chào bạn khác nhau ra sao? Chắp tay cúi đầu trước người trên như thế nào? Vòng tay nghe giảng với về mặt, ánh mắt ra sao? Đưa hay tiếp đón vật gì thế nào mới là lịch-sự? Đi, đứng, nằm, ngồi tùy thế ra sao? Đó là “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*”. Trong cái học xử-thế lịch-duyệt - Trước hết là tập “*quét*” (Táo).

o Táo: là quét cho sạch bụi, rác. Công việc tuy giản-đi, thế mà bọn trẻ vẫn được các anh lớn

khuyên-dụ cần-thận. Còn nhỏ, tay cầm chưa chắc cái chổi; sáng đến trưa đã được anh trưởng lớp phân công, giao cho cái chổi, bó bằng cỏ mềm, để lúc làm việc có mất thảng-bằng, té vào đồ vật cũng chẳng sao cả. Trò nhỏ theo bạn cùng lớp nghe anh lớn dẫn dụ. Hãy nhìn xem nền nhà bụi nhiều hay ít, rác nhiều thứ gì, để liệu theo đó mà cầm đứng cái chổi, hay nghiêng chổi độ nào cho dễ sạch. Bọn trẻ chia nhau nền nhà, mỗi chú một khu. Cầm chổi sao cho chặc-chắn, chổi ít thì cầm đứng chổi, chổi nhiều rác thì nghiêng đầu chổi xuống, đưa tay niết lưỡi chổi, từ-từ cho khỏi tung bụi lên, đưa tay ra sao cho đều, cho đảm, cho thứ-tự, hết đường chổi này đến đường chổi khác, thấy chưa sạch rác thì đưa thêm chổi lượt nữa. Nâng chổi lên, và đặt xuống sao cho nhẹ để bụi đã quét rồi không vương ra. Thu gọn bụi rác vào một chỗ cho anh bạn đi sau đến hốt đem ra vườn. Anh bạn đi sau này, vừa đi vừa hốt rác, vừa có quyền kiểm-tra lại sân nhà đã quét để nhủ bạn quét thêm hay chính anh quét lại cho sạch, sạch đến nỗi có thể ngồi xuống cũng không sợ dơ quần áo.

Qua cầu học quét ở sân nhà học, lại ra học quét sân vườn cảnh, vườn rau. Quét không phải chỉ là dùng chổi làm sạch bụi rác mà còn vợ vớt, nhặt nhãnh, lau chùi, rửa ráy, tẩm gội. Tất cả đều phải học. Hễ cứ thấy đâu có bụi bặm, rác rưởi, dơ-dáy là làm. Quét dọn không phải chỉ là việc của trẻ nhỏ, mà là việc của mọi người, hễ thấy bẩn mắt là mặc-nhiên tự-động làm để nhắc-nhở theo *gương thanh sạch*. Lau chùi bàn thờ, đồ thờ, chỗ bàn ghế nơi thầy trò ngồi, hoặc rửa ấm chén, đèn, diều, gối, tráp thầy dùng cho sạch, xếp đặt cho tươm-tất, vật nào vào chỗ nấy. Ở ngoài vườn cảnh, vườn rau thì quét lá rụng, nhặt lá úa, hoa khô, bắt sâu, loại đi hoa quả

ào nhân sự, nhân sinh. Bối toán cũng vậy, đem lý-luận của số học vào khoa chiêm-tính độn số, nhà Nho có khoa lý số để bói toán theo “Hà Đồ”, “Lạc Thư” hoặc khoa tử-vi dự đoán vận mệnh. Xưa kia, nước Việt có cụ Trạng Trình nổi tiếng về số học với vũ-trụ luận mà đã để lại nhiều câu sấm dự đoán các việc sau đời cụ đến 300 năm.

Hết học tập về “xa”, “ngự”, “thư”, “số” nho sinh chuyển qua học “tiến thoái, lễ nhạc” cho đời sống tinh-thần vươn lên cao độ hơn.

o **Tiến - Thoái**:

Trong cuộc mưu-sinh, nhiều khi “thoái” cũng cần thiết như “tiến”. Cho nên học “tiến” cũng phải học “thoái”. Nhà Nho Nguyễn Công Trứ đã cho một gương sáng về “tiến” và “thoái”. Khi cụ đang làm quan lớn, bị truất quyền và phải đi làm lính, cụ vẫn cứ ung-dung đi nhậm chức. Được vị quan số tại nể vì, cụ nhẹ-nhàng nói: “*Lúc làm quan to chẳng lấy làm vinh, thì lúc làm lính đâu có coi là nhục. Làm tròn bổn phận là quý.*” Nhà Nho Phạm Lãi và Trương Lương trong truyện xưa nhờ biết “*thoái*” đúng lúc, kịp thời mà giữ được mạng sống. Ấy là giá-trị của việc “*tiến - thoái*”.

o **Lễ và Nhạc**:

Lễ là các phép-tắc cư-xử với nhau sao cho hợp lễ để giữ hòa khí.

Với Nho gia, ba giềng (*quân, sư, phụ*) và ngũ thường (*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*) cần được duy-trì và tôn-trọng. Tuy nhiên ta đừng hiểu theo một chiều của Tống, Thanh, Minh Nho. Đúng lý của Nho gia: vua sáng đi đôi với tôi hiền, cha từ đi đôi với con hiếu, nam trung đi đôi với gái trinh, anh hòa đi đôi

chẳng thế cho ăn nhiều để giữ cho cây gậy-guộc, có khi cả năm mới được thêm một ít cát hay đất thịt, đất bồi, cả tuần mới được hưởng ít nước ở quanh rễ con. Thử hoa kia lại phải tưới bằng nước ấm dưới đáy ao vào lúc trời lạnh, thử cỏ này phải bón bằng cỏ mục hay phân ủ lâu ngày.... Lớn dần anh dẫn-dụ cho đàn em bao kinh-nghiệm đã được thầy truyền dạy.

Tập bốn tuổi, săn-sóc cây cảnh, con gà, con chim là tập nuôi dưỡng sự sống còn, tập bảo-vệ cái tươi-tốt, phong-phú, nhất là tập biết nâng-niêu cái đẹp (mỹ). Do đó đối với bản thân kẻ cầu học dẫn-dẫn tự ý thêm muốn điều *thiện, mỹ*. Thế là lúc nào nhà Nho cũng tự đón-dốc ý-chí, khí-phách, tình-cảm cho đôn-hậu, phong-phú. Đến khi có cơ-hội gánh vác việc đời thì tự-nhiên tìm cách mưu lợi cho dân, cho nước, cho thế nhân và muôn vật.

o **Ứng và Đối**:

Ứng là luyện cho nhanh trí khi cần xử thế. Thực-giác và tiềm-thức được vận-dụng tối đa. Nói hay viết được lanh lợi trong những bài thơ luật, bài văn biền ngẫu; từng tiếng từng câu phải đối nhau sao cho chính-tề. Muốn được thế, trong khi vừa làm, vừa tập ứng đối. Thí dụ thầy hay bạn chỉ tay lên cao mà nói “*trời*” thì trò liền trở xuống đất mà đối “*đất*”; người này bảo “*thanh cao*”, người kia đối ngay bằng “*ô trọc*”.

Tập ứng đối ở lời nói hay ở công việc là một trò chơi rất lý-thú, đầy sáng-tạo. giúp ích cho đời sống thực-tiễn rất nhiều, mà điều lợi ích rõ-ràng là tạo óc thích cân-đối, ưa công-bình. Ta sẽ chẳng ngạc nhiên khi thấy sự cân-đối ở mọi nếp sống từ kỹ-thuật đến mỹ-thuật Việt Nam. Cái nhà nhỏ cũng

phải có cửa ở chính giữa; đồ thờ cúng có sự cân-đối trong sự sắp đặt.

Lớn hơn, vào tuổi thanh và thiếu niên có các môn thực-tập khác như: *xa, ngự, thư, số, tiến, thoái, lễ nhạc*.

o **Xạ là bắn** - Tập bắn cung, nỏ, vừa luyện gân cốt cho vững, luyện tai nghe, mắt nhìn cho tinh-tường.

Còn non sức, tập bắn nỏ. Tập mắt nhìn cho tinh, gân tay cho chắc, cùi chỏ cho danh, bàn tay được dẻo.. Khi dễ khí, dồn khí xuống bụng và nín thở để căng da bụng, nhờ vậy định được ý khi mắt vẫn chăm-chú nhìn thẳng vào đích. Về mặt tâm lý, tập bắn là luyện cho ý chí dồn hết vào việc rất thành-khắc, ấy chính là “*thành ý*”. Cố gắng sao cho tên đi trúng vào điểm đích ấy là luyện cho “*chính tâm*”.

Khi bắn nỏ đã thành-thục, đổi qua bắn cung. Bắn cung là để luyện cho tay mạnh và dẻo hơn, ý và mắt nhạy bén hơn. Bắn cung là bắn bằng ý, chứ không bắn bằng trí như bắn nỏ. Mắt nhắm nhanh đúng điểm, tay điều-động khéo, nhanh, gọn. Nếu đứng yên một chỗ để bàn tay di động nhiều kiểu mà vẫn trúng đích được là do đã luyện khí nội công được vững bền, đã lập chí cho chắc, đã nhận xét tâm mắt cho nhanh-nhẹn, chính-xác, và thân thể đã mạnh-mẽ mà vẫn uyển-chuyển mềm-mại. Việc “*chính tâm*”, “*thành ý*” của việc tập “*xa*” còn được củng-cố ở “*ngự*”.

o **Ngự** : tập cưỡi ngựa, tập điều-khiển. Càng gặp ngựa khó cưỡi mà vẫn trị được nó, càng tỏ ra tay có bản lĩnh. Giống như trong truyện “Tam Quốc Chí”, ngựa Xích Thố chỉ có Quan Vũ và Lã Bố là điều-khiển được nó.

Sau khi cầm cương dắt ngựa một vòng để xem khớp, xem căng, xem phong-cách của ngựa mà hoặc vuốt-ve để làm quen, hoặc cấn ra tay, dùng biện-pháp mạnh để khuất-phục nó. Thế là tùy tình-thế để thử-thách. Dù thế nào, khi đã khớp được yên cương, nhảy lên lưng ngựa rồi thì phải cố giữ cho cân bằng. Ấy là tập cho “*trung*”, được “*chính*” vậy. Cố chính mới có trung. Ngựa chừng căng lỏng-lộn, người cưỡi càng phải ngồi cho vững-chắc, cố điều-động mọi cơ-phần thân thể mà điều-chỉnh mau lẹ cho trọng tâm vào đúng chỗ để khỏi té; do đó luyện cho trực-giác, cho vô thức thêm mẫn cảm, y như khi ứng đối, hay luyện bắn cung. Ghì dây cương cho chặt, làm về giận thế nào để tác oai hay nên tỏ ra rộng lượng bao-dung với ý tình thương con vật để xứng là chủ nó. Người học Nho tập cưỡi ngựa cho giỏi, chờ khi đỗ tiến sĩ, trạng nguyên được vua ban ngựa là có thể nhảy phắt lên yên, ung-dung vào vườn thượng uyển xem hoa, dong cương qua phố phường cho thiên-hạ chiêm-ngưỡng.

Đem cái hiểu biết khi tập cưỡi ngựa chừng với các đức hạnh trung chính của đức nhân hậu và việc cai trị dân nước. Hoặc ôn-tôn khuyến bảo, hoặc mạnh dạn sửa đổi, lúc nào cũng chỉ nhất tâm đưa dân nước vào an lạc theo các luật ngay thẳng.

o **Thư**: Tập viết. Tập viết sao cho tốt như vẽ tranh. Nhà nho tập viết là để khi làm việc đời sẽ biết dẫn do, lo liệu trước sau mọi việc cho hợp thời, đúng thế của môi-trường, rồi khi bắt tay vào việc là cố sao cho tự thành, nên cố gắng nên việc một cách tốt đẹp (*thiện, mỹ*).

o **Số**: vận mệnh. Cái học thuộc “*hình nhi thượng*” (métaphysique) - Đem cái luật-tắc vũ-trụ

Thám Hoa.

Năm 1347, vua Trần Duệ Tông bỏ danh xưng “Thái Học sinh” mà thay bằng “Tiến-sĩ”, chia làm tam giáp. Đệ nhất giáp tiến-sĩ là tam khôi, đệ nhị giáp là Hoàng Giáp, đệ tam giáp là “cấp đệ” và “đồng cấp đệ”.

Về khoa thi hội năm 1448, vua Lê Nhân Tôn chia tiến-sĩ làm “cấp đệ” (chánh bằng), và (Phụ bằng).

Năm 1484, vua Lê Thánh Tôn đổi “Trạng nguyên”, “Bảng Nhỡn” và “Thám Hoa” làm “Tiến-sĩ cấp đệ”. “Chánh bằng” làm tiến-sĩ xuất thân; “Phụ bằng” làm đồng tiến-sĩ xuất thân, và bắt-đầu có lệ khắc tên các tiến-sĩ vào bia đá dựng ở văn miếu.¹⁻

Năm 1918, Pháp bãi hẳn mọi thi-cử bằng chữ Nho.



1- Mai Chi, “Cái Học Nhà Nho” bản thảo viết tay, 1976.

với em thuận... **Bốn phận qua lại hai chiều.**

Nếu “Lễ” có khuôn phép cứng-rắn thì có “nhạc” kèm theo để điều-tiết “lễ” cho hòa-hài, nhịp-nhàng. Nhạc đem vào thực-tiễn là trong các buổi tế lễ có nhã-nhạc, bát âm.

- Chương-trình học:

Bao-quát gồm ba hệ tư-tưởng Khổng - Phật - Lão. Đại để riêng về Nho học, nội-dung chương-trình dạy gồm một số sách chính-yếu: Tam Tự Kinh, Sơ Học Vấn tâm, Ấu Học Ngũ Ngôn Thi, Minh Tâm Bửu Giám, Tứ Thư (Đại Học, Luận Ngữ, Trung Dung, Mạnh Tử), Ngũ Kinh (Kinh Thi, kinh Thư, Kinh Dịch, kinh Lễ, Kinh Xuân Thu), Chư Tử.

*Ấu Học: Song-song với “sái”, “tảo” và để có từ-ngữ và căn-bản tư-tưởng dạy các sách: “Nhất thiên tự” (một ngàn từ-ngữ), thực ra có 1015 chữ, đặt theo thể ca lục bát, cứ mỗi chữ Nho thì tiếp theo nghĩa của chữ ấy.

Thí dụ: Thiên (trời), địa (đất), vân (mây), vũ (mưa), phong (gió), trú (ngày), dạ (đêm)...

Tiếp “Tam Thiên Tự” (sách ba ngàn chữ), mỗi chữ kèm theo nghĩa, cứ hai tiếng-hợp vận cho dễ nhớ. Thí dụ: Thiên (trời), địa (đất), cử (cái), tôn (còn); tử (con), tôn (cháu), lục (sáu), tam (ba)...

Rồi “Ngũ thiên tự” trong đó chữ và nghĩa ghép lại theo thể lục bát, như cuốn “Nhất thiên tự”, xếp theo từng đề tài như thiên-văn, địa-ly, luân-thường, chính-trị,... “Sơ học vấn tân” dạy tóm-lược về sử, cách xử thế. Thí dụ: “Kỳ tại quốc bản, cổ hiệu Việt Thường; Đường cải An Nam, Hán xưng Nam Việt, Thần Nông từ thế, thủ tử phân phong, viết Kinh Dương vương, hiệu Hồng Bàng thị...” (Ở nước ta xưa gọi Việt

Thường; nhà Đường đổi làm Annam, nhà Hán gọi là Nam Việt. Cháu bốn đời vua Thần Nông, con thứ được phong làm vua ở xứ ta gọi là vua Kinh Dương vương, họ là Hồng Bàng...) ¹

“Ấu học ngũ ngôn thi” (thơ năm tiếng). Sách gồm 278 câu thơ ngũ ngôn, đại ý nói về lạc-thứ và kết-quả của sự học và mộng-tưởng của người học-trò mong thì đỗ trạng-nguyên. Do đó cuốn này còn gọi là “Trạng-nguyên thi”.

Thí dụ: “Di tử kim mẫn doanh, hà như giáo nhất kinh. Tinh danh thứ quế tịch, chử tử liệt triều khanh. Dường tử giáo độc thư, thư trung hữu kim ngọc....(Để cho con đầy hòm vàng, sao bằng dạy con một quyển sách. Họ tên chép vào sổ quế (sổ người thi đỗ thường gọi là bẻ quế), mặc mẫu đồ tía, đứng ngang hàng các bậc công khanh. Núi con mà biết dạy con đọc sách, trong sách có vàng ngọc...)”

- Đại tập: Còn nhỏ học ở các thầy đồ nơi các làng, lớn lên nghe giảng sách, bình văn, tập văn ở các trường đại tập. Ở cấp “đại tập” nhằm luyện học-sinh quen văn bài trước kỳ thi. Các vị đốc học ra đề hàng tháng để học-trò về nhà làm, độ hai tuần đem nộp. Cuối tháng các vị khoa-băng họp nhau chấm bài, bình văn. Bài văn hay được đọc lên, nêu tên tuổi, quê quán.

* Thi cử: Cứ theo “Văn Học Sử Yếu” của giáo sư Dương Quảng Hàm “Các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê nước ta chưa có lệ thi-cử.”

Mãi đến nhà Lý, năm 1075 vua Lý Nhân Tôn mở khoa thi Minh Kinh để chọn 10 người sâu rộng

1- Dương Quảng Hàm, “Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Thiên thứ 2, Sóng Mới tái xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1979

kiến-thức, uyên-bác kinh điển. Tuy vậy vẫn chưa có định kỳ, cứ khi nào cần người thì mở khóa thi. Đại khái, sử còn ghi chép những năm 1086, 1152, 1165, 1185, 1193 là những năm có khoa thi. Năm 1195, vua Lý Cao Tôn mở khoa thi Tam giáo tức là Phật giáo và Lão giáo cũng được ngang hàng với Nho giáo.

- Thi hương: lấy cử-nhân, tú-tài,

Năm 1396, vua Trần Thuận Tôn đặt ra thi hương lấy cử-nhân. Thi hương bắt đầu có từ đây.

Đến đời Hậu Lê (1428-1527) Buổi đầu vua Lê Thái Tổ chỉ mở những khóa bất thường; khóa minh kinh năm 1429, khóa hoàng tử (năm 1431).

Đến năm 1434, vua Lê Thái Tôn mới xuống chiếu định lệ thi hương, thi hội, hạn đến năm 1438 mở khoa thi hương, năm 1439 mở khoa thi hội. Nhưng thực ra mãi đến năm 1442 mới mở, mà lệ ba năm một khoa đến năm 1463 mới được thực-hành.

Ai đậu cử-nhân được ghi danh trên bảng gỗ, mà phía sau có vẽ hình con hổ, nên nói những người đậu cử nhân “danh đề bảng hổ”, còn người đậu tú tài chỉ được ghi tên ở tấm bảng bằng cốt.

- Thi Hội: Ai có cử-nhân mới được dự thi Hội. Bài thi do các quan đại khoa chấm, và vua quyết-định. Chấm thi Hương thì phê 4 bậc: Ưu, bình, thi, liệt.

Năm 1232, vua Trần Thái Tôn mở khoa thi “Thái học sinh” (sau này gọi là tiến-sĩ) và đặt ra tam giáp: đệ nhất giáp (trạng-nguyên), đệ nhị giáp (bảng nhỡn), đệ tam giáp (thám-hoa).

Năm 1247, vua Trần Thái Tôn dành cho tam khôi (3 người đỗ đầu) Trạng Nguyên, Bảng Nhỡn,

thù, hoa mỹ. Đến cả việc săn bắn, Hoa Bắc dùng cung tên và duổi thú trên lưng ngựa. Người Hoa Nam dùng nỏ và bẫy (*phải rình-rập và chờ thú tới mà hạ tại chỗ. Do đó chế nỏ và bẫy đòi-hỏi nhiều kỹ-thuật hơn chế cung*). Đến việc đi chuyên, vận-tải cũng khác nhau, Người Hoa Bắc thuần-thục ngựa rừng, Sỏ-trưởng về vận-dộng tốc chiến, tốc quyết.

* Người dân vùng Nam Dương Tử, về vóc dáng dù ngày nay các dòng đã pha-trộn vào nhau, nhưng đại thể **để phân-biệt với người Hoa Bắc hơn là với người toàn vùng Đông Nam Á**, nhất là với người Việt, Thái, Miên. Dân cư trong vùng Trường Giang, và Hoa Nam, kể cả thung-lũng sông Hồng, sử-quan Tàu trước gọi chung những cư dân vùng này bằng danh-từ **Bách Việt**.

Theo học giả Harold Wcins đã viết trong tác-phẩm “*Han Chinese Expansion in South China* ”:

“*Giống Việt đã vào Trung quốc, vùng Dương Tử giang, được gọi là văn minh Viêm Việt thuộc văn-minh Thục Sơn. Nghiên-cứu trong số 300 chủng-tộc, có hai chủng-tộc ưu-việt là Thái và Việt. Thái ưu-việt về chính-trị, và Việt ưu-việt về văn-hóa.*” (*The Viêm Việt had entered into China by the Yangtze river. They called the Viem Viet civilization as Thuc Son’s civilization. Among 300 races that were studied, the most eminent races were Thai and Viet. The Thai excelled in politics while the Viet excelled in culture.*).

Cuộc hội-thảo ở Berkeley vào năm 1978 đã đưa đến kết-quả việc ấn-hành cuốn “*The Origins of Chinese Civilization*”, nội-dung đã làm sáng-tỏ những vấn-đề về cổ sử Tàu, cổ sử Việt Nam và Đông Nam Á:

- Trong nội địa nước Tàu, *văn hóa miền Nam* có

I-6/ Hai thực-thể Việt - Tàu tại Trung Nguyên.

Theo địa-ly Trung quốc, phần đất giữa trung lưu hai sông Hoàng Hà và Dương Tử là phần lõi trong sử-mệnh của thiên-tử thời phong-kiến, và cũng là **phần đất màu-mỡ**, nên được gọi là “*Trung Nguyên*”. Sau thời đế-chế cực quyền, sử quan Tàu gọi gồm chung bốn phía quanh nước Tàu là “*Tứ Di*” (*Bắc Dịch, Nam Man, Tây Nhung, và Đông Di.*)

Ta cần lùi thời-gian vào khoảng vài ngàn năm, giữa cuối tiền-sử và đầu thượng-cổ để xem con người tại Hoa Lục đã sinh-hoạt như thế nào, trong khi đời sống còn dựa vào săn bắn, ngư chài, du-mục và canh-tác. Bấy giờ, dân cư Hoa Lục đại-thể sống trên trung lưu hai triển sông Hoàng Hà ở phía Bắc, và Dương Tử ở phía Nam sinh-hoạt rất khác-nhau.

Thượng và trung lưu triển Hoàng Hà là một cao nguyên hoàng thổ, không do triển này tạo nên, mà do gió mùa Tây Bắc **thổi cát từ Hãn Hải tới** lấp các thung-lũng giữa những đồi núi mà thành. Trừ vài khu rừng núi phía Tây Bắc, mùa hè hay có mưa lớn, còn khí-hậu cao-nguyên theo ven phía Nam mà đi về hướng Đông ra biển. Càng lên phía Tây Bắc, bờ các sông trong triển càng cao. Nhiều nơi dòng chảy ở dưới sâu, cách đồng điền ở trên hàng trăm mét. Cao nguyên này, chất đất rất tốt cho **đồng cỏ** và những ngũ cốc cần rất ít nước như **lúa mì, lúa mạch**.

Dân cư ở vùng này thuộc nòi Mông Cổ, lực-lượng và thô-phác. Thành phần phía Bắc và Tây Bắc sống bằng du-mục và săn bắn. Nhà cửa, quần áo hầu hết bằng da, len và da lông. Thành phần phía Nam và Đông Nam định

cư trồng lúa mì, lúa mạch; nguồn lợi kinh-tế là săn bắn, chăn nuôi tại chỗ. Nhà cửa ở đây nhiều nơi là những hang khoét sâu vào hai bên bờ sông, ở nơi đủ cao để không bị ngập nước về mùa mưa và tuyết tan, nhưng cũng đủ thấp để tiện việc lấy nước về mùa khô. Những hang này, có hang dành cho người, có hang dành cho gia-súc. Ưu-điểm các hang này là mát về mùa hè, và ấm về mùa đông. Ngựa và gia-súc đặc-lực trong việc canh-tác, chuyên-chở và di-chuyên.

Người phương Bắc này đã sáng- tạo ra bánh xe để chế xe ngựa dùng vào việc chuyên-chở và chiến-tranh. Họ cũng biết quan-sát tinh tú để định phương hướng di-chuyên trên những đồng cỏ mênh-mông.

* Triển sông Dương Tử bồi lấp nên những thung-lũng và những đồng-bằng vùng Hoa Trung và Hoa Nam bằng **phù-sa** bào mòn từ những sườn đồi núi Tây Tạng, Tứ Xuyên và Hoa Nam. Cả vùng này khí-hậu ẩm-ướt, nhiều hồ đầm, rừng-rú, nhất là tre nứa, mùa hè nhiều mưa lũ, mùa Đông mưa tuyết. Hoa Trung khí-hậu ôn-hòa, ấm về mùa Đông, mát về mùa hè. Hoa Nam khí-hậu nhiệt-đới, mùa hè nóng, mùa đông lạnh, nhưng không quá khác như ở vùng Cao-nguyên hoàng thổ. Thủy sản, và lâm sản cũng như thảo-mộc và muông-thú thật phong-phú.

Dân cư ở đây có **nguồn gốc Nam Á**. Họ sống rải-rác thành những tập-thể lớn, nhỏ trên các sườn đồi núi, ven những hồ đầm, và trên những đồi đất cao ngày bồi thêm rộng để sau thành những đồng-bằng lớn nhỏ vùng Hoa Trung và Hoa Nam. Nhà cửa thường là những khóm nhà sàn, cất trên các hàng cọc cao. Nếu những nhà của trên mặt đất, vật-liệu có thể là tre, gỗ, gạch, đá và lá gồi.

Người dân vùng này **cấy lúa trên những ruộng**

nước, gico lúa rẫy và trồng rau dưới các thung-lũng hay trên sườn đồi núi. Nguồn chất đạm và chất vôi chính là do các sinh-vật thủy-sân tôm cua, trai sò và nhất là cá. Họ trồng bông và nuôi tằm để kéo sợi.

Chẳng những biết dệt vải, lụa mà còn biết nung sành, gạch (*mỹ nghệ đồ sứ*). Biết xây cất nhà cửa, và chế xe ngựa ít công-phu và kỹ-thuật hơn là chế-tạo thuyền bè. Tục ngữ Tàu có câu: “**Bắc cõi ngựa, Nam chèo thuyền**” đã chỉ rõ sở-trưởng của mỗi miền.

Đức tính ở người Hoa Bắc là “**gồng mình**” để thích-ứng với môi sinh. Sống theo thiên-nhiên nên thô-phác, sơ-lậu. Cũng vì rèn mình sinh-hoạt trực-tiếp với hoàn-cảnh khác-nghiệt nên con người Hoa Bắc lực-lượng và dũng-mạnh hơn người miền Nam.

Trong sinh-hoạt phát-triển, thành-phần du-mục có những ưu-điểm:

- Khỏe sức và to lớn hơn.
- Sinh-hoạt giản-dị hơn.
- Trang bị nhẹ-nhàng hơn.
- Động viên, kết tập dễ, mau.

- Tiến, lui nhanh-nhẹn nhờ sử-dụng ngựa và các chiến xa do ngựa kéo thành-thục hơn.

Dân cư vùng sông Dương Tử và Hoa Nam tuy được hoàn-cảnh thiên-nhiên phong-phù, và thời-tiết đỡ khác-nghiệt, nhưng phải chế hóa thiên-nhiên nhiều hơn là dân-cư vùng cao-nguyên hoàng thổ. Chẳng-hạn việc xây cất nhà cửa, không những phải xử-dụng tre gỗ một cách kỹ-thuật, mà còn phải nung gạch đá để bảo-vệ nơi ăn chỗ ở, chống mưa, chống lụt khác với việc dựng lều, khoét hang - Quần áo cũng vậy, Hoa Bắc dùng da, lông , len, kỹ-thuật chế-tạo không mấy khó-khản. Hoa Nam phải nuôi tằm, trồng bông để chế thành sợi, phải phát-minh cách dệt, cách may cắt, không kể những thù-

I-7/ / Đánh giá tư-tưởng của Khổng Tử và Hán Nho:

- Trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*” , Khổng Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ* (thuật lại mà không sáng-tác, tin và yếu cổ xưa).

Điều này chứng tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn-toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà chỉ thuật lại của một nền văn-hóa nào khác (Bách Việt ?)

- Tử Lộ vấn cưỡng, Tử viết: “*Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Ưc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo – Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi. Nhâm kim cách , Tử nhi bất yếm – Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi.* ” [Ông Tử Lộ hỏi về sức mạnh. Khổng Tử đáp: “*Đem lòng rộng-rãi, hiền-hòa dạy người, dấu kẻ vô đạo cũng không báo thù, đó là sức mạnh của người phương Nam. Người quân-tử cư-xử như vậy. Xông-pha giương giáo, ôm yên mặc giáp, đến chết không chán, đó là sức mạnh của người phương Bắc. Kẻ cường bạo cư-xử như vậy.*] (Trung Dung - bài 10, Tử Lộ vấn cưỡng). Điều này, chứng-tỏ, minh-dịnh văn-hóa Nam phương cao đẹp hơn văn-hóa phương Bắc.

Ngoài ra, tự thân Khổng Tử, ông đã tự nhận: **Quân-tử chi đạo, tú: Kỳ (Khổng Tử) vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã; Sở cầu hồ thần sự quân, vị năng dã;** (Đạo quân tử có bốn (4) đức cốt-yếu, nhưng Kỳ (Khổng Tử) chưa làm trọn được một. Phận làm con phải hiếu thuận với cha mẹ, ta chưa làm được; phận làm tôi phải trung với vua, ta chưa làm được; phận làm em phải kính

trước văn hóa miền Bắc.

- Văn hóa miền Nam nước Tàu có nhiều nét giống văn hóa Hòa Bình, và có sau văn-hóa Hòa Bình.

Trên khía-cạnh văn-hóa, vào năm 1953, hai nhà khoa-học Pháp A. Leroi-Gourhan và R. Poirier đã nhấn mạnh rằng: “*Vùng Đông Dương nằm trong khu-vực xuất-hiện con người từ rất sớm.*”

Tương tự, theo tiến sĩ Wilhelm G. Solheim II, giáo-sư nhân-chủng-học tại Đại-học đường Hawaii, trong bài “*Ánh Sáng Mới Dọi vào Một Quá Khứ Bị Quên Lãng*” đăng trên tập-san National Geographic tháng 3 năm 1971: “...

Quan-niệm cổ-diễn về thời tiền-sử vùng Đông Nam Á là sự di dân từ miền Bắc mang theo các kỹ-thuật quan-trọng xuống vùng Đông Nam Á. Tôi đề-nghị ngược lại là vào thời-dại Tân Thạch Khí, nền văn-hóa Bắc Trung Hoa phát-triển từ nền văn-hóa chi-nhánh của văn-hóa Hòa Bình, vào khoảng năm 6000 hay 7000 TTL...”(...*The traditional reconstruction of Southeast Asian prehistory has had migrations from the north bringing important developments in technology to Southeast Asia. I suggest instead that the first neolithic (that is, late Stone Age) culture of North China, known as the Yangshao, developed out of a Hoabinhian subculture that moved north from northern Southeast Asia about the sixth or seventh millennium B.C....*”

Qua những điều nêu trên, **địa-bản của văn-hóa Việt khởi nguồn từ nền văn-hóa Hòa Bình, nền văn-hóa bản địa,** tỏa rộng trong vùng Đông Nam Á. **Chủ nhân (chủ thể) của nền văn-hóa ấy chính là dân Việt.**

Song-song với nền Văn-hóa Việt là nền văn-hóa Hoa Hạ (Tàu). Xét về văn-hóa Hoa Hạ đầu-tiên xuất-hiện, thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân-

cư ngụ tại đó; và họ đã có một nền văn-hóa cao. Như vậy **cuộc bành-trướng về phương Nam của người Tàu đã làm phong-phú cuộc sống cho họ.**

Giáo sư Wolfram Eberhard: “*Ý kiến cho rằng tộc Hán (Hoa) đã sản-sinh ra nền văn minh cao độ hoàn-toàn do tự lực, do những tài-năng đặc-biệt của họ, thì nay đã không thể đứng vững. Chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn-minh với chung-quanh toàn là những dân-tộc man rợ; mà chỉ có một nước Trung quốc với các nước chung-quanh cũng văn-minh như họ, tuy theo một đường lối khác*” (No longer see Chinese as a great civilizatiuon surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbors, who had civilizations of quite different types...)

(A History of China”, University of California Press, Berkely and Los Angeles , 1071.)

Harold J. Wiens, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc., 1967.

“*Whether the historical data are reliable and further, whether the descriptions are sufficiently informative for classification purposes? Most researchers of Chinese history concede the astonishing degree of reliability of Chinese historical facts. Where fault is found with Chinese history, it is with the distortion resulting from omission of facts, particularly in the accounts dealing with the so-called “barbariana” or non-Han Chinese tribes people.*”

Ngay đến phương-diện học-thuật, Tây hay Đông, ai cũng nghĩ Nho Học là của Tàu, đại-diện Nho học là Khổng Tử, Khổng Tử, được tôn là “*Vạn thế sư biểu*” nhưng chính trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*” , Khổng Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ* = thuật lại mà không sáng-tác, tin và yếu cổ xưa.” Điều này chứng-tỏ những điều Khổng Tử nói hay

viết lại, không hoàn-toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà **chỉ thuật lại từ một nền văn-hóa nào khác.**

Các điều nêu trên cho ta thấy hai dòng sống Mông Cổ ở Hoa Bắc, Hoa Trung và dòng Bách Việt ở Hoa Nam có những giao-thoa kể cả những trao đổi hàng-hóa, kỹ-thuật, đến tư-tướng, tín-nguồn và dòng máu. Có những trao đổi tự nhiên, hiền-hòa, lại có những trao-đổi cưỡng-bách bằng những hành-động bạo-tàn như cướp bóc, hãm hiếp tạo ra hận thù. Trong khi-thể phát-triển và tranh-đua vũ lực, thế mạnh về dòng Mông Cổ, vì họ số-trưởng hơn về vũ lực, những sinh-hoạt kinh-tế và văn-hóa thì người Bách Việt lại giỏi hơn.

Cuộc chiến đầu-tiên được nhắc tới trong lịch-sử Trung Nguyên là trận “*Hoàng Đế chiến Suy Vu, binh Miêu Tộc*” (Lãnh tụ liên quân Mông Cổ thắng Suy Vu và dẹp yên Miêu tộc). Sau trận này, ở Trung Nguyên ra đời một cộng đồng ổn-dịnh **trong trật-tự phong-kiến** của một quyền-lực chúa-tể với những quyền lực địa-phương (Thiên tử lãnh-đạo thiên-hạ và các vua chư-hầu là danh hiệu những thủ-lãnh địa-phương).

Thoảng nhìn giai-doan giao-thoa này, nhiều người đã ngộ nhận “**Văn-hóa Việt là bản sao của văn hóa Trung Hoa**”, chẳng khác nào khi **cầm một giải lụa thêu đem lật ngược mặt trái cho là mặt phải!**



Nông nghiệp trồng lúa nước	Du mục
<ul style="list-style-type: none"> an dân, Lấy linh-dộng mà đối-àng. Dục hoàn cầu mưa. <p>E.- Về mặt xã-hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiên-nhiên - xã-hội - tư tưởng thống nhất. Cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên nhân. Trọng danh-dự. Phân công hợp-lý (cách sống nơi nông-thôn theo hạch-tâm chứ không theo hình-thức kim-tự -tháp). Thực-tế (Có thực mới vực được đạo.) "No cơm tấm, ấm ổ rơm" 	<p>yếu (khinh mạn, trịch thượng)</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiên triều chủ nghĩa. Cường tân áp chủ. Bê ngoài nhân nghĩa, bên trong thâm độc. <ul style="list-style-type: none"> Thiên - địa - nhân không thống nhất. Tổ chức theo hệ thống dọc, hệ thống Kim Tự tháp. Trực lợi. Giai cấp phân ly, phi nhân. Hào nhoáng, diêm lệ.



những anh, ta chưa làm được; Cho đến phận bằng hữu, trước phải ra tay giúp người, ta cũng chưa làm trọn.....)

- Chính Khổng Tử cũng chưa dám nhận là bậc thánh, thì tại sao ta lại tôn ông làm thánh? Tử viết: "Nhuộc thánh dữ nhân, tức ngộ khởi cảm." (Như làm bậc thánh và bậc nhân thì ta há dám.

(Luận Ngữ – Thuật Nhi)
Như vậy, xây văn miếu thờ Khổng-tử và môn đồ Khổng học, tôn xưng Khổng Tử là " Vạn Thế Sư Biếu" là điều sai-lầm, nếu không muốn nói là mỹ Tào, vọng ngoại.



Đàng Dung mài gương dưới trăng

I-8/ Bảng Đối Chiếu hai nền văn-hóa nông nghiệp với du-mục.

Nông nghiệp trồng lúa nước	Du mục
<p>A/ Tư tưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Âm - dương đối lập thống-nhất. Vạn vật đồng nhất thể. Nam nữ bình đẳng. Tinh lý tương thông. Khôn chẳng qua lẽ, khéo chẳng qua lời. Vũ-trụ khách-quan vô tình. "Có trời mà cũng có ta." Phân công, hòa-hài. không quá giàu, không quá nghèo. Ai cũng có tư sản. (công điền cấp cho mỗi dân đình khi ruộng thành) Nhân bản [Vai người sánh ngang trời - đất, tam tài (tân thiên địa chi hóa dục), "Có trời mà cũng có ta". Tinh thần bao dung, dung nạp, dung hòa, thích nghi. Vô chấp (tổng hợp "Tam Giáo: Phật - Khổng - Lão" thời Trần. Tư duy đối-ứng (tự điểm hóa giải đối lập) như nói: nước non, vui buồn, sướng khổ, thành bại,... Tự nhiên, vô vi (Nước không làm gì mà không có cái gì không làm) Cần tiến, thăng hạo. An nhiên tự tại. Tinh thần thực-dụng (tre). 	<p>Đối-lập tương phân. Nam nữ thụ thụ bất thân. Nam trọng, nữ khinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> Theo luật của kẻ mạnh. Thắng được yếu thua. Ngọc hoàng, thiên mệnh. Chủ nhân ông và nô lệ, giai-cấp thượng lưu khác bình-dân (tệ hại hoạn quan, nông nô, nô lệ). Suối dòng lịch sử Trung Hoa, tình người bị coi nhẹ! Hết duy linh, duy thần sang duy vật! Tự kiêu (Đại Hán, tử Di), chiếm-đoạt, đồng-hóa. Tri-trệ, chấp-nhất, lấy cái hay của người làm của mình. Theo luật cạnh-tranh sinh tồn. lục súc tranh công. Bảo-thủ. Cạnh-tranh, chiếm-đoạt. Kiểu-cách (trúc), tượng trưng quân tử Tào)

Nông nghiệp trồng lúa nước	Du-mục
<p>B.- Chính Tri, Kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân quyền. Phép vua thua lệ làng. Chủ tư-hữu, bình-dẳng. Nhân-bản (truyện An Tiêm). Vô kỳ, vô công, vô ngôn (truyện Thánh Gióng). Đồng sống sử liên-tục (Sóng sau dồn sóng trước). Trung quân đi đôi với ái quốc. Làm chính quyền là phải noi gương cho dân (thời Lý, Trần...) Độc lập chân chính. Sắc tộc hòa h ai. Trăm họ một nhà. <p>C.- Về quân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lấy ít thắng nhiều. Lấy trí cầu chiến chống kinh tốc chiến. Lấy du kích chiến chống trận địa chiến. Ưu thắng về hải chiến. Trì cầu chiến phối hợp với du kích chiến và tiêu hao chiến. Trung ương đội phá phối hợp với sách lược tuyên-truyền thâm thấu (thời Quang Trung Nguyễn Huệ). <p>D.- Về ngoại giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lấy nhu thắng cương. Lấy yên dân làm trọng (tuy thắng giặc nhưng vẫn chịu triều cống để được 	<p>Đế-chế cực quyền, quyền vua tối thượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vô sản, chính-lịch. Không tôn-trọng con người, tin vào thiên mệnh, thần quyền và quyền-lực. Hầu như người Trung Hoa nào cũng mong thoát ra nước ngoài để có cuộc sống thoải-mái hơn. Nắm được chính quyền là nắm quyền sinh sát trong tay. Chủ sắc tộc . Quan-niệm tử Di. Chủ nhiều thắng ít. Chủ tốc chiến, tốc thắng. Sử-trường trận địa chiến hơn du-kích chiến. Đều thất-bại khi đối chiến với Việt Nam về hải chiến. Áo-ạt tên-công và tiêu diệt chiến. Đón lấy cô-lập, phó trương thanh-thế hơn là tuyên-truyền vận-dộng. <ul style="list-style-type: none"> Thế mạnh lẫn thế yếu (khinh mạn, trịch thượng) Thiên triều chủ nghĩa.

thiện cụ cho chính ta ,và cũng chính là khí cụ cho xã-hội.”

Biện-chứng của giáo-dục là tu tiến “**thủy tạo**” (*đức tính bẩm sinh*) để đạt đến “**thành tạo**”.

Bản-thể của giáo-dục là đúc-kết thành quả của quá-khứ và hiện-tại để mưu-cầu cải tiến và sáng-hóa cho tương-lai. Sứ-mệnh của con người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người, và cho người.

Tiến-trình của nhân-loại phải đấu-tranh với thiên-nhiên, cải-tạo thiên-nhiên để ích dụng cho nhân-sinh, do đó phạm-trù của giáo dục phải **thống-nhất ba mặt: khoa-học - Sử học và Đạo học** (triết-học).

Tương-lai lâu dài của dân-tộc tùy thuộc vào chính-sách giáo-dục của quốc-gia. Với một nền giáo-dục què-quặt hiện nay: phi nhân-bản, phi dân-tộc, phi hòa-đồng quốc-tế, phản khoa-học, không tôn-trọng truyền thống và coi nhẹ quốc-sử, triết-học thì khép kín, ... quả là điều “**đại bất-hạnh**” cho dân-tộc! *ác bá là bệnh-thái xã-hội trong thời nô-lệ” (không phải là truyền-thống)*. Tinh-thần “**hài hòa**” (Hòa cả làng) mới là truyền-thống đích-thực của dân-tộc.

Cũng may, nhờ sự tiến-bộ của các ngành như Chứng-tộc học, Địa-chất học, Sử-học, Khảo-cổ học, Di-truyền học, v.v... mà ngày nay, chúng ta không

I-9/ **Văn-óa Việt khác văn-hóa Tàu** .

Đáng buồn thay! Đến nay, nhiều học-giả thế-giới thiếu tưởng-tận về sự hình-thành một nước Tàu có diện-tích lớn gấp 50 lần đất nước Việt, và dân số trên một tỷ người là do tiếp-truyền tính-chất đế-chế, xâm-lãng và Hán hóa.

Nếu ai còn nghi-ngờ “Văn-hóa Việt chỉ là bản sao của nền văn-hóa Tàu” thì chỉ cần nhắc lại câu “**Thuật nhi bất tác**” (*Thuật lại mà không sáng-tác*) của Khổng Tử trong sách Luận Ngữ, ta thấy rõ văn-hóa Tàu hầu hết đã vay mượn từ nền văn-minh “*trồng lúa nước*” ở Đông Nam Á-châu.

Qua những phát-tích gần đây ở Đài Loan, Thái Lan, Mã Lai, Phin Luật Tân, Bắc Úc châu, Bắc và Nam Việt Nam có thể làm thay-đổi các lập-luận từ trước về khởi nguồn văn-minh nhân-loại.

Học-giả Wilhelm G. Solhclm II đã đưa ra một số giả-thuyết trong tạp-chí National Geographic, vol. 139 No. 3, March 1971 với tựa đề “*New Light on a Forgotten Past*”

1- "...I suggest that the earliest dated edge-ground stone tools, found in northern Australia and dated by carbon 14 at about 20,000 B.C., are of Hoabinhian origin.

"While the earliest dated for pottery now known are from Japan at about 10,000 B.C., I expected that when more of the Hoabinhian sites with cord-marked pottery are dated, we will find that pottery was being made by these people well before 10,000 B.C. and was possibly invented by them...

"I suggest that the later so-called Lungshan culture, which supposedly grew from the Yangshao in North China and then exploded to the east and southeast, instead developed in south China and moved northward. Both of these cultures developed out of a Hoabinhian base...."

Một số dụng-cụ bằng đá định vào khoảng 20,000 năm tr. C.N đảo được ở Bắc Úc Châu có liên-quan đến nền văn-minh Hòa Bình.

"Trong khi được biết đồ gốm cổ xưa nhất tìm được ở Nhật có niên-dại khoảng 10,000 năm tr. CN, tôi tin rằng khi xác-định được tuổi của loại đồ gốm có in hoa vẫn đây từng sẽ phải nhận rằng đồ gốm đó do sắc dân Hòa Bình chế-tạo ra..."

"Riêng tôi cho rằng cả hai nền văn-hóa Longshan Long Sơn và Yangshao (Ngưỡng Thiều) phát-triển từ nền văn-hóa Hòa Bình..."

- Tương-tự, học-giả Peter Bellwood cổ võ cho thuyết "Lúa nước phải ở vùng nhiệt-đới từ Đông Dương xuống Mã Lai, Miến Điện."

Theo tiến-sĩ Stephen Oppenhenner: Từ khoảng 9,000 đến 10,000 năm về trước, tổ tiên người Việt đã tiến tạo một nền văn-minh Hòa Bình trồng lúa nước.!

- Theo hai giáo-sư Huard P. và Durand M. :

"Thoạt đầu người Việt sinh sống ở vùng văn minh Bắc Việt trước đây, do đất phù-sa sông Hồng bồi-đắp,

1- "As presiously mentioned, the only remaining clue to the identity and language of the first-rice growers in this part of the world (Sakai cave dwellers of Southern Thailand 9260-7620 years ago. Surin Pookajorn) come from the present day Austro-Asiatic speaking. The so-called Hoabinhians the Pre-Neolithic inhabitants of Indo-China from at least 10,000 years ago, are usually thought to have been ancestors of Austro Asiatic speakers and are presumed to have learnt their agricultural skills thousands years later by diffusion from Early Neolithic culture, further North in China"

(S. Oppenheimer, "Eden in the East, The Drowned Continent of Southeast Asia", Phoenix London, 1998.)

và những người này hợp chủng với người Anh-dô-nê-giêng."

- Ông Georges de Gironcourt, nhà khảo-cứu về nhạc cổ, sau khi so-sánh các giọng hát địa-phương miền Trung và miền ven biển Bắc Việt cũng cho rằng "Dân tộc Việt Nam khai quốc tại miền Trung Châu Bắc Việt."

*- Gần đây, nhờ đảo được nhiều xương người cổ ở miền Bắc Việt, các nhà khảo-cổ và khoa-học trên thế giới đều công-nhận **những cư dân cổ sống tại miền Bắc Việt Nam đã đạt được nền văn-hóa là dòng sống. Một dòng sống tất phải luân-lưu, liên-tục, nối đi-văng - hiện-tại và tương-lai.***

Phải tìm về đi-văng để kiên-định về nguồn gốc tìm thấy những cái hay, cái đẹp để bồi-bổ cho thêm Chương-trình giáo-dục Việt Nam hiện-dại, nhằm đào-tạo những khối óc, bàn tay cùng trái tim của thế-hệ thời-dại để kiến-thiết sinh-mệnh con người, để xây-dựng gia-đình và tu tạo toàn-diện xã-hội!

Học-thuyết của giáo-dục là biến-hóa khí-chất, bồi-dưỡng khí-chất, và phát-huy khí-chất. Khí-chất là chủ-yếu của con người.

* Giáo-dục sao cho có được một sinh-khí mạnh mẽ “*thận vững, tay mạnh, mình nhẹ,*” tức là “**kiện-khang giáo-dục**”.

* Giáo-dục sao cho có được một tinh-thần cao thượng, chính-nghĩa, lý-tưởng, nhân-cách và danh-dự (*tìm trong, óc sáng.*) tức là “**hoàn thiện giáo-dục**”.

* Giáo-dục sao cho có một hiệu-suất thích đáng để thăng-hoa cuộc sống cho chính mình và cho xã-hội. Do đó, châm-ngôn của giáo-dục là “**làm sao cho thân ta thành một**

- “Phân Trì vấn nhân. Tử viết: ái nhân.”

- Tử Trương vấn nhân ư Khổng Tử. Khổng Tử viết: “*Năng hành ngữ giả ư thiên hạ, vi nhân hĩ. Thịnh vấn chi. Viết: cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhiệm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc tức dĩ sử nhân.*”

- Nhân theo Khổng học là **tâm đức**: Nhân là bác thí, lòng “nhân” nơi con người được ví như “thiên lý”? “*Năng chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả, sở bất lực nhi tri giả, kỳ lương tri giả. Hà để chi đồng vô bất tri ái kỳ thân giả; cập kỳ trưởng giả, vô bất tri kính kỳ huynh giả. Thân thân nhân giả, kính trưởng nghĩa dã. 6 tha, đạt chi thiên hạ giả. (Người ta có những điều chẳng cần học-tập với ai mà tự mình hay được là cái **lương năng**. Có cái điều không cần suy-nghi mà tự nhiên biết được là cái **lương tri** vậy. Đũa bé con, miệng vừa biết cười, taya vừa biết nằm (hài dề nhi đồng) không đứa nào là không yêu cha mẹ nó; đến khi 9, 10 tuổi) không đứa nào không biết kính-trọng anh nó. Cái biết như thế tức là lương tri, vi lương-tri mà nảy ra lương-năng.*”

Qua các điều dẫn giải trên, ta vẫn không nắm rõ mục đích và phạm-trù của “**nhân**”!

May thay, trong kho-tàng văn học Việt có những ca-dao, tục-ngữ và các truyện cổ-tích đã dẫn-giải-các tiêu-dề trên.

“**Nhân**” theo Việt Nam là lòng yêu-thương, lòng nhân ái.

Trong “*Sử Hôn*”, nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A đã viết: “*Tất-cả những tài-năng đạo-đức chỉ là hương thơm của đóa hoa “Nhân Ái” nở mãi không tàn. Nhân ái một khi được sáng-suốt viễn kiến, chế-độ hóa, thực-tiến*”

còn nghi-ngờ gì nữa về chủng-tộc của mình, và những nét văn-hóa đặc-thù của Việt Nam.

Nếu ai còn nghi-ngờ “*Văn-hóa Việt chỉ là nền “văn-hóa học nhờ viết mượn*” của Trung Hoa thì qua các tài-liệu nghiên-cứu và chứng-tích khảo cổ sẽ thấy rõ tính-chất “*cổ đại*” của nền văn-minh “*trồng lúa nước*” sáng chói ở Đông Nam Á-châu.

Văn-hóa là dòng sống. Một dòng sống, tất phải luân-lưu, liên-tục, nối-liền dĩ-vãng - hiện-tại và tương-lai.

Phải tìm về dĩ-vãng để thấy những cái hay, nét đẹp của gốc nguồn mà bồi-bổ vào cho thêm tươi-sáng, và vững-mạnh.

Những tinh-hoa của lịch-sử tạo được nhờ ở tình yêu với máu đào, nước mắt và mồ-hôi, võ công và văn trị đã tô-điểm lên giang sơn những gấm đẹp hoa tươi.

Trải nhiều năm Pháp thuộc, anh-hường chính-sách “chia để trị” của thực-dân Pháp; tiếp những năm dài “chống Pháp - đuổi Mỹ” giành độc-lập, tinh-tự “dân-tộc” đã bị lạm-dùng! Những giá-trị truyền-thống chỉ còn là những vang vọng xa xưa! Giá-trị của thời-dại là quyền bính, giàu sang và giảo quyệt...

Tại hải ngoại, hồn nước thì vật-vờ cuốn theo dòng nước lũ! Cuộc sống vật chất nơi xứ người đã thúc-dậy người Việt ty nạn đầu tắt mặt tối. Thì giờ lo cho sự sống còn chưa đủ, chưa nói đến những giây phút sinh hoạt trong gia-đình thì lấy đâu có thì-giờ làm việc nghĩa!

Trước tình-trạng bi đát này quả là một thử-thách lớn lao cho những người còn thiêi-tha đến vận mệnh dân tộc, lo-lắng tiền-đồ cho thế-hệ tương-lai.



== Lịch-khố Trùng-Quốc thời Hán-Việt Hán-Việt

Con đường phát triển của nòi Hoa:

1- Từ Tây sang Đông. →

2- Từ Bắc xuống Nam. ↓

1-10/ Những điểm cần bổ-túc cho nội-dung của Luận-ngữ trong việc học của nhà Nho.

Qua nội-dung của Luận Ngữ đã trình-bày trên, ta thấy Khổng học chỉ chú-trọng phần “*tâm đức*” mà hầu như không bàn đến: *đạo học (triết-học), khoa-học, sử-học, xã-hội học, kỹ-thuật học, công-nghệ học, thương học. v.v...*

Ngay phần *tâm đức*, ta cũng chỉ biết một cách tổng-quát qua các tiêu-dề như *Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*, nhưng mục-đích, nguyên-lý, nguyên-tắc, điều-kiện phát-huy, hiệu-dụng của tiêu-dề không được-luận-bàn một cách khúc-triết, và đầy-đủ....

Chúng ta chỉ hiểu được nhân của Khổng học: -“*Khắc kỷ phục lễ vì nhân*” (nghiêm-trì tư dục nơi mình là khắc kỷ, hồi-phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân.)

- “*Nhân viễn hồ tai? Ngã dục nhân, nhân chí hĩ*” (Đức nhân há có xa-xôi gì đâu? Hễ trong lòng ta hằng-hái vì nhân, nhân tức khắc đến ngay).

- Trung Dung có câu: “*Nhân giả, nhân dã*”. Gọi bằng đức nhân chỉ là cái lòng tốt của người.

xã-hội do Nho gia thống-trị lại đề cao ngôi “vua, chúa”, và coi người dân như cỏ rác, công-cụ. Trong lịch-sử Tàu, Khổng Nho chưa bao-giờ ghi lại sự-kIỆN người dân làm chủ. Sự thần-thánh-hóa vua chúa chứng-minh một cách chua-chất cho quan-niệm “đan vi quý”. Điều này chỉ xuất-hiện trong đầu óc triết-gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà nho mà thôi.”

- Ta cũng thấy, từ xa xưa, “**đại đồng**” trong Lễ ký cũng chỉ nên hiểu một cách thực-tế là “**đại đồng trong sự coi-sóc của nòi Hoa (Tàu)**”. Quốc sách Tàu xưa ghi rõ “Tam niên dưỡng chi, giai chi tất giai ngô dân” (3 năm nuôi dạy tất thành dân Hán)...

Về văn-hóa xã-hội y cứ vào nền trật tự sẵn có mà mọi người đều phải phục-tùng (thiên mệnh). Luận về tính thì cho rằng tính người vốn thiện (nhân chi sơn tính bổn thiện).

Về hậu-quả lịch-sử văn-minh luận đưa đến định-mệnh chủ-nghĩa!



hóa, quy-cử hóa mới chân-thực là nhân ái, có thực-hiện thực thể cho loài người và vũ-trụ. Đóa hoa nhân ái là cả một kiến-trúc lấy-lòng của lý-tưởng, cái lý-tưởng lập-thể của nhân-loại. Đóa hoa nhân ái thấm vào thấu suốt mỗi sinh-mệnh làm những tiếng gọi sự mệnh, tiếng gọi vô thanh, vô hình. Chỉ có hương thơm, hương thơm của nhân ái. Nhân ái mà cũng đến bị bài-xích, bị lợi-dụng, bị chiêu-bài, bị đầu-cơ, thời hết cả! Mà đến thế, trời đất mà đến thế! Ai là những người kỳ ưu thiện ý?

Đóa ai hoa còn là đóa tri-tuệ hoa. Bây-giờ ta mới chân thực hiểu thế nào là sinh tri. Sinh tri chẳng phải là nghiêm-ngặt và đưu-trĩ đề ra đã biết, biết từ mới đề. Sinh tri là trí tuệ tự sinh, sinh ngay bằng sự bừng nở của trí tuệ. Chữ giác-ngộ của Phật cũng một ý ấy. Tịch chiếu, hội quan, quán thông, quán tưởng, trảm tưởng, mặc-khải, đều là những thuộc từ của sự sinh, sự tri. . . Phải có một sinh-mệnh dân-dua nhụa sống, đầy đầy ánh-sáng của xuân tình mới nảy-nở ra cái cơ sinh trí đó được.

Đóa “Ai Hoa” còn là đóa ngữ hoa, giải ngữ hoa, giải hoa ngữ, ngữ giải hoa, hoa với ngữ như sát chặt với nhau trên sự thăng-hoa tuyệt-diệu và tột bậc của vóc tinh-thần thiết diện, linh-thiên ở những lời hùng-hồn của từ-bi hay của nhân ái hoa là tri âm hoa với tri âm ngữ, cái tình-kết của sinh-mệnh đời-dời, khúc nhạc của vận-dộng muôn thuở.

“Vườn xuân của nhân-ái hoa nở đầy lý-tưởng hoa: xuân thu hoa, ái hoa, tri âm hoa, tri-tuệ hoa. Tiếng đồn dậy: tri âm ngữ, đồng-chí ngữ, ái ngữ, lý-tưởng ngữ, vong quốc hoa (Nam thi) phải là nhịp uyển quỳnh, đủ cả tình tang của muôn tiếng...”

“Dân tộc Do Thái đã được lãnh-đạo trong các cuộc cách-mạng dân-tộc, cách-mạng chính-trị, cách mạng Câu Rút là siêu thanh của 89 và 17. Sự thờ-phụng đấng tối cao

và lý trí trước bàn thờ Tổ Quốc đã cảm-chiêu nên là cỏ ba sắc. . .”

“Chỉ có sự vất-vả bằng độc lực với tinh-thần mạo-hiêm và sáng-tạo khi tự mình mới thể-nghiệm thấm-thía được biểu hiện quyền sống còn, độc-lập, và tư-cách sống còn, chính-nghĩa thật đúng-dắn...”

“Một văn-minh mới như đóa hoa tươi-tốt và to-tát sẽ nở bùng ra. Vì như thế nước Mỹ trải qua một thời nòi giống xâm-lược, máu và nước mắt, xấu ác hôi tanh ở trên mỏ đồng đã nở ra đóa hoa tháng năm. Đóa hoa Tháng Năm đó đã sum-sê, phủ kín cái mỏ đồng tội ác lịch-sử kia. Đóa hoa ấy bôn tưới bằng những chất-tố lịch-sử của mỏ đồng đó.

“Tội ác của thực-dân phải đền bù bằng một sự hối hận thâm-kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng-phạt mình cho khỏi lờn-vờn cái hình bóng tối-tăm của tội ác cũ lớn-vồn mãi trong hồn. Đó là trường-hợp của 1865, Nam - Bắc chiến-tranh cho cái lý-tưởng cởi mở dân-tộc da đen.

“Cuộc chiến-tranh ấy phải là thần thánh chiến tranh, thuần vì lòng yêu-thương, và nghĩa công đạo. Cuộc ấy phải là vị tha chiến-tranh, không tư lợi và không vị kỷ. . . Như còn muốn có chiến-tranh phải ca-tụng những cuộc chiến-tranh thần thánh vị tha như thế. . .

“Thần thánh là đại-biểu của lý-tưởng, là hình tượng cao-cả lý-tưởng, cao-cả tuyệt đối, thật là lành và đẹp.

Phải coi tự mình là một vật mình phải thờ phụng, và nâng lên thật lành và đẹp, đối với người cũng như thế. Nhưng mà lý-tưởng đó vào đời phải trải qua đấu tranh, sự đấu tranh phải thắng cả tự mình với tất-cả những ác thế-lực nữa. Sự đấu tranh đó nổ bùng bằng sự phá vỡ ngục Bastille, kiến-trúc của phong kiến, chuyên-

chế, bất đạo-đức, bất-bình đẳng. Bastille là tượng-trưng của tội ác. Phá vỡ Bastille là làm thức-tỉnh toàn thể dân Pháp với tất cả gậy gộc, xẻng, cày ra hoàn-thành trận Valmy dưới hể xâm-lãng. . .

“Có những tấm lòng thuần nhân-ái to rộng và lớn-lao, nông-nàn và chân-thật, cũng không phải là lỗi từ thiện, cũng không thể đem mua bán ngoài chợ được, vì như khó mà tả cho ra, vì đó là biểu-hiện của Phạm (Brahma), không bờ, không bến, cùng trước, cùng sau, Phạm từ bi và lý xã. Cho nên Gandhi là Mahatma, là Thánh Hùng, là kỳ nhân đời nay, ví như Messie của Ấn Độ...”

“Lịch-sử phải nối-tiếp nhau, iên-tục bằng những nút người thuê biển như thế.

“Gandhi dùng thủ-đoạn hòa-bình và tiêu-cực, bất hợp-tác (1925), bất bạo-động (1939). Tự xã và tuyệt thực là vũ khí chính-trị của ông, “Tự cấp” và “tự tạo” là công-cụ kinh-tế của ông, quân địch thù là tính hiếu chiến ở trong lòng ông và nòi giống ông. Trong Gandhi, mục-dịch cho hết thủ-đoạn, thủ-đoạn ấy phải là mục-dịch nhân-ái trảm hết chính-trị, tinh-thần trảm hết lịch-sử và lý-tưởng Brahma trảm hết tương-lai...”

“Chỉ có nan hành khổ hạnh mới có thể cứu sống được đời. Chỉ có trở về đời sống dân chúng mới có thể phục-hưng được dân-tộc. Chỉ có lòng nhân ái vô biên mới có thể an ủi và tế độ được hết chúng sinh...”

Tóm, kinh sách của Hán Nho có đề cập đến vai trò người như người là cái đức của trời đất, nhưng thực-tế, theo tiến-sĩ Trần văn Đoàn, giáo sư thính-giảng tại nhiều đại-học Âu Châu và Á Châu:

“Tuy Nho giáo chấp-nhận con người làm chủ, vai “người” như là một nền đạo đức. Song tiếc thay,

Khổng Tử đã bỏ ba năm vào kinh-dô nhà Chu để khảo-cứu về nghi lễ.

Ai cũng hiểu trật-tự và luân-lý là những điều quan-trọng, nhưng tất-cả mới chỉ là những điều-kiện để phát-triển và phát-huy sinh-hoạt, chứ ***chưa phải là trọn- vẹn mọi mặt sinh-hoạt***, nói cách khác chưa đích -thị là hình-thái và nội-dung “*sống người*”. Ngoài ra đến cái sống vạn-vật và bản-thể trời đất, mà con người cũng cần phải hiểu tường-tận để mở-mang, điều-chỉnh sự sống ở tập-thể và cá-nhân.

Vì thế, đầu Khổng Tử dù có nói “*Ngô đạo nhất dĩ quán chi*”, thì chỗ thiếu vẫn còn mênh-mông!

2/ **Lớp sơn Bắc thuộc:**

* Yếu-tố chính-trị và thời-đại:

Tiếp truyền chính sách di dân, chiếm đất, cướp đoạt văn-hóa và chủ trương Hán hóa dân bản xứ khi nhóm du-mục Bắc phương tiến vào lưu-vực sống Hoàng Hà mà Hoa sử gọi là “*Hoàng đế chiến Suy Vưu*...” đã bức-hại bộ tộc Bách Việt phải linh-lạ! Gốc tích và văn-hóa Bách Việt cũng vì vậy mà nay bị lu-mờ. Hai chi Lạc Việt và Âu Việt định-cư tại địa-bàn miền Nam Hải, sau tuy bị Triệu Đà sáp nhập vào Nam Việt và trải hơn ngàn năm Bắc thuộc (Tây Hán, Đông Hán, Tần, Tùy, Đường, Tống, Minh, Thanh...) nhưng đã không bị Hán hóa và vẫn giữ được chủ quyền. “Việt vẫn là Việt - Hoa vẫn là Hoa”, điều mà nhà bính bút Joseph Buttinger đã viết trong cuốn The Small Dragon:“ *Sự trường tồn của Việt Nam là một phép lạ khó mà giải-thích nổi.*” (*The very existence of Vietnam as a separate country, and the survival of the Vietnamese as a distinct people, must be regarded as a miracle for which scores of historians have so far tried vainly to find a satisfactory explanation.*)

Với Thiên Triệu chủ nghĩa (Đế chế cực quyền),

Một nền giáo-dục cho con người 92

I-11/ Những phiên-diện và nhập-nhàng . giữa chính Nho với nguy nho.

1/ Nho học chưa phải là cai học “*Nhất dĩ quán chi*” (*Cái học thống-suốt*):

Ba hệ-thống: Nho học, Phật học và Lão học đã truyền vào Giao Chỉ (*trong cõi Lĩnh Nam, đất cổ Việt Nam. Sau Giao Chỉ tách thành Giao Châu và Quảng Châu, năm 203 C.N.*).

* Sĩ Nhiếp ¹ (187-226 CN.) đã tổng-hợp Nho học với Phật học, đồng-thời với Khang Tăng Hội và một số đạo-sĩ Bà-La-Môn như Khâu Đa La (*phái Yoga cổ truyền Ấn Độ*) đến trung-tâm Phật học Luy Lâu (Bắc Ninh). Tại trung-tâm Phật học này, Mâu Bác làm sách “*Lý hoặc Luận*” hợp-sáng-hóa một nguyên-lý chung tổng-quát, đại đồng, nhất quán các tư-tưởng khác nhau.

“*Sách Nho, Ngũ Kinh ví như năm vị, đạo Phật Yoga cổ truyền Ấn Độ*) đến trung-tâm Phật học Luy Lâu (Bắc Ninh). Tại trung-tâm Phật học này, Mâu Bác làm sách “*Lý hoặc Luận*” hợp-sáng-hóa một nguyên-lý chung tổng-quát, đại-đồng, nhất-quán các tư-tưởng khác nhau, ông viết:

“*Tuy đọc ngũ kinh thích-thú, lấy làm hoa, nhưng chưa thành quả. Đến khi tôi coi đến thuyết-lý của kinh Phật, xem đến yếu-lý của Lão tử, sống đức tính điềm-dạm, nghiệm đức hạnh vô vi. Bây giờ quay lại*

^[1] Sĩ Nhiếp người Thương Ngô, Quảng Tín, tổ tiên người nước Lô, lánh nạn xuống Lĩnh Nam (Giao Chỉ) truyền đến Sĩ Nhiếp là đời thứ 6, tức dân bản xứ, hiện còn đền thờ ở Bắc Ninh. Sĩ Việt tôn làm “Nam Giao Học Tổ” là người đầu tiên đem thực hành ý thức tam giáo khai phóng: Phật - Khổng - Lão.

Đình Khang-Hoạt 89

nhìn sự đời khác nào đứng giữa trời cao mà nom xuống ngòi lạch, trèo lên đỉnh núi nhìn xuống gò, đồng.

“*Sách Nho, Ngũ Kinh ví như năm vị, đạo Phật như năm thứ thức. Từ khi tôi được biết đạo Phật đến nay, thực như nêm mây thấy mặt trời, cảm được soi vào nhà tối vậy.*”

Có lẽ qua tinh-thần “*nhất quán*” trên, đến thời-kỳ Lý - Trần, ngoài căn-bản tư-tưởng của dân-tộc tiêm-ấn trong sinh-hoạt đại-chúng, thăm-lặng đãi-lọc, thấu-nhận, ba hệ tư-tưởng Nho - Phật - Lão, không một hệ tư-tưởng nào chiếm địa-vị độc tôn, mà chế-hóa, bổ-túc cho nhau.

Đạo của Lão Tử xa với thực-tế, nhưng lý-tưởng thanh-thoát tuyệt-vời của Lão học đã rọi rõ tính-chất “trần tục”, thô-kêch của tổ-chức xã-hội với cương-thường trật-tự theo Khổng học.

Cùng một chiều hướng và còn mạnh hơn Lão học là Phật học. Đặc-tính của Phật học là không lưu-ý đến vấn-đề tổ-chức và điều-hành xã-hội, tức là vấn-đề chính-trị. Người đã cất tốc đi tu, từ bỏ xã-hội để sống riêng trong một ngôi chùa (*quy tăng*) mà còn lưu-ý đến xã-hội thì không phải là người thực-sự tu-hành theo Phật học. Phật học nhìn cái sống là cái sống chung cả muôn loài, chứ không phải chỉ riêng ở loài người, do đó có danh từ “*chúng-sinh*”. Tuy không nói rõ hẳn, nhưng Phật học phân-biệt “*sống*” và “*sinh-hoạt*”. “*Sinh là khổ*” (khổ đế), thật ra phải hiểu “*sinh-hoạt là khổ*”. Chúng-sinh (*không phải chỉ riêng con người*) phải giảm-thiểu sinh-hoạt tối-đa để cho đỡ khổ, hay đúng hơn là để phát-huy đến cao độ, tịnh-độ cái sống ở nơi mình. Đó là mục-đích của tu hành, tu luyện là giải-thoát cái sống ra khỏi cái “vỏ” chật-chội, nổi chìm để có thể đạt tới “*chán như tạt tai*”, tức nhập “niết

Một nền giáo-dục cho con người 90

bản”. Khi cả hai Lão học và Phật học đều được chú-y như Khổng học thì vua chúa tất coi ngại vàng đang ngồi chỉ là phượng-tiện để gánh- vác một chức-vụ nặng-nề, chứ không phải là tặng phẩm trời cho một siêu nhân. Vua chúa thấy mình cũng là người như trăm nghìn người khác, chỉ có nhiệm-vụ nặng-nề hơn mà thôi. Vì thế, sau này dưới hai triều Lý, Trần, không kể những vương hầu, ngay cả đến vua chúa cũng nhiều người bỏ ngại vàng đi tu như Lý Huệ Tông, Trần Nhân Tông , Trần Thuận Tông... hoặc làm vua 5, 10 năm, khi thái-tử đã khôn lớn thì trao gánh lại cho con, trở về nơi làng quê thong-dong ngày tháng.

Nho học là một hệ tư-tưởng nhập thể, xây-dựng một quốc-gia trên căn-bản trật-tự và ổn-định,

Nho học đào-tạo những nhà chính-trị, những người cầm quyền, và những nhà giáo-dục trên căn-bản nhân trị. *Sái, táo, ứng, đối, xạ, ngự, thứ, số, cách vật, trí trí, chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ*, đó là chương-trình huấn giáo trong Nho học, nhằm đào-tạo những cá-nhân hữu dụng cho quốc-gia, xã-hội.

Điểm hay của Khổng học là bắt nguồn từ những nhận xét sâu rộng trong trời, đất và xã-hội (*cách vật trí tri,...*) rồi mới định lên suy-tư rõ-ràng (*thành ý*), chứ không phải từ một giả-tưởng hay huyền-tượng. Từ suy tư rõ-rệt áp-dụng vào xã-hội làm cho điều suy-tư được sáng-tỏ, đấy là “*chính tâm*” và “*minh minh đức*”.

Thực-hiện lý-tưởng, trước hết phải thể-hiện ngay nơi con người của mình, đó là “tu thân”, sau là “tề gia”, tiếp là “trị quốc” và “bình thiên hạ”.

Tuy nhiên, Nho học có một số nhược-điểm:

1/Thiếu thực-nghiệp:

Luân-lý trong Nho học là trật-tự và lễ nghi. Chính

Đình Khang-Hoạt 91

thần nho sỹ thời “*Phong kiến truyền hiền*” chỉ nhắm vào cái lý đương-nhiên, hay thiên lý bàng-bạc trong trời đất.

Tinh thần xu-phụ cường quyền này ảnh-hưởng sang Việt Nam, mà nhà Nho Cao Bá Quát đã diễn tả:

“Ngân nhẽ kẻ tham bề khoa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn, Quần bao kẻ mang cái dầm danh, áo gời lân tràm dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sấn tướng phủ...”

hay *“Cánh buồm bề hoạn mệnh mang
Cái phong ba khéo cột phướng lợi danh...”*

Chính thái-độ xu-phụ này đã sản-sinh ra các từ ngữ Hán dân, Hán tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn....không có trong thời phong kiến!

Như chúng ta đã biết thời nhà Tần, Nho học và Nho sỹ bị diệt. Nho sỹ trải một thời thật khốn-khổ, không có chỗ dung thân. Thế rồi, Hạng Võ và Lưu Bang tranh thiên hạ của nhà Tần. Lưu Bang trọng dụng nho sỹ, Lưu Bang làm vua đất Hán Trung, nên gọi là Hán vương. Nho sỹ phò Hán vương, bày mưu thiết-kế, phò-trưởng ân đức của Hán vương. Sau khi thắng được Hạng Vũ, muốn trấn áp lòng người, và hướng tất-cả vào quyền lực nhất thống của Hán triều, người ta tuyên-truyền dựng lên những ý niệm mới bằng những từ-ngữ: *Hán văn, Hán tộc, Thiên tử thụ mệnh ư thiên...*Tới hiện-đại, trong các cuộc vận động cách-mạng khôi-phục danh-phẩm của tập-thể nhân văn Hoa Lục, ý-niệm Hán tộc lại càng được khôi-phục một cách hồ-hởi!

Khi tư-tưởng đã bị ngưng đọng ở mặt cụ-thể của sự vật, thấy lãnh-thổ dưới quyền có giới-hạn, lại thấy cái thế có thể dùng võ lực để mở rộng lãnh-thổ thì tham vọng hoang tính, muốn trùm bá khắp nơi là điều không tránh được, nên đã trở thành *truyền-thống xâm-lăng* của

mỗi tham vọng và truyền kiếp thống-trị Á Châu, và tự cho mình là cái rốn văn-minh của nhân-loại, vốn tự coi các dân-tộc láng-giềng là man-rợ (*Nam Man, Đông Di, Tây Nhung, Bắc Dịch*) đã thể-hiện một cách tàn-bạo, vô nhân đạo dưới các thời-kỳ đô-hộ. Chỉ cần nhắc lại giai-đoạn nhà Minh đô-hộ nước Việt đủ chứng-tố mỗi đã-tâm chưa từng có trong lịch-sử loài người.

- Trong khi tư-tưởng “*du-mục*” là “*xâm-lăng*”, lấy “*manh hiệp yếu*” (“*thiên triều chủ-nghĩa*”, “*Hung Hoa diệt Di*” = *Hung nòi Hoa, diệt các dân khác chung-quanh*), thì nông-nghiệp chủ “*thái-hòa*”, “*dại-dồng*”.

Chúng ta thường nghe nói đến nào là “*Hiếu hòa*”, “*Thế-giới đại-dồng*”, hay các khẩu-hiệu “*tử hâi giai huynh đệ*” (*Bốn bề một nhà*), ... của Tàu, nhưng thực-chất thì trái ngược, mà nòi Hán là nhất trên các sắc dân khác.

- Tự xưa, “*Dại-dồng*” trong Lễ Ký, chữ “*Đại-dồng*” ở đây nên hiểu là “*dại dồng trong sự coi-sóc của nòi Hoa.*”

Mỗi truyền-thống “*Thiên triều chủ-nghĩa*” của nòi Hoa từ thủy-tổ Hoàng Đế đến nay vẫn còn truyền-tiếp.

- Đời nhà Chu (1122-225 tr. C.N.) đem hòa-bình đến cho các chư-hầu là chiếm-đoạt đất đai của các bộ-lạc ở lưu-vực sông Hoàng Hà, là thống-trị, là củng-cố và phát-triển chế-độ nô-lệ.

- Thời Đông Hán (23 - 220 T.L.), Mã Viện phá hủy trống đồng của dân Lạc Việt, và xóa-bỏ luật-lệ Việt.

- Đời Minh, Thánh tổ đã chỉ-thị cho Chu Năng, tướng chỉ-huy đoàn quân xâm-lăng, khi binh lính Tàu vào đất Việt sẽ đốt mọi sách-vở, văn-tự do người Việt Nam viết, một mảnh chữ cũng không còn để lại!...

3/ **Lớp sơn của Hán Nho** (Đường, Tống, Minh Thanh):

* **Xuyên-tạc “Trời”** :

Ý “Trời” trong Nho giáo luôn-luôn tác-động theo hưởng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (*Đức hiếu sinh của Trời Đất*) giúp cho sự sống của muôn vật. Trời trong Nho học là thiên-lý, không phải là một người dù là vô hình.

“Chính Nho khác hẳn với các tông-giáo khác. Chính Nho không chối bỏ cuộc sống đang có, không mơ-tưởng một cuộc sống Tiên Phật, hay đời-đời bên cạnh Chúa.... Không nói chuyện thiên-đường, địa-ngục. Với Chính Nho, cuộc sống đang có là rất quý, xâm-phạm nó, đốn-tỏa nó là phạm tội ác.

“Cũng trong cái nhìn đặt hẳn vào cuộc sống đang có. Chính Nho mong cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn (Nhật nhật tân, hựu nhật tân.). Sự đau-khổ nhất của một dòng sống là bị chấm dứt, không có nối-tiếp (Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại...)” Hậu đây không phải chỉ ở dòng sinh lý, mà những nối tiếp về tư-tưởng, về nền-nếp, về sự-nghiệp và dân sinh.

“Người nho-sĩ chân-chính rất bình-tĩnh trước cái chết của một cơ-thể cá-nhân, nhưng luôn-luôn lo đến dòng sống ở những thế-hệ sau. Khi hỏi Khổng Tử về sự chết, Khổng Tử đã trả lời: “Chuyện sống còn chưa biết, hỏi chi đến chuyện chết?”

“Sống người cùng với trời đất là ba trụ điểm trong cuộc sống (Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả). Vị thế tuy khác nhau, nhưng trọng yếu như nhau. Con người kính trời, hành-sử theo ý trời (thiên lý) tức theo cái lý đương nhiên bàng-bạc trong Trời Đất. Ở sống người, nó là bản tính hưởng thiện. Chính trong nhận thức này mà Nho

học nhìn Ý Dân là ý Trời. Vì sống người cùng với Trời, Đất là 3 ngôi chính trong cuộc sống. Cho nên tuy thờ Trời, kính trời nhưng con người không tự hèn, tự hạ, xưng tụng, cầu van gì ở trời. Tư tưởng này có hệ-luận là tính-thần tự-trọng, hiền-ngang, bất-khuất của kẻ sỹ.

* Mượn danh “*Phong Kiến Truyền Hiền*” “che đậy “**Đế Chế Cực Quyền.**”

Nho học là một công-trình xây-dựng trong thực-hành, song-song với văn-minh nông nghiệp. Chính Nho là một chế-độ và học-thuyết lấy trật-tự xã hội trong an hòa làm chủ-dịch như xã-hội Nghiêu, Thuấn, sinh-hoạt chính-trị thời phong-kiến truyền hiền đã làm một cuộc cách-mạng hiền lành, ảnh-hưởng sâu rộng, nên mới có sử kiện, xử Việt Thường cống Bạch Trĩ và Rùa thần, sau chế làm quy lịch.

Giữa chính-trị “*phong-kiến truyền hiền*” và Nho học có liên-hệ hỗ-tương, qua-qua lại-lại khác nào như xe chạy cung-cấp cho đèn pha, và đèn pha soi đường cho xe chạy.

Nhưng chua-chát đã diễn ra, khi Khổng Tử “*tổ thuật*” xong Nho học thì cũng là lúc chế-độ “*phong-kiến truyền hiền*” cáo chung! Sau đó Nho học bị chuyển-hóa để biện-minh cho một chế-độ mao hóa, trên danh hiệu thì giống nhau, nhưng thực chất khác hẳn! Đó là chế-độ “*Phong kiến truyền hiền*” với “*đế chế tập quyền và chuyên chế*”.

* **Xuyên-tạc “Trung Tín”** :

Trung Tín trong chính Nho là trung nghĩa và thành tín. Từ thời Tần về sau, “trung tín” trở thành “*Tuyệt đối thờ vua*” (*Trung thần bất sự nhị quân*) hay “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”).

Sang thời “*Đế chế cực quyền*”, cả một nền văn học Hán và Tống Nho đã đúc nặn ra một bọn bày-tôi nô-lệ, tranh nhau xu-phụ cường quyền, ngược lại với tính

Ngoài ra, các giáo-sĩ thuộc các dòng truyền đạo đã gây nhiều chia-rẽ và lỗi lầm!

Nhữ nêu lên phương-pháp, nguyên-tắc, kế-hoạch trong quan-niệm “*thần học*” của giáo-sĩ Đắc Lộ trong cuốn “*Thiên Chúa giáo và Tam Giáo*” của linh mục Đường Thi Trưởng Ký gồm những đặc-điểm:

- *Giáo sĩ Thiên Chúa giáo can-đảm rao giảng chân lý của Phúc âm với ước-nguyện cải đổi nếp sống tinh-thần, xã-hội Việt Nam ...*

- *Đối với giáo sĩ Đắc Lộ, công cuộc hội nhập tiến đến giai-đoạn cao nhất là đào-tạo hàng giáo-phẩm, giáo sĩ (cán-bộ cho Tòa Thánh La Mã ?) để thành-lập các giáo đoàn địa-phương...)*

** Ước nguyện cải đổi nếp sống tinh-thần của người Việt?*

- Phải chăng là từ bỏ “*gốc*” nguồn của mình để nhận lấy giáo-hội La Mã là nơi nương tựa duy-nhất của linh-hồn giáo dân?

Có lẽ, chính bởi vậy, tên họ lúc mới sinh ra do cha mẹ đặt cho, đương-nhiên được gọi với tên khác, như *Phêrô, Bê-nêdicto, Joseph, Theresa*, v.v... Các linh-mục bản xứ, ngoài quốc tính Việt còn có quốc tịch 2 được coi trọng, đó là tính-cách *công-dân Tòa Thánh La Mã*.

Một số nhà thờ thường hào-hãnh treo những biê-u-ngữ: “*Thiên Chúa - Tổ Quốc*”, “*Thà mất nước, chứ không mất Đạo*”, “*Giáo dân xin hiến dâng nước Việt Nam cho Chúa, Đức Mẹ, và Tòa Thánh*”...

- Thay đổi nếp sống hủ-lậu, mê- tín như tinh-thần độc-lập, tự tín ?

*“Trúc xinh trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.”*

Trung Quốc.

Vai trò “*thiên-tử*” trong Nho học và trong thời “*Phong Kiến truyền Hiền*” chỉ là một người, trước đại hội chư-hầu, tuyên thệ lãnh nhiệm-vụ chấp-hành “*thiên lý*”, lấy đức hiếu sinh của Trời Đất, cho nên gọi là “*thiên tử*”. “*Thiên đạo mẫn thụ*”, ở người, đức này gọi là “*lòng nhân*”. Chấp hành lòng nhân vào việc quản-lý xã-hội là làm chính trị, cho nên nói “*Nhân đạo mẫn chính*”. Cũng trong các đại-hội, các thủ-lãnh chư-hầu phải tuyên thệ vâng theo thiên-tử và giúp thiên-tử thực-hiện sứ mệnh ấy. Như vậy gọi là “*trung thành*” (*trung nghĩa và thành tín*). Họ trung-thành với thiên-tử cũng là trung thành với thiên mệnh mà thiên tử đã nhận lãnh.

Thiên-tử với mệnh Trời sang thời Đế chế cực quyền thành một nhân-vật huyền-bí, sinh ra đã có “*chân mạng để vương*”, chẳng những ai ai cũng phải thần phục, mà cả đến thần thánh cũng ở dưới quyền. Thiên tử thành một nhân-vật tuyệt-đối, ra đời ngay khi mới thành thai trong bụng mẹ! không còn là một chức-vụ nhận lãnh trước một đại hội chư-hầu!

Chữ “*trung*” trong Nho học, nội-dung là trung nghĩa tức là một lòng giữ chắc những điều đã giao ước. Cả thiên-tử và các thủ-lãnh chư-hầu phải giữ lòng trung tín. Cho nên vua phải ra vua. bầy-tôi ra bầy- tôi, có nghĩa là ở chức-vụ nào phải hành xử theo đúng những đòi-hỏi của chức-vụ ấy. Chính ở điểm này, Mạnh Tử mới nói: “*Ta chưa từng nghe nói vua Trụ, mà chỉ nghe nói tên thất phu Trụ...*” (*Ông không nhận Trụ vương ở địa-vị trên ngai vàng, mà nhìn ở hành-vi thấy không phải là hành-vi của một ông vua*).

Với Hán, Tống, Minh và Thanh Nho,... sự tòng phục của bầy-tôi đối với vua là tuyệt-đối. Vua là chủ nhân tuyệt-đối không những của lãnh-thổ dưới quyền,

mà tất-cả dân cư trên lãnh-thổ ấy đều thuộc quyền vua. Chữ trung bầy giờ thành nghĩa *trung quân*, *đem cả sinh mệnh mà thờ vua*. Vua xét bầy-tôi phải chết, bầy-tôi không chết là bầy-tôi bất trung. Vua thường thị uy bằng chém giết và tàn-nhấn đến giết cả tộc thuộc, gia nhân và tối luôn què hương làng mạc. *Trung quân trở thành cái đạo mù-quáng*, gây nên một áp-lực khủng-khiếp vào tâm khảm con người. Thậm chí, cũng cái đạo thờ vua này chi-phối đến cả cuộc đời đàn bà, con gái. Người con gái giữ mình không phải để giữ-gìn sức khoẻ cơ thể và tinh-thần, mà vì mình chỉ là một món hàng giữa chợ, nếu đã “*cũ*” thì hết giá-trị. Đã lấy chồng là thuộc về một ông chủ (*chồng chúa vợ tôi*), dẫu đó là một ông chủ ngu hèn, hay chết yếu thì cũng là xong một cuộc đời. Cái đạo thờ chồng là chính chuyên, cũng như cái đạo thờ vua là trung liệt, trung thần không thờ hai vua (*hai hoàng tộc*), gái chính chuyên không lấy hai chồng. . .

4/ Lối sơn của các tông-giáo ngoại-nhập:

*** Phật Giáo:**

Tiếng mõ đều-đều là âm thanh trầm buồn dễ ru ngủ, khiến một số lớn không những mất tinh-thần quật khởi chống xâm-lãng, và mất luôn tinh-thần Việt (*Vượt lên, vươn lên*).

- Hình-thức cạo đầu đi tu là thể-hiện hành-động dứt bỏ cuộc sống trần tục, quên bổn-phận con dân đối với quê-hương xứ -sò, tục-ngữ xưa có câu “*trốn việc quan đi ở chùa*” là thế.

- Xâm-nhập và phát-triển qua cách-thức thờ Phật chung trong các đền đài, sau đó các đền thờ biến thành các chùa thờ Phật. (Chính sách “*biến khách thành chủ*”!). Nhiều danh lam thắng cảnh, tí như Hương Sơn nơi Tiên ngự, nay đã biến thành Chùa Hương, . . .!

- Ngụy tạo các sáng-tác hay tạo dựng những sách vở, viết lên những truyện hoang-đường, như đến Ngọc Hoàng Thượng Đế còn phải quy Phật, “*Tứ Phương lai cúng Phật*”. Tàì-ba như Tôn Ngộ Không cũng bị Đường Tăng chi-phối!

- Theo Phật học là để bớt lòng tham, dục,... Thế mà phần đông Phật-tử đi chùa là để cầu tài, cầu lộc, cầu danh, cầu tự,...

- Các kinh-kệ, số sách cho đến cách cúng lễ của đạo “*Thờ cúng Tổ Tiên*” hầu hết đều bị toa-rập sửa đổi theo khuôn mẫu của Phật giáo!

- Các ngôi chùa lớn tiếm xưng là “quốc tự”, “Tổ Đình”, v.v...

*** Thiên Chúa giáo:**

Nhìn hình ảnh Chúa bị đóng đinh trên cây “*thập tự*”, hình ảnh này nói lên một tinh-thần “*bình dị, khiêm cung*” (*không quyền quý, xa hoa*), “*thương khó*”, “*hy sinh và “cầu chuộc*” của Chúa, Tiếc thay, trên thực-tế, tông-giáo này đã tạo-dựng nên một *hội thánh nguy-nga tráng lệ, một giáo-hội với quyền uy tột bực!* Có lịch-sử đã gây ra nhiều cuộc chiến!

Trải gần 2000 năm lịch sử của đạo Kitô, biết bao triệu người Do Thái đã chết thảm chỉ vì cái tội chối bỏ Jésus là Thiên Chúa Kitô.

“*Đối với Tin Lành thì đã có chiến-tranh thực sự giữa hai phe. Chiến tranh bùng nổ tại Pháp vào năm 1562 và kéo dài đến 1594; 30 năm tại Đức (Saxony, Moravia).*

- *Đối với Hồi giáo (Islamism) thì có 6 “đại thánh chiến”.*¹

¹- John B. Nooss, “*Man’s Religious*”, p-457.

“Về mặt thế-giới, hiện nay không còn vận hành theo quan-hệ “*bạn*” hay “*thù*”, mà là quan-hệ “*quyền lợi*” và “*hiểm họa*”. *Chủ-chốt vấn đề hiện-tại là những động-lực tìm sự sống đích-thực của con người, của từng chủng-tộc, của từng bộ-lạc, từng quốc-gia, từng vùng, và toàn nhân-loại.*

“Trong sự tìm kiếm sự sống, kinh-qua các chủ thuyết đều đã thất-bại!

“Thiếu tình thương đích thực chỉ đem lại lên đầu lên cổ của cá-nhân, chủng-tộc, quốc-gia, nhân-loại những khổ đau, và tan nát!

“Muốn hòa-bình và phổn-thịnh lâu dài thì phải xây-dựng một cơ-chế đáp-ứng nhu-cầu hòa-bình và phúc lợi. Cơ-quan Liên Hiệp Quốc ngày nay quá lỏng-lẻo! Hầu như chỉ là nơi các siêu-cường lợi-dụng để mặt-sát nhau, để che-đậy những mưu-toan đen tối!

Các quốc-gia hội-viên trong Liên-Hiệp quốc chưa phải là các cơ-năng trong bản-vị nhân-loại (*chưa coi nhau như các tế bào trong cơ-thể*). Siêu-cường trên thế-giới vẫn còn ngang-nhiên đàn-áp, tiêu-diệt những chủng-tộc khác. Các siêu-cường còn ngang-nhiên sử dụng vũ lực thô-bạo để khống-chế, hoặc cưỡng chiếm lãnh-thổ của những tiểu nước, điển-hình Trung Cộng ngang-nhiên chiếm Tây Tạng và lấn áp Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, v.v... mà hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp quốc vẫn bất-lực, không một giải-pháp răn đe!

“*Thế-giới đang trên đường định hình từng quần thể theo từng khu-vực*. Tiến-trình định hình phải trải nhiều thập niên cho đến ngày hoàn-tất!

“Điều cần nhắc nhở sự lớn mạnh của “*quần thể*”

✱

để thay thế bằng những lời tha-thiết khẩn cầu: “*Xin ơn trên cứu độ!*”

- Với nếp sống “*phóng-khoáng*”, “*nhân bản*”, “*bình-dẳng*”, “*hòa-hài*”, “*trung hậu*”,... phải thay thế bằng “*lòng tin Thượng đế duy nhất, cao-cả nhất, đúng nhất*” (Coi mình là cao-cả, còn mọi tin-tưởng khác là theo ma quỷ), “*Con người hoàn-toàn tùy thuộc Thiên Chúa*”, hay “*Con người hèn-mọn trước Thượng đế*” “. Thay vì “*hòa hài*” sinh ra kỳ-thị, khinh-miệt nhau. Cũng may ở Việt Nam chưa có chiến-tranh về Tông-giáo, hàng ngày nhân-nhân được nghe những phát ngôn đầy trịch-thượng của tín-đồ Thiên Chúa giáo như: “*Chúng tôi là người Công-giáo mà*”, ngụ ý người Công-giáo thì ấn ngay nói thật, bao-dung độ lượng, chứ không như tín-đồ tông-giáo khác thiếu thành thật, ác-độc,...?

Con cháu xưa nay trung tín đối với tiền-nhân thì nay vứt bỏ, dẹp bàn thờ gia-tiên, mà thay thế bằng bàn thờ độc nhất là “*Thiên Chúa!*”...

- Theo đúng nhiệm-vụ của các vị chẵn chiến, danh xưng chính-xác là **linh mục**, thì thích được xưng là “**Cha**” là “**Me**”! Già đến mấy, các cụ giáo dân khi gặp mấy ông linh-mục trẻ vẫn phải xưng là “*Con lạy Cha...*”! Thật là điều thật ngộ-ngĩnh, ngỡ-ngẩn!

- Sinh-hoạt xã-hội tất có nhiều khuynh-hướng. Một khi quan-niệm độc tôn, hay độc quyền chân-lý (*cho mình là nhất*) để đi đến kỳ-thị, đàn-áp, chém giết, tiêu-diệt lẫn nhau. Lịch-sử thế-giới đã chứng minh sự tàn-hại vì độc tôn, độc quyền tư-tưởng.

Để tránh điều tai-hại này, tục-ngữ ta có câu:

“*Ràng trong lễ phải, có người có ta.*”

“*Trong thời-kỳ Lý Trần, những độc-tổ của thuyết*

“*thiên mệnh*” được hai giáo lý Phật và Lão hóa giải. Lão học tuy công nhận về chính-trị, nhưng thuyết này quá lý-tưởng, không sát thực-tế. Lão Tử chủ-trương không dùng uy lực, luật pháp để cưỡng ép, không dùng lễ nghi, âm nhạc để vỗ về, ... mà giáo-hóa bằng thái-độ ung-dung, điềm-nhiên tự tại để mỗi người theo đó mà phát-huy cái lương-trí, ăn-ở hòa-hợp với nhau, trên dưới ai nấy tự biết nghĩa-vụ của mình. Chủ-trương này gọi là “vô vi”, có nghĩa là tránh mọi khuôn-khổ, công-thức gò-bó để lương-trí tự sáng-tỏ và hướng-dẫn mọi sinh-hoạt riêng, chung. Thậm chí cả đến danh từ, Lão Tử cũng ngại dùng đến, (Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh... Đạo Đức Kinh). Nếu tư-tưởng của Lão Tử mà thế-hiện được thì không có quốc-gia, chẳng có vua tôi, không có kẻ thống-trị và kẻ bị trị - chỉ có những con người sống chung với nhau, thành-thời, hỗn-nhiên sinh-hoạt....

Ngoài sinh-hoạt văn, võ, kinh-tế,... để duy-trì và phát-triển quốc-gia còn có sinh khí hòa-hài, một tinh thần siêu-thoát để cuộc sống được nhẹ-nhàng thoải-mái. Nơi vua chúa coi nhẹ ngai vàng để đi tìm những ngày tháng thanh-nhàn cho thân trí; nơi quảng đại nhân dân, sau những nỗ-lực sinh tồn mệt-mỏi thì háp-thụ thú an-nhiên qua những tiếng chuông ngân-vang từ những ngôi chùa núp sau những bóng râm nơi gần làng.”¹

Tiếc thay những tôn-chỉ, nền-nếp tốt đẹp trên đã bị thay thế bằng những tiền-đề của đạo Thiên Chúa là “**Bất khoan nhượng**” và “**Chiếm hữu**”.

Trong kinh sách “*Toàn Niên Kinh Nguyên*” của

1- Hoài Nguyên, “*Ba Chân Kiềng Phật - Khổng - Lão Trên Nền Tảng Văn Hóa Việt*”,

hai giáo phận Bùi Chu và Hànội do cơ sở Dân Chúa, P.O. Box 1419, Gretna, LA 70053, nơi trang 18, 19:

“*Cái xin Chúa từ nay về sau đừng để những người ngoại đạo khinh để công ơn cứu chuộc. Xin Chúa vì lòng nhân từ mà dong thả cho những kẻ dý xưa nay đã lạc đường thờ lạy Bụt Thần...*”!

Nền minh triết Việt dù đã bị ẩn tàng qua nhiều năm, nhưng đó là triết học nhân sinh, nằm ngay trong nếp sống, và cách thức suy tư. Đó là Hoa sen từ trong bùn, và Jesus lên cây rúc.. Đó là những điều kiện để **hoa nhân ái** nở trong lòng người...

“Lịch sử Việt còn ghi rõ: “*Cành lau bắt đầu tham-dự vào lịch-sử dân-tộc từ thế-kỷ X, một vận-hội mới và cũng là một phục-hoạt lớn-lao của Hồng Lạc, khởi-dựng nền độc-lập và thống-nhất cho quốc-gia Việt. Cành lau điểm trên không và thời-gian một ý nghĩa và giá-trị tuyệt-vời, ý-nghĩa và giá-trị sống đó đi đôi với sự-mệnh và lý-tưởng của hồn sử Việt...*

“*Cờ lau khơi mở đời sống mới, đời sống anh hùng về tương-lai, đã thắng hết cả và cõi mở cháu con bằng vinh-quang vô thượng...*

“*Cho đến ngày nay, trên bãi hoang, nơi thôn dã; những cành lau phe-phẩy trước gió, còn nhắc lại thuở oai hùng, oanh-liệt cũ, và đến ngày nay, đã vi-vu vãng-vãng những tiếng gọi xa-xăm, dân-dà gần lại, lanh-lảnh vào bộ óc và cõi lòng chúng ta, thức-tỉnh trong đáy hồn và đáy tưởng cuộc phục-hoạt lớn-lao và vẻ-vang...*”

“*Chúng ta tin rằng: “Cờ Lau Vạn Thắng, Sát Thát chàm vai, ngày Bình Ngô oanh liệt, buổi Mê Linh oai hùng, trận Đống Đa rực-rỡ... sẽ diễn lại trên đất nước chúng ta bằng một quy-mô suốt mật và một kết-quả thắng-lợi.*

ở nền-tảng giáo-dục của gia-đình mà thành-tự.

Ngày nay, trước tình-thế suy vong của đất nước, trước nguy-cơ diệt-vong của thế-giới bởi những đe-dọa của vũ-khí tối-tân đang có trong tay ở những bọn “*khủng bố*”, ở những tên giáo-chủ mặt người dạ thú, với những đầu óc tối-tăm vì danh lợi, người ta đang chờ-đợi sự ra đời, hay xuất-hiện của vị “*cứu tinh*” nhân loại, hay dân-tộc.

Trái bom nguyên-tử đã dội xuống đất Phù Tang làm cả nhân loại kinh-hoàng. Sức tàn sát dã-man, tuy là một sáng-kiến phi-thường song cũng là một lỗi văn minh đáng tiếc hận. Dĩ-nhiên nói trách-nhiệm con người trước kỷ-nguyên này là phải chỉnh-phục thiên nhiên, *nhưng* nếu văn-minh mà thiếu hòa-bình thì dù chiến thắng mấy đi nữa cũng sẽ phải nguy-điên. Phải giác-ngộ, nhìn vào một hướng đi lên - tức là phải đem nền “*nhân chủ*” mà xây-dựng văn-minh, đó mới là lối thắng, thắng vượt qua chiến-trận, thắng vinh-quang và không hối-hận, thắng nhân-gian hòa-bình “*bốn bề một nhà*”.

Muốn được vậy, tất cả các nền giáo-dục hiện tại ở cần phải xét lại để *tổng-hợp, cân-bằng mọi mặt*. Khoa-học tiến-bộ mà thiếu tâm đức dễ đi đến tàn-sát nhân-loại. Tâm đức như người xưa nhưng chậm tiến về kinh-doanh, khoa-học thì cuộc sống con người còn nhiều tối-tăm, vất-vả. Cần quân bình cả ba mặt “*Khoa học, triết-học, sử-học phải thống-nhất*.”

II-2/ Định-nghĩa:

* Theo Hán-Việt tự-diễn của hội Khai Trí Tiến Đức: *Giáo là dạy-dỗ, dục là nuôi. Giáo-dục là dạy-dỗ, gây nuôi về tri-dục, đức-dục và thể-dục.*

* Theo “The Random House College Dictionary,

Chương II

Đi tìm

MỘT NỀN GIÁO DỤC TƯƠNG LAI

Vấn-đề giáo-dục.

II-1/ **Vấn nạn:** Đông hay Tây, xưa cũng như nay, khi tính đến công-việc trọng-đại tất đặt yếu-tố “*nhân sự*” lên hàng đầu. Một kế-hoạch dù có chu-đáo đến đâu, với phương-tiện vật-chat phong-phú, nhưng nếu không có **nhân-sự thích-dáng** thì kết-quả cũng khó mà thành-công như ý muốn.

Người xưa, ba yếu-tố “*thiên thời*”, “*địa lợi*” và “*nhân hòa*”, đều nêu ra, nhưng yếu-tố “**nhân hòa**” vẫn là yếu-tố quan-trọng nhất, “*Thiên thời bất như địa lợi - Địa lợi bất như nhân hòa*”, (thời-cơ đến không bằng phương-tiên sung-mãn, phương-tiện đầy-đủ cũng chưa bằng nhân-sự) là vậy.

Danh nhân thế-giới cũng như ở Việt Nam đã nêu rõ trong sử sách. Nhờ có George Washington (1732-1799) tài danh mới có quốc-gia Hoa Kỳ, và chính nhờ tài-đức của ông, không tham quyền cố vị lâu dài, nên thời nhiệm của một tổng-thống tới đa là 2 nhiệm-kỳ, và mỗi nhiệm-kỳ là 4 năm. Nếu không có tổng thống Abraham Lincoln thì tình-trạng phân-biệt màu da ở Hoa Kỳ còn kéo dài, và ngày nay chắc hẳn chưa thể bầu được vị tổng-thống Hoa-Kỳ là người da đen...

Riêng nước Việt ta:

Thời-đại nào, triều-đại nào cũng có những anh hùng, hào-kiệt đứng lên để cứu dân và bảo-vệ đất nước trên đường độc-lập và tự-chủ.

Những anh-tài cái-thể dựng nên những sự-nghiệp lớn, đa-số đều không phải là những bậc “*trời sinh*” hay “*sinh nhi tri chi*”, mà hầu-hết nhờ ở bản thân, quyết một tâm-chí vì đại-nghĩa, và cũng nhờ

II-5/ **Chu-trình Giáo Dục:**

Chu-trình của giáo-dục nên thiết-kế theo hướng tâm vận-động (theo hình tròn ốc), và thống-nhất trên ba mặt: Khoa-học - xã-hội và đạo học.

II-6/ **Chính-sách giáo-dục:**

* Đối-tượng và nguyên-tắc:

Nếu đồng-ý trên lý-tưởng “nhân-bản” thì “Chính-trị phải là thiết-kế và chấp-hành nhân sinh lấy giáo-dục làm khởi-điểm và là chung-điểm.”¹

Quốc-gia giáo-dục tất-nhiên lấy bản thân “đại chúng” và “dân-tộc” làm đối-tượng. Giáo-dục phải được tổ-chức và phổ-biến đến toàn dân, toàn quân. Thi-hành vận-động giáo-dục, vận-dụng giáo-dục, hoàn-thành giáo-dục, công dân giáo-dục phải tiếp-tục thường-xuyên khắp toàn dân trên toàn quốc.

Có 4 nguyên-tắc:

- Toàn-thể tính: Gọi là toàn dân, toàn quân nên không phân-biệt nam -nữ, lão ấu, cô quả, phế tật, giàu nghèo và địa-phương. Toàn-thể đều là đối-tượng cho giáo-dục.

- Bình-đẳng tính: Như trên đã trình-bày, biện chứng của giáo-dục là từ “thủy tạo” đến “tu tạo” và “thành tạo” để “thành quân” (vật với tâm bình-hành thống-nhất; hiện-tượng bình-hành và thống-nhất với lý-tưởng) nên không phân-biệt giai-tầng xã-hội. Con người sinh ra là đồng-nhất tính. Sđ-dĩ có kẻ kém người hơn là nhờ ở giáo-dục. “Tính tương cận, tập tương viễn” hay “hữu giáo vô loại” là ý đó.

- Trách-vụ tính: Giáo-dục và chính-trị cho đạt tới lý-tưởng “đại đồng” (xã-hội không còn bóc-lột, áp-bức, chính-trị không bị phế-bỏ, tư-tưởng không đố

1- Lý Đông A, “Thiết Giáo”

revised edition 1988:

Giáo dục là phương-thức truyền đạt, hay thấu-nhận những kiến-thức tổng-quát, là phương-thức khai-triển khả-năng lý-luận hay xét-đoán;

. Là phương-thức truyền-đạt hay thấu-nhận kiến thức chuyên-biệt, hay sở-năng cho nghề-nghiệp, hay chức-nhiệm.

. Là trình-độ, thứ-bậc, hay học-hiệu.”

(Education: The act or process of imparting or acquiring general knowledge and of developing the powers of reasoning and judgment;

- The act or process of imparting or acquiring particular knowledge or skills, as for a trade or profession.

- A degree, level, or kind of schooling.

Qua các định-nghĩa trên, nói chung Đông cũng như Tây đã không đưa ra được một định-nghĩa nào trọn vẹn về giáo-dục trên nền-tảng “nhân sinh” mà “con người” đóng vai chủ-động.

Con người là tổng-hợp cả Tâm-vật-sinh. Ta thấy mỗi nền triết-học (Tâm, Vật,Sinh) chỉ nghiên-cứu một điều-kiện sinh-hoạt của con người hay của xã-hội mà thiếu cái nhìn nhất thể và quán diện, không khác gì truyện “Mấy anh mù sờ voi”: anh sờ thấy chân voi thì nói “con voi như cái cột nhà”, anh sờ vào vòi voi thì cho “con voi như con đũa”, anh sờ vào tai voi thì cho “Con voi như cái quạt”,.... Anh nào cũng quả-quyết mình là đúng, nhưng sự thật chẳng anh nào đúng !

Để có một ý-nghĩa giáo-dục bao-quát hơn, nhân-bản hơn:

- Giáo-dục là sự học hỏi và tài-bồi cho người cầu học một phương-pháp, một tinh-thần thấu-thái., tu tạo trí-thức cùng năng-lực và ý chí sinh-tồn - tiến -

nối - hóa.

- Giáo-dục là tạo cơ-hội , phướng-tiện mọi mặt để toàn thể quốc dân tu dưỡng, học hỏi, kinh-lịch hầu phát-triển ngày một thăng-hoa.

II-3/ **Mục-dích của giáo-dục”**

- Mục đích của giáo-dục là xây-dựng con người có đủ khả-năng làm chủ sinh-mệnh mình, và đóng góp chung cho xã-hội.

- Học thuyết của giáo-dục là biến hóa khí chất, bồi-dưỡng khí chất, và phát-huy khí chất.

Khí-chất là chủ-yếu của con người. Giáo-dục sao cho có được một sinh-khí mạnh-mẽ (thận vững, tim trong, óc sáng, tay mạnh, mình nhẹ, chân nhẹ, ...) tức là **kiện khang giáo dục**.

Giáo-dục sao cho có một tinh-thần cao-thượng: **Tổ Quốc, chính nghĩa, lý-tưởng, nhân-cách** và **danh dự**, tức là **“hoàn thiện giáo dục”**.

Giáo-dục sao cho có một hiệu-xuất thích-dáng để thăng-hoa cuộc sống chính mình và xã-hội. Do đó, châm-ngôn của giáo-dục là **làm sao cho thân ta thành một thiện cụ cho chính ta, và cũng là khí-cụ cho xã-hội**.

Biến-chứng của giáo-dục là tu tiến, từ “thủy tạo” trở nên **“thành tạo”** (qua giáo-dục trở nên phát-triển, kinh-lịch, óc sáng-kiến,...)

Bản-thể của giáo-dục là đúc-kết thành-quả trong quá-khứ và hiện-tại để mưu-cầu **cải-tiến và sáng hóa** cho tương-lai. Nếu thiết-lập được một nền giáo-dục đúng-dắn tức thành-công trên văn-hóa. Cốt-tủy của văn-hóa là sự phác-định con đường lịch-sử và chính-trị đúng đắn. Ở đó, tất có một quốc sách, một quốc lược sáng-suốt và bền-vững.

II-4/ Yếu-chỉ của giáo-dục phải **nhân-bản hóa, nhân-chủ hóa, và nhân-tính-hóa**.

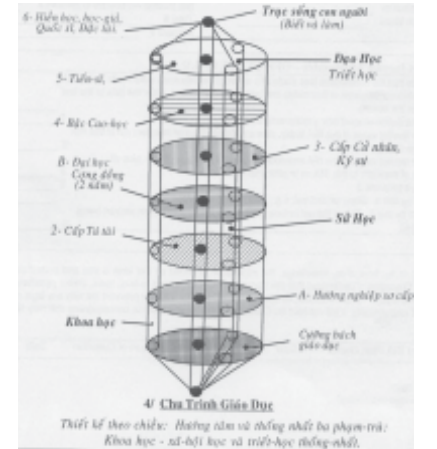
Tiến-trình của nhân-loại, từ đấu tranh với thiên-nhiên, cải-dụng thiên-nhiên để ích-dụng cho nhân-sinh.

Do “xã-hội tính” nơi con người mà hình-thành thị-tộc, bộ-lạc, dân-tộc. Những tư-tưởng phát-sinh là do đối-chiếu xã-hội, do đố tư-tưởng, xã-hội và thiên-nhiên thống-nhất. **Rộng ra, khoa-học, xã-hội và triết-học thống-nhất**.

Khoa-học là những môn học về quy-luật tự-nhiên của vũ-trụ. Dùng khoa-học để cải-dụng cho nhân-sinh, Nho học gọi là **“Tân thiên địa chi hóa dục”**.

Sử học là để suy-ngẫm, tính-lọc các quy-luật hoạt-động, phát-triển xã-hội.

Đạo học (tâm-lý học, triết-học) là nghiên-cứu các quy-luật và vận động phát-triển các tư-tưởng.



dân-tộc thì nhiều. Con người từ xưa tới nay, từ Đông sang Tây, dù mọi mầu da, loài người đều đồng bản thể “người”, đều có nhân tính (*nhu-yếu tính, tự-vệ tính, sắc-tính và xã-hội tính*) nhưng vì hoàn-cảnh địa lý, phân-bố khác nhau, sinh ra nhiều phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ, lịch-sử mà thành nhiều dân-tộc. Mỗi dân-tộc đều có dòng sống sử riêng, văn-hóa riêng, và là một cơ-năng trong bản-vị nhân-loại.

Nhân-loại tiến-hóa không phải do một dòng sống mà cần nhiều dòng giao-tiếp, chung-dùng nhau. Giả-tưởng một ngày nào đó, nhân-loại chỉ còn một dòng sống duy-nhất đã toàn thặng thì ngày ấy nhân loại cũng bắt-đầu tàn lụi.

Do đó, giáo-dục dân-tộc phải dứt khoát loại khỏi học-đường các tư-tướng, chủ-thuyết, hành-động “*siêu dân tộc*”, “*phi dân tộc*”.

II-9/ Nội-dung kiến-thiết giáo-dục:

- Quan-niệm về học-đường: Như trên đã trình-bày, bản-thể của giáo-dưỡng là đức-kết quả-khứ và hiện-tại để nhu-cầu cải-tiến và sáng hóa cho tương-lai. Trong chiều-hướng đó, có ba điều chính: **Cấu học - làm người và xử việc**.

- Cấu học phải phát-động từ cấu hiểu về nhân sinh và sự lý, lấy vũ-trụ làm vật chất, từ vật rất nhỏ đến vật rất lớn; lấy thời-gian từ vô thủy Cho nên, “**Học**” là chung đức vũ-trụ (*khoa học*), xã-hội và cá-nhân làm một. Như vậy, học không phải chỉ duy nơi trường sở, mà mọi nơi đều là học-đường. Học-đường bao gồm: công-lập, tư-thực, học-viện, võ đường, cơ-sở thương-mại, kỹ-nghệ, các trung-tâm sinh-hoạt xã-hội về văn-hóa, mỹ-thuật, thể-thao,... Tóm lại, xã-hội tức học hiểu, sinh-hoạt tức giáo-dục, “*dạy - học - làm thống nhất*.”

- Học-viên: Để thích-hợp với sự phát-triển về cơ-

nát, đời sống dân chúng không đói rách, ngu-dốt, tật bệnh) thì người hành-chánh không thể không có trách-nhiệm.

- Tổ-chức tính: Giáo-dục có tổ-chức là giáo hóa cho toàn dân có kỷ-luật, và ý-thức rõ-ràng nên dùng lễ nghĩa để điều-tiết, có thưởng phạt để khuyến-kích, răn đe; để ra những sáng-tác để phục-vụ, lấy sinh-hoạt để điều lý.

Cấu-cánh của toàn- dân giáo-dục:

Mục-dịch của dân sinh là đưa quốc-dân tới ba cứu-cánh: **Trình - Bình - Hòa**.

- **Trình**: Bẩm tính thứ nhất của loài người là “*phiên chủng*”, cho nên sự kết-hợp và hợp-tác giữa đàn ông với đàn bà cần phải “*trình*” (*chính đĩnh, thủy chung*) để điều-kiện nhân chủng được thuần-túy, kế-tục, kiện-khang.

- **Bình**: Bẩm tính thứ hai của loài người là cấp-dưỡng. Toàn-thể cơ-cấu kinh-tế trên quá trình sản sinh, giao-dịch và phân-phối có được bình-dẳng, mãn-túc và bảo-chương thì xã-hội mới có tiến-hóa bề ngang. Chính-sách “*bình-sản kinh-tế*” là để thực-hiện chữ “*bình*”.

- **Hòa**: Bẩm-tính thứ ba của con người là xã-hội tính (*tập-đoàn tính*). Tất-cả những tình-cảm, tâm lý, hành-vi, chế-độ,... nếu nguyên-lý cơ-năng (*đơn vị trong tổ-hợp*) với bản-vị (*1 hình thành của 2 hay nhiều cơ-năng*) được điều-lý thích-hợp thì an-lành, tốt đẹp.

Trình - Bình - Hòa là ba cứu-cánh và mục-dịch của xã-hội nhân sinh để cơ-bản nhân sinh được tối-đa viên-mãn.

II-7/ Bốn khoa-mục căn-bản:

- Về Đạo Lý: Khoa-mục này nhằm tu-dưỡng tính, tâm, thân mệnh để có một nhân-cách, thể-cách và phong-cách.

- Về chính-trị: Dân-chúng cần được huấn-luyện cơ-bản về pháp-ly, dân trị, và nhân trị, tư-cách sống còn, quyền-lợi của dân-tộc. Dân-chúng cần có một hiểu biết các diễn-tiến của thời-cuộc, hiểu được nghĩa-vụ, quyền-lợi của một công-dân.

- Về quân-sự: Mỗi quốc-dân phải được huấn luyện đầy-dù những điều thường-thức về chiến-tranh, căn-bản chiến-lược, chiến sử, toàn-dân tình-thần, toàn-dân hy-sinh, bảo-tồn nước non, ***một chiến-sĩ là một dân-tộc chiến-sĩ***.

- Về kinh-tế: Thực-tập phục-vụ đặc-biệt dành cho các ngành công, nông, thương.

II-8/ Hạch-tâm của giáo-dục:

- Cá-nhân: Cá-nhân và thời-đại là yếu-tố phát-triển biệ-n-chững. Cá-nhân đóng góp cho tập-thể những sáng-tác, suy-tư, hành-động, ngược lại tập-thể đối chiếu cho cá-nhân những kinh-nghiệm, những hiện thực thời-đại các sáng-tác của những cá-nhân khác. Cho nên hạch-tâm chú-trọng trong giáo-dục là sao cho mỗi cá-nhân thành thiện cụ cho chính mình, và cũng là khí cụ cho tập-thể. Về tinh-thần sao cho mỗi cá-nhân được cao-thượng, chính-nghĩa, lý-tưởng, nhân-cách, và danh-dự.

Người ta ở đời về phần xác thật không gì hơn sự sống. Sự sống ai cũng muốn, nhưng lại phải sống về phần tinh-thần. Nếu vì không kiếm cả hai cùng lúc thì nên ***bỏ cái sống nhất thời, mà chọn lấy cái nghĩa***

muôn thuở.

Giáo-dục nhằm giúp mỗi cá-nhân có một bản ngã trang-nghiêm, cao đẹp.

Giáo-dục cần vạch rõ cho cá-nhân có ba cửa học: ***nô-tài, nhân-tài và thiên-tài***.

- Gia-Đình: Tiểu gia-đình là tế-bào (đơn-vị căn bản) của quốc-gia. Do đó, sinh-hoạt tiểu gia-đình là điều quan-trọng trong chương-trình quốc giáo.

Tiểu gia-đình gồm có cha mẹ, và con cái. Quốc-gia lấy tiểu gia-đình làm đơn-vị phân công, phân mệnh và phân lợi. Tiểu gia-đình là miếng đất tiên-khởi, gico hạt giống hạch-tâm-thể cho toàn bộ xã-hội.

Đối với xã-hội, tiểu gia-đình là nơi truyền nối đạo thống, văn-hóa, di-dưỡng phong-tục, tập-quán dân-tộc, là nơi đào-tạo căn-bản tài-năng, tư-cách công dân: chuẩn-bị sáng-tạo, quan-trọng nhất là khởi dựng cửa “*yếu thương*”. Có yêu thương mới lo xây-đắp cho chính mình, gia-đình và xã-hội.

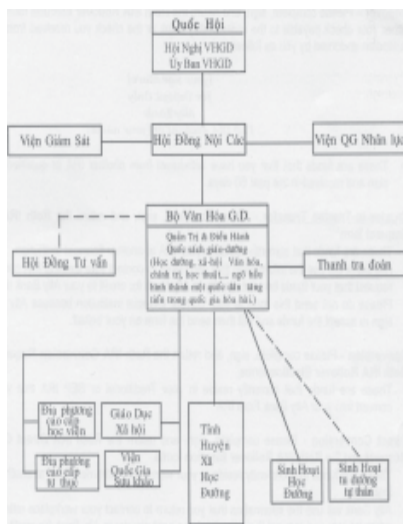
Yếu-tố thứ nhất của xã-hội sinh-hoạt là hôn-nhân. Đề-cấp tới hôn-nhân là đề-cấp đến nhân-chúng. Nhân-chúng có kiện khang thì gia-đình, xã-hội mới phát-triển và hưởng thượng.

Trong tiểu gia-đình, mỗi người có bốn-phận với chính mình, và gia-đình (cha mẹ làm tròn đạo cha mẹ, con cái làm tròn bốn-phận làm con).

Tiểu gia-đình lấy quan-hệ hòa-hài giữa cha mẹ và con cái là m tiêu-chuẩn cho mọi sinh-hoạt. Vai-trò của ch, mẹ và con cái là vai-trò của cơ năng trong bản vị gia đình. Ba côngnăng này lấy quyền-lợi và hạnh-phúc của gia-đình làm ***bản-vị hệ***, chú khơng là ***mẫu hệ***” hay “*phụ hệ*”.

- Quốc-gia, dân-tộc: nhân-loại là một, nhưng

II-12/ Hệ thống giáo dục (Gợi ý):



thể, và trí tuệ, học-viên nên được phân lớp như sau:

- Dục anh (1-3 tuổi), tuổi cần bú sữa, săn-sóc, phù-trì.
- Ấu học: (3-5 tuổi) tuổi cần vệ-vệ, khai-thác tính tình, mở đường biết thực tế xã-hội sinh-hoạt.
- Tiểu học: (5-10 tuổi) bồi-duỡng tính tình, hàm dưỡng lý-tưởng, khai-tu đạo-đức.
- Trung học: (10-17 tuổi) tuổi bồi-đắp nhân-cách, nâng cao lý-tưởng, mở-mang nhân quan, vun đắp trí-năng thực-dụng.

- Đại học: (17-40 tuổi) tuổi rèn luyện tính, tâm, thân mệnh (hoàn-thành lý tính, kiên-toàn tâm-lý, tu dưỡng tính, khí, thần, xúc-tiến sự-nghiệp, học-hỏi chuyên-môn khoa-học, kỹ-thuật, nhân văn, v.v...)

- Dưỡng lão: (50 tuổi trở lên) Tuổi cần tu đạo, nghi-ngời, dạy trẻ, lập đức, lập nghiệp = thành nhân.

Ngoài ra công việc giáo-dục cũng phải lưu-tâm đến những thành-phần ưu-tú (thần đồng), hay những em bất-thường-thái để có những chương-trình đặc-biệt.

II-10/ Mô Phạm:

- Nhà giáo (người dạy) đề nghị chia làm 4 ngành:

. Thầy dạy về các môn kỹ-nghệ và quản-lý; trông nom những vấn-đề lao-động công-tác, kỹ-nghệ sản-xuất sinh-hoạt đoàn thể, quản-lý chính-trị, coi xét kỹ-cương, công-tác lãnh-đạo, đốc-thúc và điều-chỉnh kế-hoạch.

- Thầy dạy về khoa-học: Phụ-trách các môn khoa-học tự nhiên, toán học, khoa-học thực-nghiệm.

- Thầy dạy về văn, xã: Phụ-trách các vấn-đề khoa-học xã-hội, văn ngữ, nghệ-thuật, quốc-nghĩa và

công-dân giáo-dục.

- Thầy dạy về thể-dục: thể-thao, võ-thuật và quân-sự học-dưỡng.

Nền giáo-dục hiện nay trên thế-giới phần đông bị thất-bại vì quá nhấn mạnh vào kỹ-thuật. Chỉ trau dồi tài-năng mà thiếu hiểu biết đến cuộc sống, thiếu thể-cách của tư-tưởng. Chính cũng do đó là nguyên nhân đã đưa đến những cuộc chiến-tranh, sự bất an trong cuộc sống. Giáo-dục tương-lai phải khám-phá ra nhiều phương-thức có ích-lợi của việc sáng-tạo để phục-vụ cho nhân sinh một cách tốt đẹp hơn.

Dạy với học thống nhất. Dạy tức là học, học tức dạy; học tức hành (tri - hành hợp nhất).

Đối với người dạy, điều trước tiên cần hỏi nơi chính mình, quyết định muốn dạy học thì phải tự mình minh-xác dạy những gì? (biết rõ điều mình dạy), và bao lâu việc dạy học coi là một nghề-nghiệp, một phương-tiện sinh sống mà không phải là xu-hướng hiển-dâng thì còn có một lỗ hổng to lớn trong ngành dạy học.

Công việc giáo-dục rất là quan-trọng, vì đó là cách "trồng người", đòi hỏi rất nhiều công-phu và phương-thức thật tinh-vi, tế-nhị.

Cách dạy học của người xưa, cùng một điều mà tùy theo mỗi môn đệ mà giảng-giải một cách, để tùy khiêu nơi mỗi môn đệ mà nhận lãnh.

Tóm lại, cách dạy phải tế-nhị, linh-động hóa, nhiệt-thành trong khi dạy, biết rõ điều mình dạy, tôn trọng học viên - cụ-thể hóa, thực-hành hóa trường-hợp cần-thiết; gợi ý nơi người học hơn là giảng giải sẵn, làm gương sáng cho học viên,...

Thế Học:

- Môn học, giờ học:

Tổng-quát ba ngành chính : Khoa-học -nhân văn - xã-hội phải thống-nhất và liên-hoàn với nhau cho từng trình-độ.

Mỗi ngành chia ra các môn cho thích-hợp với trình-độ, đồng sống sử và thời-dại.

II-11/ Cách học:

Đối với học viên cần hiểu rõ: Học cũ là nền-tảng, học mới là vật-liệu, hai bên vẫn có thể giúp nhau làm nên một tòa nhà hoa-mỹ. Chẳng bao-giờ không vật-liệu mà làm nên nhà, và cần thứ nhất là chẳng bao giờ không nền-tảng mà dựng nên nhà. Học không phải chỉ để cho biết, mà học còn là bất-chước, và học để mà làm (tri - hành hợp nhất).

Học là gồm mọi phương-châm tinh-thần, phương pháp, thái-độ để tìm tòi, nắm giữ được, vận-dụng được tất-cả những tri-thức quan-hệ đến sự sống của loài người. Biết là trục của sống, học là cửa đi và sự biết.

Tổng quát có 3 cách học:

- Đặc ý vong ngôn: cốt ở ý, không cốt ở lời.
- Nhập lý xuất sự: Vào lý ra việc.
- Nhập nhĩ xuất khẩu: vào tai ra miệng (vô ích).



đối-tượng (không lấy con người làm gốc, ...), mà đặt đối tượng là *thần? vật? quyền lực? v.v...*, **đã dựa vào đối-tượng sai lạc** mà hoạch-định chương-trình, nên không phục-vụ cho con người (**phi nhân-bản**).

- Mỗi chủ-nghĩa phôi-thai từ một hoàn-cảnh xã-hội đen tối, thành ra từ một sai trái này sang một thiên-lệch khác, có khi gây tồi-tệ hơn, tỷ như từ hoàn-cảnh phân chia giai-cấp cũ sang mâu-thuẫn hủy-diệt mới, nói cách khác cũng chỉ là “**Đi bọ dịch bọ**” (lấy thiên lệch thay sai trái, hay lấy bọ-ngược thay hung-tàn.)

- Có những chủ-nghĩa đem những luật-tác trong một lãnh-vực này áp-dụng vào lãnh-vực khác, thật là *chéo cẳng ngỗng*; chẳng hạn đem luật-tác trong thiên-nhiên (vũ-trụ vô tình-diễn, khách-quan) vào xã-hội người (chủ-quan) thì làm sao thích-hợp với loài người nếu không muốn gọi là **phi nhân-tính**.

- Các chủ-nghĩa thường vá-vú, phiến-diện, thiên-lệch, **thiếu tính-cách toàn-diện và nhất-quán**, khác nào truyện *nấm anh mù sờ voi* - anh nào cũng tự nhận chính mình sờ thấy, thì chỉ duy mình mới đúng. Do đó làm sao có được **chân-lý toàn-diện** !

Lịch-sử loài người là một diễn-tiến đấu-tranh không ngừng để *sống, còn, tiến, nói, hóa* sao cho sinh-mệnh “

II-15/ Những tai-hại của một nền giáo-dục thiếu tâm đưc:

“Hiện nay, nhân loại sống trong khủng-hoàng gây nên bởi sự phá sản của các ý-thức-hệ xưa và nay, bàng-hoàng trước những thế-lực vật-chất như lòì-cuốn loài người xuống vực thẳm của hư-vô với phi lý chủ-nghĩa...”

“Phải chấm-dứt thống-trị dân-tộc, phải chấm-dứt cảnh người bóc-lột người, phải xua đuổi được bóng-dáng của chiến-tranh, phải tạo được những xã-hội hòa-hài trong một thế-giới yên vui, đều là những nhu-yếu cấp-thiết, càng cấp-thiết khi loài người nắm trong tay những vũ-khí ghê-gớm có thể tiêu-diệt nhân-loại, mà cũng có thể là những phương-tiện giúp cho nhân-loại ấm no trong tiến-bộ và danh-dự...”

“Sự thật đó càng làm nổi bật lên nhu-yếu của loài người cần có được một ý-thức-hệ mới để ổn-định nhân-loại trên những nguyên-tắc của chân bình-dẳng, chân tự-do, chân nhân-ái và tiến-bộ.”

Những Vấn Nạn Xưa Nay :

A- Các nòi-gióng bị linh-lạc, diệt vong !

- Trước hiện-tình thế-giới, những vũ-khí tối-tàn đương hầm-hè tiêu-diệt loài người, náo phi-dạn xuyên dương, náo tàu ngầm hạt nhân lặn sâu hàng ngàn mét, náo các chiến-hạm đương vờn nhau trên đại-dương, náo đủ các loại bom đương chờ dịp thi-thố, đều **nói lên sự thất-bại của các luồng tu-tướng, chủ-nghĩa, chế-độ** trong công-cuộc kiến-thiết nhân sinh!

- Các kế-sách cũng như chủ-nghĩa đã **đặt sai**

1-Thái Thân, Lời Giới Thiệu Chu Tri Lục của Lý Đông A, năm 1967.